TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM
PHÒNG KẾ HOẠCH ĐT – KHẢO THÍ
Số: 483/ĐHKT-KHKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TP.HCM, ngày 06 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Các Khoa đào tạo, Ban chuyên môn và Bộ môn

Căn cứ vào khung thời gian đào tạo năm 2020 và tiến độ thực hiện kế hoạch đào tạo của các bậc, hệ đào tạo trong Trường, Phòng Kế hoạch đào tạo – Khảo thí trân trọng gửi đến các Khoa đào tạo, Ban chuyên môn và Bộ môn **Kế hoạch đào tạo dự kiến năm 2020** của các bậc, hệ đào tạo trong nhà trường như sau:

+ Bậc Đại học - Hệ chính quy (ĐHCQ, VB2CQ, LTĐHCQ)
+ Bậc Đại học - Hệ vừa làm vừa học
+ Bậc Cao học

Phòng Kế hoạch đào tạo – Khảo thí kính đề nghị các Khoa đào tạo, Ban chuyên môn, Bộ môn cho ý kiến và những lưu ý (nếu có) về kế hoạch đào tạo dự kiến năm 2020 của các bậc, hệ. Trong quá trình thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2020, nếu chương trình đào tạo có sự điều chỉnh, kế hoạch đào tạo sẽ được thay đổi cho phù hợp.

Trân trọng,

Nơi nhận:
- Như trên;
- QLĐTCTSV;
- QLĐTTC;
- ĐTSĐH;
- Website KHĐTKT;
- Lưu: VT, KHĐTKT.

KT.TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Võ Thị Tâm

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO DỰ KIẾN
NĂM 2020
(Tổng hợp theo Khoa đào tạo, Ban chuyên môn)

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN KHỞI NGHIỆP

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	BUS533002	X	Khởi nghiệp kinh doanh	1	8	0	0		0	**8**

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KINH DOANH

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	INF509028		Bảo mật thông tin trong thương mại điện tử	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509020		Business Intelligence	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509029		Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509026		Công nghệ thương mại điện tử	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509003		Cơ sở công nghệ thông tin	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509006		Cơ sở dữ liệu	3	5	0	0	0	0	**5**
HKD	INF509005		Cơ sở lập trình	3	4	0	0	0	0	**4**
HKD	INF509017		Giới thiệu hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509030		Hệ thống thanh toán điện tử	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509008		Hệ thống thông tin quản lý	3	9	1	1	0	0	**11**
HKD	INF509004		Kiến trúc hệ thống	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509022		Kiến trúc phần mềm hướng dịch vụ	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509021		Kiểm thử phần mềm	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509037		Lập trình hướng đối tượng	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509023		Phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509009		Phân tích nghiệp vụ	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	INF509010		Phân tích thiết kế hệ thống	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509038		Phát triển ứng dụng Desktop	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509027		Phát triển ứng dụng thương mại điện tử	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509015		Phát triển ứng dụng trên Windows	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509014		Phát triển ứng dụng web	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509016		Quản lý dự án công nghệ thông tin	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509031		Quản trị dự án TMĐT	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509013		Thương mại điện tử	3	6	0	0	0	0	**6**
HKD	INF509001		Tin học trong kinh doanh	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF509002		Tin học trong kinh doanh (EN)	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	INF509011		Toán cho tin học	3	1	0	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	INF509040		An ninh thông tin	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	DAT609006		Biểu diễn trực quan dữ liệu	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	BIG609007		Big data và ứng dụng	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	INF509007		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	INF509012		Công nghệ phần mềm	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	INF509003		Cơ sở công nghệ thông tin	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	INF509006		Cơ sở dữ liệu	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	INF509018		Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INF509005		Cơ sở lập trình	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	INF509032		Digital Marketing	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	INF509025		Dịch vụ mạng Internet	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	INF509060		ERP (HRM)	2	12	0	0	0	0	**12**
HKC	INF509062		ERP (SCM SALE CRM)	2	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INF509061		ERP (SCM)	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	INF509048		ERP trong quản trị kho	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INF509049		ERP trong quản trị nguồn nhân lực	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INF509051		ERP trong quản trị tài chính	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INF509017		Giới thiệu hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	INF509008		Hệ thống thông tin quản lý	3	6	1	1	0	0	**8**
HKC	INF509055		Information System Management	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ADV609004		Khai phá dữ liệu nâng cao	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	INF509059		Khoa học dữ liệu	2	35	0	0	0	0	**35**
HKC	INF509066		Lập trình cơ bản	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INF509024		Mạng máy tính	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAC609008		Máy học và kinh tế lượng	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	INF509023		Phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	DAT609002		Phân tích dữ liệu	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	SOC609005		Phân tích dữ liệu mạng xã hội	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	DIG609009		Phân tích marketing số	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	INF509009		Phân tích nghiệp vụ	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INF509010		Phân tích thiết kế hệ thống	3	4	0	0	0	0	**4**
HKC	INF509014		Phát triển ứng dụng web	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INF509036		Thiết kế giao diện	3	1	0	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	INF609001		Thiết kế thông tin và chiến lược nội dung	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	STA609003		Thống kê máy học	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	INF509013		Thương mại điện tử	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INF509069		Tin học trong kinh doanh	2	3	0	0	0	0	**3**
HKC	INF509011		Toán cho tin học	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	INF509046		Tư duy hệ thống	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INF509019		Đảm bảo và kiểm soát chất lượng phần mềm	3	2	0	0	0	0	**2**

VIỆN DU LỊCH

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	HOT515040		An toàn và an ninh khách sạn	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	TOU515013		Du lịch sinh thái và khám phá	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	TOU515014		Du lịch thể thao và giải trí	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	HOT515037		Hành vi khách hàng ngành khách sạn	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	EVE515058		Hành vi khách hàng ngành sự kiện và giải trí	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	TOU515015		Hệ thống phân phối toàn cầu	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	EVE515052		Hoạch định sự kiện	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	TOU515017		Kiến tập	6	3	0	0	0	0	**3**
HKD	EVE515051		Nhập môn về giải trí	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	EVE515036		Nhập môn về sự kiện	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	TOU515020		Phát triển dịch vụ lữ hành	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	HOT515047		Quản trị bán dịch vụ khách sạn	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	EVE515054		Quản trị bán dịch vụ sự kiện	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	TOU515042		Quản trị câu lạc bộ	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	HOT515019		Quản trị dự án	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	HOT515011		Quản trị hiếu khách	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	HOT515046		Quản trị sự kiện và hội nghị	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	HOT515029		Quản trị tiền sảnh	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	TOU515023		Tâm lý du khách	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	HOT515035		Vận hành khách sạn	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	TOU515026		Xếp hàng và quản trị năng lực	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	TOU515009		Địa lý du lịch toàn cầu	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	TOU515012		Ứng dụng điện toán trong du lịch	3	1	0	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	TOU515015		Hệ thống phân phối toàn cầu	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	HOT515039		Hệ thống thông tin trong khách sạn	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	TOU515021		Hướng dẫn du lịch	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	TOU515002		Khoa học quản trị	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	TOU515005		Phương pháp nghiên cứu và tìm kiếm thông tin	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	TOU515018		Quản trị bán sản phẩm lữ hành	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	TOU515001		Quản trị du lịch	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	EVE515055		Quản trị dịch vụ giải trí	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	TOU515003		Quản trị hiệu quả	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	TOU515008		Quản trị nhân sự du lịch	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	TOU515043		Quản trị nhà hàng	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	TOU515007		Quản trị quan hệ khách hàng	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	EVE515057		Quản trị sự kiện đặc biệt	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	TOU515016		Quản trị vận hành tour	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	TOU515004		Quản trị đám đông	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	TOU515010		Tiếp thị du lịch và lữ hành	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	HOT515038		Tiếp thị khách sạn	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	EVE515061		Tiếp thị sự kiện và giải trí	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	HOT515030		Vận hành dịch vụ buồng	3	1	0	0	0	0	**1**

BAN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	PHY514001		GDTC1 - Bóng bàn CB	1	66	0	0	0	0	**66**
HKD	PHY514002		GDTC1 - Bóng chuyền CB	1	66	0	0	0	0	**66**
HKD	PHY514004		GDTC1 - Bóng rổ CB	1	8	0	0	0	0	**8**
HKD	PHY514003		GDTC1 - Bóng đá CB	1	8	0	0	0	0	**8**
HKD	PHY514005		GDTC1 - Cầu lông CB	1	8	0	0	0	0	**8**
HKD	PHY514006		GDTC1 - Võ thuật CB	1	8	0	0	0	0	**8**
HKD	PHY514007		GDTC2 - Bóng bàn NC	2	28	0	0	0	0	**28**
HKD	PHY514008		GDTC2 - Bóng chuyền NC	2	28	0	0	0	0	**28**
HKD	PHY514010		GDTC2 - Bóng rổ NC	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	PHY514009		GDTC2 - Bóng đá NC	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	PHY514011		GDTC2 - Cầu lông NC	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	PHY514012		GDTC2 - Võ thuật NC	2	1	0	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	PHY514001		GDTC1 - Bóng bàn CB	1	48	0	0	0	0	**48**
HKC	PHY514002		GDTC1 - Bóng chuyền CB	1	48	0	0	0	0	**48**
HKC	PHY514004		GDTC1 - Bóng rổ CB	1	1	0	0	0	0	**1**
HKC	PHY514003		GDTC1 - Bóng đá CB	1	1	0	0	0	0	**1**
HKC	PHY514005		GDTC1 - Cầu lông CB	1	1	0	0	0	0	**1**
HKC	PHY514006		GDTC1 - Võ thuật CB	1	1	0	0	0	0	**1**
HKC	PHY514007		GDTC2 - Bóng bàn NC	2	66	0	0	0	0	**66**
HKC	PHY514008		GDTC2 - Bóng chuyền NC	2	66	0	0	0	0	**66**
HKC	PHY514010		GDTC2 - Bóng rổ NC	2	8	0	0	0	0	**8**
HKC	PHY514009		GDTC2 - Bóng đá NC	2	8	0	0	0	0	**8**
HKC	PHY514011		GDTC2 - Cầu lông NC	2	8	0	0	0	0	**8**
HKC	PHY514012		GDTC2 - Võ thuật NC	2	8	0	0	0	0	**8**

KHOA KINH DOANH QUỐC TẾ - MARKETING

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	BUS503016		Báo cáo ngoại khóa NT,KD	2	12	0	0	0	0	**12**
HKD	BUS503079		Business Simulation (Mô phỏng kinh doanh)	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	BUS503088		Consumer Behavior (hành vi khách hàng)	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	BUS503091		Cross-cultural Management	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	BUS503003		Doanh nghiệp và Kinh doanh	3	0	1	1	0	0	**2**
HKD	FUN403013		Doanh nghiệp và kinh doanh	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	BUS403016		Dự án kinh doanh	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	BUS503013		Dự án kinh doanh quốc tế	3	12	1	1	0	0	**14**
HKD	MAR503120		Fundamental Marketing	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	BUS503070		Fundamentals of Marketing (Marketing căn bản)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	BUS403017		Giao tiếp kinh doanh	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	BUS503044		Giao tiếp kinh doanh	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	BUS503109		Global Strategic Management	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	CUS403024		Hành vi người tiêu dùng	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	MAR503021		Hành vi người tiêu dùng	3	1	1	0	0	0	**2**
HKD	BUS503067		International Business (Kinh doanh quốc tế)	4	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAR503075		International Marketing (Marketing quốc tế)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	BUS503110		International Trade	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	BUS503007		Khoa học quản trị	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	INT403018		Khoa học quản trị	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	BUS503004		Kinh doanh quốc tế 1	3	10	1	1	0	0	**12**
HKD	INT403005		Kinh doanh quốc tế 1	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	INT403006		Kinh doanh quốc tế 2	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	BUS503134		Kinh doanh quốc tế I (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	BUS503095		Kỹ năng mềm	2	55	0	0	0	0	**55**
HKD	BUS503107		Logistics quốc tế	3	0	1	2	0	0	**3**
HKD	MAR503086		Market Research (Nghiên cứu thị trường)	3	2	0	0	0	0	**2**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	MAR503001		Marketing căn bản	3	8	3	1	0	0	**12**
HKD	PRI403001		Marketing căn bản	2	0	0	0	2	0	**2**
HKD	PRI403002		Marketing căn bản	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	MAR503002		Marketing căn bản (EN)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	PRI403042		Marketing căn bản (EN)	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	MAR503031		Marketing dịch vụ	3	9	0	0	0	0	**9**
HKD	MAR503027		Marketing dịch vụ y tế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAR503104		Marketing khởi nghiệp	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAR503033		Marketing kỹ thuật số	3	5	0	1	0	0	**6**
HKD	MAR503163		Marketing kỹ thuật số (IB,FT)	3	6	1	0	0	0	**7**
HKD	INT403012		Marketing quốc tế	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	MAR503019		Marketing quốc tế	3	4	1	1	0	0	**6**
HKD	MAR503096		Marketing quốc tế (EN)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAR503030		Marketing trong kinh doanh	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	MAR503034		Mô phỏng Marketing	3	5	0	0	0	0	**5**
HKD	BUS503130		Mô phỏng kinh doanh	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	BUS503014		Mô phỏng kinh doanh quốc tế	4	2	0	0	0	0	**2**
HKD	BUS503098		Mô phỏng kinh doanh quốc tế (EN)	4	10	0	0	0	0	**10**
HKD	MAR503026		Nghiên cứu Marketing (ứng dụng)	2	4	0	0	0	0	**4**
HKD	MAR503017		Nghiên cứu marketing	3	20	0	1	0	0	**21**
HKD	MAR503101		Nghiên cứu marketing (EN)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAR503159		Nghiên cứu marketing (ứng dụng) (EN)	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	BUS503090		Organizational Behavior	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	COM503042		Quản trị bán hàng	3	7	0	0	0	0	**7**
HKD	COM503043		Quản trị bán lẻ	3	6	0	0	0	0	**6**
HKD	BUS503006		Quản trị chiến lược toàn cầu	3	3	1	2	0	0	**6**
HKD	BUS503048		Quản trị chuỗi cung ứng	3	10	2	1	0	0	**13**
HKD	SUP403020		Quản trị chuỗi cung ứng 1	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	SUP403021		Quản trị chuỗi cung ứng 2	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	BUS503010		Quản trị chuỗi cung ứng P2	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	BUS503100		Quản trị chuỗi cung ứng P2 (EN)	3	10	0	0	0	0	**10**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	COM503041		Quản trị dịch vụ	3	4	0	0	0	0	**4**
HKD	MAR503028		Quản trị kênh phân phối	3	4	1	0	0	0	**5**
HKD	BUS503008		Quản trị kinh doanh quốc tế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAR503039		Quản trị lực lượng bán hàng	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	MAR403004		Quản trị marketing	3	0	0	0	3	0	**3**
HKD	MAR503018		Quản trị marketing	3	10	1	0	0	0	**11**
HKD	MNC403025		Quản trị nhân sự MNC's	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	COM503024		Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3	6	0	0	0	0	**6**
HKD	BUS503011		Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	12	0	0	0	0	**12**
HKD	FOU403022		Quản trị tài chính đa quốc gia	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	MAR503029		Quản trị thương hiệu	3	6	0	0	0	0	**6**
HKD	BUS503012		Quản trị xuất nhập khẩu	3	4	1	1	0	0	**6**
HKD	BUS503045		Quản trị đa văn hóa	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	COM503119		Sales Management	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	BUS503073		Soft Skills (Kỹ năng mềm)	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	BUS503082		Strategic Management in Global Environment	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	BUS503015		Thông lệ trong thương mại quốc tế	3	3	1	0	0	0	**4**
HKD	COM503022		Thương mại quốc tế	3	4	1	1	0	0	**6**
HKD	INT403011		Thương mại quốc tế	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	MAR503032		Truyền thông marketing	3	6	0	0	0	0	**6**
HKD	MAR503025		Tư duy sáng tạo truyền thông tiếp thị	3	1	0	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	BUS503077		Business and Enterprise (Doanh nghiệp và Kinh doanh)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	MAR503036		Chiến lược định giá	3	5	0	0	0	0	**5**
HKC	BUS503023		Chủ đề về thương mại quốc tế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	COM503116		Customer Relationship Management	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BUS503003		Doanh nghiệp và Kinh doanh	3	13	1	0	0	0	**14**
HKC	FUN403013		Doanh nghiệp và kinh doanh	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	BUS503013		Dự án kinh doanh quốc tế	3	0	1	1	0	0	**2**
HKC	BUS503131		ERP (SCM)	2	12	0	0	0	0	**12**
HKC	BUS403017		Giao tiếp kinh doanh	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	BUS403027		Giao tiếp kinh doanh	2	0	0	0	1	0	**1**
HKC	BUS503044		Giao tiếp kinh doanh	3	5	0	0	0	0	**5**
HKC	CON603017		Hành vi người tiêu dùng	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	CUS403024		Hành vi người tiêu dùng	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAR503021		Hành vi người tiêu dùng	3	9	0	0	0	0	**9**
HKC	MAR503136		Hành vi người tiêu dùng (EN)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BUS503074		Import - Export Management (Quản trị XNK)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BUS503067		International Business (Kinh doanh quốc tế)	4	2	0	0	0	0	**2**
HKC	BUS503083		International Financial Management (QT tài chính quốc tế)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BUS503078		International Human Resource Management (QTNS quốc tế)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	BUS503080		International Logistics	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BUS503081		International Supply Chain Management (ISCM)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BUS503068		Introduction to Management Science (Khoa học quản trị)	3	2	0	0	0	0	**2**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	BUS503007		Khoa học quản trị	3	10	1	0	0	0	**11**
HKC	BUS503040		Khoa học quản trị (EN)	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	BUS503004		Kinh doanh quốc tế 1	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	INT403005		Kinh doanh quốc tế 1	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	INT403006		Kinh doanh quốc tế 2	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	BUS503005		Kinh doanh quốc tế II	3	10	0	0	0	0	**10**
HKC	BUS503095		Kỹ năng mềm	2	3	0	0	0	0	**3**
HKC	BUS503160		Kỹ năng mềm (EN)	2	4	0	0	0	0	**4**
HKC	BUS503114		Legal Framework in International Trade	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BUS503020		Logistics	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	BUS503111		Logistics	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BUS503107		Logistics quốc tế	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	INT603013		Logistics quốc tế	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	MAR503113		Marketing Management	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAR503001		Marketing căn bản	3	30	2	1	0	0	**33**
HKC	PRI403001		Marketing căn bản	2	0	0	0	1	0	**1**
HKC	PRI403002		Marketing căn bản	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAR503002		Marketing căn bản (EN)	3	4	0	0	0	0	**4**
HKC	MAR503157		Marketing doanh nghiệp (EN)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAR503031		Marketing dịch vụ	3	1	1	0	0	0	**2**
HKC	MAR503104		Marketing khởi nghiệp	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	DIG603008		Marketing kỹ thuật số	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	MAR503033		Marketing kỹ thuật số	3	0	0	1	0	0	**1**
HKC	MAR503163		Marketing kỹ thuật số (IB,FT)	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	INT403012		Marketing quốc tế	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	INT603007		Marketing quốc tế	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	MAR503019		Marketing quốc tế	3	10	1	1	0	0	**12**
HKC	MAR503096		Marketing quốc tế (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	GLO603016		Marketing toàn cầu	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	MAR503030		Marketing trong kinh doanh	3	9	2	0	0	0	**11**
HKC	BUS503130		Mô phỏng kinh doanh	3	6	0	0	0	0	**6**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	MAR403023		Nghiên cứu marketing	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAR503017		Nghiên cứu marketing	3	4	1	1	0	0	**6**
HKC	BUS603005		Phân tích kinh doanh	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	MAR503038		Quan hệ công chúng	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	GLO603022		Quan hệ ngoại thương toàn cầu	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	SAL603011		Quản trị bán hàng	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	RET603015		Quản trị bán lẻ	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	STR403007		Quản trị chiến lược	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	BUS503006		Quản trị chiến lược toàn cầu	3	10	1	0	0	0	**11**
HKC	GLO603004		Quản trị chiến lược toàn cầu	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	BUS503048		Quản trị chuỗi cung ứng	3	4	0	1	0	0	**5**
HKC	SUP603023		Quản trị chuỗi cung ứng	3	0	0	0	0	5	**5**
HKC	BUS503009		Quản trị chuỗi cung ứng P1	3	8	0	0	0	0	**8**
HKC	BUS503135		Quản trị chuỗi cung ứng P1 (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	GLO603014		Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	MUL403019		Quản trị công ty đa quốc gia	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	SER603010		Quản trị dịch vụ	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	MAR503028		Quản trị kênh phân phối	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BUS503008		Quản trị kinh doanh quốc tế	3	9	0	0	0	0	**9**
HKC	BUS503051		Quản trị kinh doanh quốc tế (EN)	3	4	0	0	0	0	**4**
HKC	BUS503162		Quản trị kinh doanh quốc tế - EN	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	GLO603002		Quản trị kinh doanh toàn cầu	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	MAR403004		Quản trị marketing	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAR503018		Quản trị marketing	3	5	1	0	0	0	**6**
HKC	BUS503057		Quản trị nguồn nhân lực MNCs	3	10	0	0	0	0	**10**
HKC	COM503024		Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3	6	0	0	0	0	**6**
HKC	MUL603003		Quản trị tài chính đa quốc gia	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	BRA603012		Quản trị thương hiệu	3	0	0	0	0	3	**3**
HKC	MAR503029		Quản trị thương hiệu	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	MAR503035		Quản trị và phát triển sản phẩm mới	3	3	0	0	0	0	**3**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	BUS503012		Quản trị xuất nhập khẩu	3	3	1	1	0	0	**5**
HKC	EXP403010		Quản trị xuất nhập khẩu	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	EXP603009		Quản trị xuất nhập khẩu	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	BUS503097		Quản trị xuất nhập khẩu (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	MAR503037		Quảng cáo	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	BUS503073		Soft Skills (Kỹ năng mềm)	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	BUS503137		Supply Chain Management in ERP	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	BUS503015		Thông lệ trong thương mại quốc tế	3	10	1	2	0	0	**13**
HKC	LEG403014		Thông lệ trong thương mại quốc tế	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	COM503022		Thương mại quốc tế	3	0	1	1	0	0	**2**
HKC	INT603006		Thương mại quốc tế và chính sách	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	INT603021		Truyền thông marketing	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	MAR503105		Tư duy sáng tạo	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	MAR503025		Tư duy sáng tạo truyền thông tiếp thị	3	4	0	0	0	0	**4**

KHOA KINH TẾ

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	ECO501074		Báo cáo ngoại khóa - AE	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501064		Báo cáo ngoại khóa - AG	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501044		Báo cáo ngoại khóa - DT	2	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ECO501062		Báo cáo ngoại khóa - NS	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ECO501063		Báo cáo ngoại khóa - TĐG	2	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ECO501032		Bảo hiểm xã hội	3	2	1	0	0	0	**3**
HKD	ECO501019		Chiến lược và Kế hoạch kinh doanh	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501078		Chính sách kinh tế vĩ mô	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501070		Chính sách thương mại và công nghiệp	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501089		Dân số và phát triển	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ECO501036		Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501011		Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	3	11	1	0	0	0	**12**
HKD	ECO501030		Hành vi tổ chức ứng dụng và QLNNL	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ECO501079		Hệ thống tài chính thể chế và thị trường	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501017		Kế hoạch và chính sách công	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	VIE401012		Kinh tế Việt Nam trong hội nhập toàn cầu	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ECO501056		Kinh tế bất động sản	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ECO501010		Kinh tế công	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ECO501021		Kinh tế học lao động	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	LAB401020		Kinh tế học lao động	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ECO501087		Kinh tế học quản lý	3	8	1	0	0	0	**9**
HKD	ECO501024		Kinh tế học quản lý nhân sự	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501071		Kinh tế học tổ chức ngành	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	PER401034		Kinh tế học tổ chức nhân sự	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ECO501040		Kinh tế học về kinh doanh nông sản	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501067		Kinh tế lượng ứng dụng	3	4	0	0	0	0	**4**
HKD	ECO501035		Kinh tế nông nghiệp	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	DEV401023		Kinh tế phát triển	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ECO501007		Kinh tế phát triển	3	1	1	0	0	0	**2**
HKD	ECO501008		Kinh tế quốc tế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INT401024		Kinh tế quốc tế	3	0	0	0	1	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	ECO501066		Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực	4	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ECO501001		Kinh tế vi mô	3	1	5	0	0	0	**6**
HKD	MIC401001		Kinh tế vi mô	3	0	0	0	4	0	**4**
HKD	ECO501005		Kinh tế vi mô (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ECO501116		Kinh tế vi mô -(EN)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501003		Kinh tế vi mô II	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501100		Kinh tế vi mô trung cấp	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501002		Kinh tế vĩ mô	3	55	5	0	0	0	**60**
HKD	MAC401002		Kinh tế vĩ mô	3	0	0	0	5	0	**5**
HKD	ECO501077		Kinh tế vĩ mô quốc tế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501088		Kinh tế vĩ mô ứng dụng	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ECO501055		Kinh tế đô thị	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ECO501098		Macro - Economics (Kinh tế vĩ mô)	3	5	0	0	0	0	**5**
HKD	ECO501042		Nguyên lý công nghệ nông nghiệp	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501046		Nguyên lý thẩm định giá	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ECO501039		Phân tích chuỗi giá trị nông sản	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	SOC401013		Phân tích chính sách kinh tế xã hội	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ECO501043		Phân tích chính sách nông nghiệp và lương thực	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501073		Phân tích hành vi người tiêu dùng	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ECO501014		Phân tích lợi ích - chi phí	3	4	0	0	0	0	**4**
HKD	ECO501060		Phân tích thị trường bất động sản	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501034		Phát triển kỹ năng lãnh đạo	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501092		Phát triển kỹ năng lãnh đạo	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ECO501033		Phát triển nguồn nhân lực	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501090		Phát triển nguồn nhân lực	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	HUM401036		Phát triển nguồn nhân lực	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ECO501018		Phát triển và Marketing địa phương	3	3	0	0	0	0	**3**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	ECO501012		Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	1	1	0	0	0	**2**
HKD	RES401021		Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	RES401014		Phương pháp nghiên cứu quản lý kinh tế	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ECO501026		Quan hệ lao động	3	2	1	0	0	0	**3**
HKD	ECO501038		Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501028		Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ECO501091		Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ECO501058		Quản trị tài sản bất động sản	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501045		Quy hoạch xây dựng	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ECO501106		Quy hoạch đô thị và nhà ở	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ECO501022		Tâm lý học quản lý	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	PRO401008		Thẩm định dự án đầu tư kinh tế	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ECO501047		Thẩm định giá bất động sản	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ECO501049		Thẩm định giá doanh nghiệp	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ECO501048		Thẩm định giá máy - thiết bị	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ECO501050		Thẩm định giá tài sản vô hình	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ECO501013		Thẩm định kinh tế các dự án đầu tư	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	PRA401016		Thực hành phân tích một vấn đề kinh tế xã hội	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ECO501031		Tiền lương và phúc lợi	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ECO501027		Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ORG401038		Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ECO501052		Đầu tư và tài trợ bất động sản	4	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501015		Đánh giá tác động các chương trình phát triển	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	EVA401015		Đánh giá tác động chương trình phát triển kinh tế xã hội	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ECO501059		Định giá đầu tư	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ECO501029		Định mức lao động	3	0	1	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	APP601007		Applied Development Economics	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	ECO501023		Dân số và phát triển	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	POP401025		Dân số và phát triển	2	0	0	0	1	0	**1**
HKC	BUS401019		Dự báo kinh doanh và phân tích dữ liệu	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ECO501011		Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	ECO501094		Hành vi tổ chức ứng dụng và QLNNL	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	ECO501056		Kinh tế bất động sản	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ECOD5191		Kinh tế công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	ECO601003		Kinh tế học	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	ECO501021		Kinh tế học lao động	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	LAB401020		Kinh tế học lao động	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ECO501024		Kinh tế học quản lý nhân sự	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ECO501068		Kinh tế lượng chuỗi thời gian	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ECO501067		Kinh tế lượng ứng dụng	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	ECO501009		Kinh tế môi trường	3	4	0	0	0	0	**4**
HKC	AGR601005		Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	ECO501007		Kinh tế phát triển	3	5	0	0	0	0	**5**
HKC	ECOD512		Kinh tế phát triển	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	ECO501008		Kinh tế quốc tế	3	4	0	0	0	0	**4**
HKC	ECOD532		Kinh tế quốc tế	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	INT601006		Kinh tế quốc tế	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	ECO501093		Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	HUM401026		Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực	4	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ECO501001		Kinh tế vi mô	3	57	0	0	0	0	**57**
HKC	INT401017		Kinh tế vi mô 2	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ECO501002		Kinh tế vĩ mô	3	5	0	0	0	0	**5**
HKC	ECO501006		Kinh tế vĩ mô (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ECO501117		Kinh tế vĩ mô -(EN)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INT401018		Kinh tế vĩ mô 2	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ECO501004		Kinh tế vĩ mô II	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ECO501101		Kinh tế vĩ mô trung cấp	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ECO501088		Kinh tế vĩ mô ứng dụng	3	10	0	0	0	0	**10**
HKC	ECO501037		Marketing nông sản	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ECO501097		Micro - Economics (Kinh tế vi mô)	3	4	0	0	0	0	**4**
HKC	ECO501014		Phân tích lợi ích - chi phí	3	2	0	0	0	0	**2**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	ECO501057		Phát triển bất động sản	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	RES601002		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	0	0	0	0	3	**3**
HKC	ECO501012		Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	11	0	0	0	0	**11**
HKC	ECO501069		Phương pháp thu thập và quản lý dữ liệu	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	EMP401027		Quan hệ lao động	2	0	0	0	1	0	**1**
HKC	HUM401004		Quản lý nguồn nhân lực	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ECO501041		Quản lý nông trại	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INT401029		Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	2	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ECO501022		Tâm lý học quản lý	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	MAN401028		Tâm lý học quản lý	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ENT601004		Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2	0	0	0	0	2	**2**
HKC	ECO501013		Thẩm định kinh tế các dự án đầu tư	3	8	1	0	0	0	**9**
HKC	ECO501016		Thực hành thẩm định dự án	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	ECO501031		Tiền lương và phúc lợi	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	ECO501027		Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	ORG401022		Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ECO501051		Đầu tư và tài trợ bất động sản	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	ECO501059		Định giá đầu tư	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ECO501029		Định mức lao động	3	2	0	0	0	0	**2**

KHOA KẾ TOÁN

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	ACC407005		Hệ thống thông tin kế toán	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ACC507014		Hệ thống thông tin kế toán	3	11	1	6	0	0	**18**
HKD	ACC407015		Hệ thống thông tin kế toán (Phần 1)	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	ACC407016		Hệ thống thông tin kế toán (Phần 2)	3	0	0	0	4	0	**4**
HKD	ACC407020		Hệ thống thông tin kế toán (Phần 3)	2	0	0	0	3	0	**3**
HKD	ACC407021		Hệ thống thông tin kế toán (Phần 3)	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	3070512		Hệ thống thông tin kế toán III	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	AME407008		Kế toán Mỹ	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	AME407025		Kế toán Mỹ	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	COS407003		Kế toán chi phí	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	ACC507065		Kế toán công	3	10	1	0	0	0	**11**
HKD	3070105		Kế toán hành chính sự nghiệp	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ADM407024		Kế toán hành chính sự nghiệp	2	0	0	0	3	0	**3**
HKD	PUB407019		Kế toán hành chính sự nghiệp	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	ACC507045		Kế toán khu vực công 3	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ACC507086		Kế toán khu vực công I	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	3070306		Kế toán quản trị	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ACC507011		Kế toán quản trị	3	8	1	0	0	0	**9**
HKD	MAN407004		Kế toán quản trị	3	0	0	0	4	0	**4**
HKD	MAN407014		Kế toán quản trị	4	0	0	0	2	0	**2**
HKD	ACC507063		Kế toán quản trị 1	3	0	1	3	0	0	**4**
HKD	ACC507064		Kế toán quản trị 2	3	0	1	3	0	0	**4**
HKD	ACC507106		Kế toán quản trị I (EN)	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ACC507010		Kế toán quản trị II	4	12	0	0	0	0	**12**
HKD	ACC507052		Kế toán quản trị II (EN)	4	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ACC507048		Kế toán quản trị khu vực công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ACC507022		Kế toán quốc tế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INT407022		Kế toán quốc tế	3	0	0	0	3	0	**3**
HKD	ACC507030		Kế toán quốc tế 1	3	0	1	3	0	0	**4**
HKD	ACC507031		Kế toán quốc tế 2	3	10	0	0	0	0	**10**
HKD	ACC507057		Kế toán quốc tế II	3	4	0	0	0	0	**4**
HKD	ACC507002		Kế toán tài chính	3	7	1	0	0	0	**8**
HKD	ACC507060		Kế toán tài chính 1	3	0	1	3	0	0	**4**
HKD	ACC507061		Kế toán tài chính 2A	3	11	1	3	0	0	**15**
HKD	ACC507083		Kế toán tài chính 2B	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ACC507080		Kế toán tài chính 2C	3	5	0	0	0	0	**5**
HKD	ACC507062		Kế toán tài chính 3A	3	0	2	3	0	0	**5**
HKD	ACC507074		Kế toán tài chính 4A	3	0	0	2	0	0	**2**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	FIN407001		Kế toán tài chính I	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	FIN407011		Kế toán tài chính I	4	0	0	0	1	0	**1**
HKD	FIN407027		Kế toán tài chính I	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	FIN407002		Kế toán tài chính II	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	FIN407028		Kế toán tài chính II	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	FIN407013		Kế toán tài chính III	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	ACC507008		Kế toán tài chính IV	2	10	0	0	0	0	**10**
HKD	ACC507012		Kế toán tài chính_1	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ACC507013		Kế toán tài chính_2	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ACC507039		Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	3070401		Kiểm toán	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	3070404		Kiểm toán	4	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ACC507021		Kiểm toán	3	5	1	6	0	0	**12**
HKD	AUD407006		Kiểm toán	3	0	0	0	3	0	**3**
HKD	AUD407017		Kiểm toán	4	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ACC507016		Kiểm toán 1	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ACC507075		Kiểm toán 2	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ACC507027		Kiểm toán báo cáo tài chính 1	3	4	0	0	0	0	**4**
HKD	ACC507028		Kiểm toán báo cáo tài chính 2	3	4	0	0	0	0	**4**
HKD	ACC507025		Kiểm toán căn bản	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ACC507046		Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS	3	0	0	2	0	0	**2**
HKD	ACC507001		Nguyên lý kế toán	3	52	5	0	0	0	**57**
HKD	PRI407010		Nguyên lý kế toán	3	0	0	0	5	0	**5**
HKD	ACC507043		Nguyên lý kế toán (EN)	3	6	0	0	0	0	**6**
HKD	ACC507019		Phân tích báo cáo tài chính	4	10	0	0	0	0	**10**
HKD	ACC507020		Phân tích báo cáo tài chính	3	6	1	2	0	0	**9**
HKD	ACC507040		Phân tích báo cáo tài chính khu vực công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	3070305		Phân tích hoạt động kinh doanh	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	BUS407007		Phân tích hoạt động kinh doanh	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	BUS407018		Phân tích hoạt động kinh doanh	3	0	0	0	3	0	**3**
HKD	ACC507069		Principles of Accounting	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ACC507015		Thực hành hệ thống thông tin kế toán	4	10	0	0	0	0	**10**
HKD	ACC507076		Thực hành hệ thống thông tin kế toán	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ACC507073		Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3	0	1	6	0	0	**7**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	ACC507033		Cơ chế tài chính - kế toán trong khu vực công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ACC507014		Hệ thống thông tin kế toán	3	6	1	0	0	0	**7**
HKC	ACC407015		Hệ thống thông tin kế toán (Phần 1)	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	ACC407016		Hệ thống thông tin kế toán (Phần 2)	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ACC407021		Hệ thống thông tin kế toán (Phần 3)	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ACC607007		Hệ thống thông tin kế toán cao cấp	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	AME407025		Kế toán Mỹ	2	0	0	0	1	0	**1**
HKC	COS407003		Kế toán chi phí	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	ACC507065		Kế toán công	3	6	1	0	0	0	**7**
HKC	ACC507067		Kế toán công	3	0	0	6	0	0	**6**
HKC	ADV607008		Kế toán công nâng cao	2	0	0	0	0	2	**2**
HKC	ACC507041		Kế toán công quốc tế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	PUB407019		Kế toán hành chính sự nghiệp	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ACC507035		Kế toán khu vực công 2	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ACC507011		Kế toán quản trị	3	6	1	0	0	0	**7**
HKC	MAN407004		Kế toán quản trị	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAN407014		Kế toán quản trị	4	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAN607012		Kế toán quản trị	3	0	0	0	0	5	**5**
HKC	ACC507063		Kế toán quản trị 1	3	14	1	0	0	0	**15**
HKC	ACC507064		Kế toán quản trị 2	3	0	1	3	0	0	**4**
HKC	ACC507085		Kế toán quản trị II (EN)	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	ADV607006		Kế toán quản trị cao cấp	3	0	0	0	0	4	**4**
HKC	ACC507048		Kế toán quản trị khu vực công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INT607011		Kế toán quốc tế	2	0	0	0	0	2	**2**
HKC	ACC507030		Kế toán quốc tế 1	3	13	1	3	0	0	**17**
HKC	ACC507031		Kế toán quốc tế 2	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	ACC507055		Kế toán quốc tế I (EN)	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	ACC507002		Kế toán tài chính	3	11	1	1	0	0	**13**
HKC	FIN407023		Kế toán tài chính	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	ACC507060		Kế toán tài chính 1	3	14	1	0	0	0	**15**
HKC	ACC507084		Kế toán tài chính 1 (EN)	3	5	0	0	0	0	**5**
HKC	ACC507061		Kế toán tài chính 2A	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	ACC507062		Kế toán tài chính 3A	3	11	0	3	0	0	**14**
HKC	ACC507081		Kế toán tài chính 3C	3	5	0	0	0	0	**5**
HKC	ACC507074		Kế toán tài chính 4A	3	0	1	3	0	0	**4**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	FIN407001		Kế toán tài chính I	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	FIN407011		Kế toán tài chính I	4	0	0	0	1	0	**1**
HKC	FIN407002		Kế toán tài chính II	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	FIN407012		Kế toán tài chính II	4	0	0	0	1	0	**1**
HKC	FIN407013		Kế toán tài chính III	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	ADV607004		Kế toán tài chính cao cấp 1	3	0	0	0	0	4	**4**
HKC	ADV607005		Kế toán tài chính cao cấp 2	3	0	0	0	0	4	**4**
HKC	ACC507012		Kế toán tài chính_1	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ACC507013		Kế toán tài chính_2	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ACC507026		Kiểm soát nội bộ	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ACC507077		Kiểm soát nội bộ	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	ACC507021		Kiểm toán	3	5	1	1	0	0	**7**
HKC	AUD407006		Kiểm toán	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	ACC507016		Kiểm toán 1	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	ACC507075		Kiểm toán 2	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	ADV607009		Kiểm toán cao cấp	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	ACC507025		Kiểm toán căn bản	3	13	0	0	0	0	**13**
HKC	ACC507054		Kiểm toán căn bản (EN)	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	ACC507029		Kiểm toán hoạt động	2	4	0	0	0	0	**4**
HKC	ACC507038		Kiểm toán khu vực công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ACC507046		Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS	3	14	1	3	0	0	**18**
HKC	ACC607010		Lý thuyết kế toán	2	0	0	0	0	2	**2**
HKC	ACC507070		Managerial Accounting	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	APP607003		Nghiên cứu ứng dụng trong kế toán	3	0	0	0	0	4	**4**
HKC	ACC507001		Nguyên lý kế toán	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	PRI407010		Nguyên lý kế toán	3	0	0	0	4	0	**4**
HKC	ACC507088		Nguyên lý kế toán 2	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ACC507042		Phần mềm kế toán khu vực công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ACC507020		Phân tích báo cáo tài chính	3	15	1	3	0	0	**19**
HKC	BUS407007		Phân tích hoạt động kinh doanh	2	0	0	0	2	0	**2**
HKC	BUS407018		Phân tích hoạt động kinh doanh	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	RES607002		Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán	2	0	0	0	0	4	**4**
HKC	ACC507076		Thực hành hệ thống thông tin kế toán	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	ACC507018		Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	2	10	0	0	0	0	**10**
HKC	ACC507073		Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3	0	1	0	0	0	**1**

KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	POL510016		Báo cáo ngoại khóa	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	POL510025		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	59	0	0	0	0	**59**
HKD	PHI510015		Chính sách kinh tế - xã hội	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	POL510013		Chính trị học	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	HCM510022		Ho Chi Minh Thought	2	3	0	0	0	0	**3**
HKD	POL510006		Kinh tế chính trị - phần TKQĐ lên CNXH ở VN	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	POL510024		Kinh tế chính trị Mác LêNin	2	59	0	0	0	0	**59**
HKD	PHI510009		Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	HIS510026		Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	34	0	0	0	0	**34**
HKD	POL510028		Marxist Leninist Political Economics	2	5	0	0	0	0	**5**
HKD	PRI410003		Những nguyên lý cơ bản của CN MLN (P1)	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	PRI410006		Những nguyên lý cơ bản của CN MLN (P2)	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	POL510029		Scientific Socialism	2	5	0	0	0	0	**5**
HKD	PHI510008		Triết học - phần CN duy vật lịch sử	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	HCM510004		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	11	0	0	0	0	**11**
HKD	HCM510017		Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	REV410004		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	5	0	**5**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	PHI510012		Các lý thuyết kinh tế phương tây hiện đại	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	POL513		Chính sách kinh tế - xã hội	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	HIS510030		History of Communist Party of Vietnam	2	5	0	0	0	0	**5**
HKC	POL510005		Kinh tế chính trị - phần TBCN	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	POL510		Kinh tế chính trị TBCN	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	POL511		Kinh tế chính trị nâng cao	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	POL512		Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	HIS510026		Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	24	0	0	0	0	**24**
HKC	PHI510027		Marxist Leninist Philosophy	3	4	0	0	0	0	**4**
HKC	PHI610004		Triết học	4	0	0	0	0	27	**27**
HKC	PHI510007		Triết học - phần CN duy vật biện chứng	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	PHI510023		Triết học Mác LêNin	3	64	0	0	0	0	**64**
HKC	HCM510004		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	83	0	0	0	0	**83**
HKC	REC510011		Đường lối kinh tế của Đảng CSVN	3	1	0	0	0	0	**1**

KHOA LUẬT

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	LAW511070		Business Law	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	LAW511071		Business Law and Ethics	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	LAW511004		Các học thuyết pháp lý	3	0	2	0	0	0	**2**
HKD	LAW511072		Corporate Law	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INT411022		Công pháp quốc tế	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	LAW511060		Công pháp quốc tế	2	3	1	0	0	0	**4**
HKD	LAW511057		Kiến tập	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	LAW511025		Kỹ năng hành nghề luật sư	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	3110134		Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	3110135		Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	LAW511023		Logic học pháp lý	2	4	1	0	0	0	**5**
HKD	LEG411032		Logic học pháp lý	2	0	0	0	2	0	**2**
HKD	3110311		Luật Sở hữu trí tuệ	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	3110130		Luật Tố tụng dân sự	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	LAW411017		Luật cạnh tranh	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	LAW511021		Luật cạnh tranh	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	COR411008		Luật công ty	3	0	0	0	5	0	**5**
HKD	LAW511005		Luật dân sự 1	3	4	1	0	0	0	**5**
HKD	LAW511006		Luật dân sự 2	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	CIV411003		Luật dân sự I	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	CIV411004		Luật dân sự II	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	3110226		Luật doanh nghiệp	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	LAW511037		Luật doanh nghiệp	3	0	2	2	0	0	**4**
HKD	ADM411005		Luật hành chính	3	0	0	0	3	0	**3**
HKD	LAW511007		Luật hành chính	3	4	1	0	0	0	**5**
HKD	LAW511061		Luật hiến pháp	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	COM411011		Luật học so sánh	3	0	0	0	3	0	**3**
HKD	LAW511064		Luật học so sánh	2	3	1	0	0	0	**4**
HKD	CRI411031		Luật hình sự	4	0	0	0	2	0	**2**
HKD	LAW511042		Luật hình sự	4	0	1	0	0	0	**1**
HKD	CRI411006		Luật hình sự I	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	COM411015		Luật hợp đồng thương mại	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	BUS411019		Luật kinh doanh	3	0	0	0	6	0	**6**
HKD	LAW511001		Luật kinh doanh	3	12	0	0	0	0	**12**
HKD	LAW511002		Luật kinh doanh (EN)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	LAW511058		Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	LAB411009		Luật lao động	3	0	0	0	4	0	**4**
HKD	LAW511013		Luật lao động	3	5	2	0	0	0	**7**
HKD	LAW511032		Luật môi trường	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	LAW411014		Luật sở hữu trí tuệ	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	LAW511014		Luật sở hữu trí tuệ	2	0	1	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	LAW511059		Luật thương mại	3	3	1	0	0	0	**4**
HKD	3110313		Luật thương mại quốc tế	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	LAW511012		Luật thương mại quốc tế 2	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	CIV411013		Luật tố tụng dân sự	3	0	0	0	3	0	**3**
HKD	LAW511020		Luật tố tụng dân sự	3	0	2	0	0	0	**2**
HKD	LAW511022		Luật tố tụng hành chính	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	CRI411012		Luật tố tụng hình sự	3	0	0	0	4	0	**4**
HKD	LAW511044		Luật tố tụng hình sự	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	LAW511027		Luật trọng tài thương mại	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	LAW511028		Luật đầu tư	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	LAW411010		Luật đất đai	3	0	0	0	5	0	**5**
HKD	LAW511015		Luật đất đai	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	LAW511041		Nhập môn luật học	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	3110309		Tư pháp quốc tế	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	INT411023		Tư pháp quốc tế	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	LAW511017		Tư pháp quốc tế	3	0	1	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	LAW511070		Business Law	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	LAW511004		Các học thuyết pháp lý	3	4	0	0	0	0	**4**
HKC	LEG411001		Các học thuyết pháp lý	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	LAW511060		Công pháp quốc tế	2	0	1	0	0	0	**1**
HKC	LAW523		Giải quyết tranh chấp kinh doanh	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	LAW511069		Hành chính công vụ	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	LAW511025		Kỹ năng hành nghề luật sư	2	0	1	0	0	0	**1**
HKC	LAW511009		Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	5	1	0	0	0	**6**
HKC	DRA411030		Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	2	0	0	0	1	0	**1**
HKC	LAW611016		Law and Financial Regulation	3	0	0	0	0	3	**3**
HKC	LAW511023		Logic học pháp lý	2	0	1	0	0	0	**1**
HKC	LEG411032		Logic học pháp lý	2	0	0	0	2	0	**2**
HKC	LAW511036		Luật Thẩm định giá	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	LAW411017		Luật cạnh tranh	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	LAW511021		Luật cạnh tranh	2	0	1	0	0	0	**1**
HKC	LAW525		Luật cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	COR411008		Luật công ty	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	LAW511		Luật công ty (II)	4	0	0	0	0	1	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	LAW511005		Luật dân sự 1	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	LAW511006		Luật dân sự 2	3	4	1	0	0	0	**5**
HKC	CIV411003		Luật dân sự I	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	LAW511037		Luật doanh nghiệp	3	27	3	4	0	0	**34**
HKC	LAW511079		Luật doanh nghiệp (EN)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ADM411005		Luật hành chính	3	0	0	0	3	0	**3**
HKC	LAW511007		Luật hành chính	3	2	1	0	0	0	**3**
HKC	CON411002		Luật hiến pháp	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	LAW511061		Luật hiến pháp	2	7	1	0	0	0	**8**
HKC	COM411011		Luật học so sánh	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	LAW511064		Luật học so sánh	2	0	1	0	0	0	**1**
HKC	CRI411031		Luật hình sự	4	0	0	0	1	0	**1**
HKC	LAW511042		Luật hình sự	4	3	1	0	0	0	**4**
HKC	LAW511074		Luật hình sự	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	COM411015		Luật hợp đồng thương mại	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	LAW411029		Luật khiếu nại tố cáo	2	0	0	0	1	0	**1**
HKC	LAW511068		Luật khiếu nại tố cáo	2	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BUS411019		Luật kinh doanh	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	LAW511001		Luật kinh doanh	3	46	0	0	0	0	**46**
HKC	LAW511058		Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	LAB411009		Luật lao động	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	LAW511013		Luật lao động	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	LAW528		Luật lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	ENV411025		Luật môi trường	2	0	0	0	2	0	**2**
HKC	LAW511032		Luật môi trường	2	0	1	0	0	0	**1**
HKC	LAW526		Luật phá sản trong bối cảnh toàn cầu	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	LAW522		Luật so sánh (II)	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	LAW411014		Luật sở hữu trí tuệ	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	LAW511014		Luật sở hữu trí tuệ	2	3	1	0	0	0	**4**
HKC	LAW524		Luật sở hữu trí tuệ (II)	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	FIN411027		Luật tài chính	2	0	0	0	1	0	**1**
HKC	LAW521		Luật tài sản	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	LAW511059		Luật thương mại	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	INT411016		Luật thương mại quốc tế	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	INT611001		Luật thương mại quốc tế	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	LAW511065		Luật thương mại quốc tế	3	1	0	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	LAW513		Luật thương mại quốc tế (II)	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	LAW511011		Luật thương mại quốc tế 1	3	3	1	0	0	0	**4**
HKC	LAW511012		Luật thương mại quốc tế 2	2	0	1	0	0	0	**1**
HKC	LAW511039		Luật thương mại điện tử	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	CIV411013		Luật tố tụng dân sự	3	0	0	0	3	0	**3**
HKC	LAW511020		Luật tố tụng dân sự	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	CRI411012		Luật tố tụng hình sự	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	LAW511019		Luật tố tụng hình sự	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	LAW511044		Luật tố tụng hình sự	2	1	1	0	0	0	**2**
HKC	LAW511027		Luật trọng tài thương mại	2	0	1	0	0	0	**1**
HKC	LAW511067		Luật và chính sách công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	LAW533		Luật và chính sách công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	LAW510		Luật và phát triển	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	LAW511028		Luật đầu tư	2	0	1	0	0	0	**1**
HKC	LAW511029		Luật đầu tư	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	LAW530		Luật đầu tư và kinh doanh bất động sản	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	LAW411010		Luật đất đai	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	LAW511015		Luật đất đai	2	4	1	0	0	0	**5**
HKC	LAW511041		Nhập môn luật học	3	7	0	0	0	0	**7**
HKC	LAW503		Phương pháp nghiên cứu luật học	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	LAW529		Quản trị công ty	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	LAW5321		Quản trị nhà nước	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	LAW527		Sáp nhập và mua bán công ty	4	0	0	0	0	1	**1**
HKC	INT411023		Tư pháp quốc tế	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	LAW511017		Tư pháp quốc tế	3	2	1	0	0	0	**3**

KHOA NGÂN HÀNG

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	BAN506023		Các mô hình hồi quy trên thị trường tài chính	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	BAN506016		Chính sách tiền tệ	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	BAN506013		Hoạch định tài chính cá nhân	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	BAN506012		Kế toán ngân hàng	3	6	0	0	0	0	**6**
HKD	BAN506020		Luật chứng khoán	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	BAN506010		Luật ngân hàng	3	6	0	0	0	0	**6**
HKD	BAN506024		Marketing dịch vụ tài chính	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	BAN506018		Marketing ngân hàng	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	BAN506006		Ngân hàng thương mại	3	17	1	0	0	0	**18**
HKD	BAN506014		Ngân hàng đầu tư	3	6	0	0	0	0	**6**
HKD	BAN506022		Nghiệp vụ công ty chứng khoán	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	COM406001		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	0	0	0	3	0	**3**
HKD	COM406003		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	BAN506007		Phân tích tín dụng và quản trị cho vay	3	6	0	0	0	0	**6**
HKD	BAN506005		Phương pháp định lượng trên thị trường tài chính	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	BAN506004		Quản lý quỹ đầu tư	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	BAN506011		Quản trị ngân hàng	3	6	0	0	0	0	**6**
HKD	BAN506015		Quản trị ngân quỹ	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	BAN506019		Quản trị rủi ro tại các định chế tài chính	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	3060203		Thanh toán quốc tế	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	3060214		Thanh toán quốc tế	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	INT406002		Thanh toán quốc tế	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	INT406004		Thanh toán quốc tế	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	3060101		Thị trường tài chính	3	0	1	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	BAN506036		Chiến lược kinh doanh trên thị trường nợ	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BAN506035		Chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực tài chính và NHĐT	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MON606012		Chính sách tiền tệ	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	BAN506065		Core Banking	2	6	0	0	0	0	**6**
HKC	DER606013		Công cụ phái sinh và quản lý rủi ro	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	DER606016		Công cụ phái sinh và quản trị rủi ro	2	0	0	0	0	2	**2**
HKC	FIN606017		Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	ETH606018		Ethics in Banking and Finance	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	BAN506013		Hoạch định tài chính cá nhân	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BAN506032		Kinh doanh ngoại hối	3	6	0	0	0	0	**6**
HKC	PER606006		Lập kế hoạch và quản trị tài chính cá nhân	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	BAN506034		Luật ngân hàng - chứng khoán	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	BAN506008		Ngân hàng quốc tế	3	9	0	0	0	0	**9**
HKC	ADV606004		Ngân hàng quốc tế nâng cao	3	0	0	0	0	3	**3**
HKC	BAN506006		Ngân hàng thương mại	3	6	1	1	0	0	**8**
HKC	MOD606002		Ngân hàng thương mại hiện đại	3	0	0	0	0	3	**3**
HKC	BAN506014		Ngân hàng đầu tư	3	5	0	0	0	0	**5**
HKC	INT606009		Ngân hàng đầu tư	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	COM406001		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	0	0	0	3	0	**3**
HKC	COM406003		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	PRI606003		Nguyên lý tiền tệ và ngân hàng	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	BAN506007		Phân tích tín dụng và quản trị cho vay	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	BAN506005		Phương pháp định lượng trên thị trường tài chính	3	5	0	0	0	0	**5**
HKC	QUA606014		Phương pháp định lượng trong lĩnh vực ngân hàng - tài chính	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	BAN506004		Quản lý quỹ đầu tư	3	3	0	0	0	0	**3**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	BAN506019		Quản trị rủi ro tại các định chế tài chính	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	RIS606007		Quản trị rủi ro theo hiệp ước Basel	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	FIN606005		Quản trị định chế tài chính	4	0	0	0	0	2	**2**
HKC	CRE606008		Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	PRO606011		Tài trợ dự án	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	BAN506009		Thanh toán quốc tế	3	8	1	0	0	0	**9**
HKC	INT406004		Thanh toán quốc tế	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	BAN506002		Thị trường tiền tệ và thị trường vốn	3	11	0	0	0	0	**11**
HKC	BAN506025		Thị trường tiền tệ và thị trường vốn (EN)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	FIN606001		Thị trường và các định chế tài chính	3	0	0	0	0	3	**3**
HKC	FIN606015		Thị trường và các định chế tài chính	2	0	0	0	0	2	**2**
HKC	CAP406007		Thị trường vốn và tiền tệ	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	BAN506021		Định giá và phân tích chứng khoán	3	1	0	0	0	0	**1**

KHOA NGOẠI NGỮ KINH TẾ

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	ENG513051		Báo cáo ngoại khóa - AV	2	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ENG513050		Biên dịch thương mại	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	ENG513035		Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	INT413029		Dẫn luận ngôn ngữ học	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ENG513064		English for Finance Part 2	6	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ENG513066		English for Finance Part 4	4	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ENG513058		English for Foreign Trade Part 4	4	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ENG513060		English for International Business Part 2	6	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ENG513062		English for International Business Part 4	4	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ENG513082		English for Management Part 2	6	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ENG513069		Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa	3	4	0	0	0	0	**4**
HKD	ENG513039		Hình thái - Cú pháp học	2	0	0	1	0	0	**1**
HKD	LIS513010		Kỹ năng Nghe TATM 2	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	LIS513012		Kỹ năng Nghe TATM 4	2	4	1	1	0	0	**6**
HKD	LIS513014		Kỹ năng Nghe TATM 6	2	3	0	1	0	0	**4**
HKD	SPE513016		Kỹ năng Nói TATM 2	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	SPE513018		Kỹ năng Nói TATM 4	2	4	1	1	0	0	**6**
HKD	SPE513020		Kỹ năng Nói TATM 6	2	3	0	1	0	0	**4**
HKD	WRI513028		Kỹ năng Viết TATM 2	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	WRI513030		Kỹ năng Viết TATM 4	2	4	1	1	0	0	**6**
HKD	WRI513032		Kỹ năng Viết TATM 6	2	3	0	1	0	0	**4**
HKD	LIS413006		Kỹ năng nghe 3	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	SPE413011		Kỹ năng nói 3	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	WRI413021		Kỹ năng viết 3	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	REA513022		Kỹ năng Đọc TATM 2	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	REA513024		Kỹ năng Đọc TATM 4	2	4	1	1	0	0	**6**
HKD	REA513026		Kỹ năng Đọc TATM 6	2	3	0	1	0	0	**4**
HKD	REA413016		Kỹ năng đọc 3	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	ENG513036		Ngôn ngữ học đối chiếu	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ENG513038		Ngữ Âm - Âm vị học	2	0	0	1	0	0	**1**
HKD	ENG513041		Ngữ nghĩa học	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ENG513002		Tiếng Anh P2	4	143	0	0	0	0	**143**
HKD	ENG513004		Tiếng Anh P4	4	136	0	0	0	0	**136**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	ENG513048		Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch và Khách sạn	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ENG513045		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	0	0	1	0	0	**1**
HKD	ENG513047		Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ENG513073		Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	4	1	0	0	0	0	**1**
HKD	ENG513042		Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị	3	0	0	1	0	0	**1**
HKD	ENG513043		Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh	3	4	0	1	0	0	**5**
HKD	ENG513037		Tiếng Việt thực hành	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ENG513040		Từ vựng học	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ENG513068		Văn hóa Anh - Mỹ	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	INT411033		Đại cương văn hóa Việt Nam	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	LAW511038		Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2	0	0	0	0	**2**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	ENG513035		Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ENG513063		English for Finance Part 1	6	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ENG513065		English for Finance Part 3	6	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ENG513059		English for International Business Part 1	6	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ENG513061		English for International Business Part 3	6	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ENG513083		English for Management Part 3	6	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ENG513039		Hình thái - Cú pháp học	2	4	0	0	0	0	**4**
HKC	LIS513009		Kỹ năng Nghe TATM 1	2	3	0	0	0	0	**3**
HKC	LIS513011		Kỹ năng Nghe TATM 3	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	LIS513013		Kỹ năng Nghe TATM 5	2	4	1	1	0	0	**6**
HKC	SPE513015		Kỹ năng Nói TATM 1	2	3	0	0	0	0	**3**
HKC	SPE513017		Kỹ năng Nói TATM 3	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	SPE513019		Kỹ năng Nói TATM 5	2	4	1	1	0	0	**6**
HKC	WRI513027		Kỹ năng Viết TATM 1	2	3	0	0	0	0	**3**
HKC	WRI513029		Kỹ năng Viết TATM 3	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	WRI513031		Kỹ năng Viết TATM 5	2	4	1	1	0	0	**6**
HKC	ENG513033		Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	2	3	1	0	0	0	**4**
HKC	REA513021		Kỹ năng Đọc TATM 1	2	3	0	0	0	0	**3**
HKC	REA513023		Kỹ năng Đọc TATM 3	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	REA513025		Kỹ năng Đọc TATM 5	2	4	1	1	0	0	**6**
HKC	FOL513076		Ngoại ngữ 2 (đầu ra NNA)	0	0	0	4	0	0	**4**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	FOL513034		Ngoại ngữ 2 P1	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ENG513036		Ngôn ngữ học đối chiếu	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ENG513038		Ngữ Âm - Âm vị học	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ENG513041		Ngữ nghĩa học	2	0	0	1	0	0	**1**
HKC	ENG513052		Tiếng Anh - chuyên đề soạn thảo thư thương mại	3	10	0	0	0	0	**10**
HKC	ENG513001		Tiếng Anh P1	4	128	0	0	0	0	**128**
HKC	ENG513003		Tiếng Anh P3	4	145	0	0	0	0	**145**
HKC	ENG513072		Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	4	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ENG513074		Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	4	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ENG513042		Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị	3	4	0	0	0	0	**4**
HKC	ENG513037		Tiếng Việt thực hành	2	2	0	0	0	0	**2**
HKC	ENG513034		Văn hóa Anh - Mỹ	2	0	1	0	0	0	**1**

KHOA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	PUM512003		Hành vi tổ chức các tổ chức công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	PUM512007		Quản trị chiến lược các tổ chức công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	PUM512002		Quản trị tài chính các tổ chức công	3	1	0	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	ECOD516		Kinh tế vi mô dành cho khu vực công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	ECOD517		Kinh tế vĩ mô dành cho khu vực công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PUM512008		Kỹ năng lãnh đạo trong khu vực công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	GOVG514		Lãnh đạo trong khu vực công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	GOVG521		Marketing khu vực công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PUM512005		Marketing trong khu vực công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ECOD531		Phân tích và đánh giá chương trình	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	REG612005		Phát triển vùng và địa phương	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	RES612002		Phương pháp nghiên cứu cho quản lý công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PUFIN525		Quản lý dự án	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	GOVP525		Quản lý đô thị	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	GOVG510		Quản trị các tổ chức công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PUM512001		Quản trị các tổ chức công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	GOVG513		Quản trị chiến lược các tổ chức công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	GOVG512		Quản trị nguồn nhân lực các tổ chức công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PUM512004		Quản trị nguồn nhân lực các tổ chức công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	GOVG511		Quản trị tài chính các tổ chức công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	CHA612001		Quản trị thay đổi trong khu vực công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PRO412008		Thẩm định dự án công	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	PUFIN524		Thẩm định dự án đầu tư công	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PUM512006		Thẩm định dự án đầu tư công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	NEG612003		Thương lượng và truyền thông	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	ETH612004		Đạo đức trong khu vực công	2	0	0	0	0	1	**1**

KHOA QUẢN TRỊ

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	MAN502047		Báo cáo chuyên đề - EM	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502006		Hành vi tổ chức	3	2	1	0	0	0	**3**
HKD	ORG402006		Hành vi tổ chức	3	0	0	0	4	0	**4**
HKD	MAN502043		Hệ sinh thái khởi nghiệp	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502072		Hệ thống chăm sóc sức khỏe Việt Nam	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	3020212		Hệ thống quản lý không lỗi	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	3020207		Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	MAN502034		Hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean)	3	5	0	1	0	0	**6**
HKD	MAN502015		Hệ thống thông tin doanh nghiệp	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	QUA402023		Kỹ thuật quản trị chất lượng	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	MAN502027		Kỹ thuật quản trị chất lượng II	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	3020509		Lập kế hoạch kinh doanh	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	BUS402014		Lập kế hoạch kinh doanh	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	MAN502017		Lập kế hoạch kinh doanh	3	3	0	1	0	0	**4**
HKD	LEA402015		Lãnh đạo	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	MAN502018		Lãnh đạo	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	MAN502087		Management	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502056		Mô hình kinh doanh	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502055		Nhượng quyền kinh doanh	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502012		Phân tích định lượng trong quản trị	3	9	1	0	0	0	**10**
HKD	QUA402012		Phân tích định lượng trong quản trị	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	MAN402016		Phát triển kỹ năng quản trị	3	0	0	0	4	0	**4**
HKD	MAN502019		Phát triển kỹ năng quản trị	3	4	1	1	0	0	**6**
HKD	MAN502008		Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	3	0	1	1	0	0	**2**
HKD	RES402008		Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	3	0	0	0	6	0	**6**
HKD	MAN502083		Quản lý chăm sóc - điều trị	3	1	0	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	MAN502068		Quản lý y tế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502007		Quản trị chất lượng	3	10	1	2	0	0	**13**
HKD	QUA402007		Quản trị chất lượng	3	0	0	0	6	0	**6**
HKD	MAN502046		Quản trị chất lượng (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	MAN502025		Quản trị chất lượng dịch vụ	3	3	0	1	0	0	**4**
HKD	MAN502084		Quản trị chất lượng dịch vụ bệnh viện	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502011		Quản trị chiến lược	3	1	3	1	0	0	**5**
HKD	STR402011		Quản trị chiến lược	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	MAN502050		Quản trị chiến lược (EN)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	SUP402017		Quản trị chuỗi cung ứng	3	0	0	0	3	0	**3**
HKD	COR402019		Quản trị doanh nghiệp	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	MAN502035		Quản trị doanh nghiệp nhỏ	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	3020314		Quản trị dự án	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	MAN502031		Quản trị dự án	3	7	0	1	0	0	**8**
HKD	MAN502082		Quản trị hậu cần bệnh viện	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	INF402013		Quản trị hệ thống thông tin	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	MAN402001		Quản trị học	3	0	0	0	3	0	**3**
HKD	MAN502001		Quản trị học	3	8	1	1	0	0	**10**
HKD	MAN502002		Quản trị học (EN)	2	2	0	0	0	0	**2**
HKD	ENT402021		Quản trị khởi nghiệp	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	MAN502038		Quản trị khởi nghiệp	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502042		Quản trị mối quan hệ lao động	3	2	0	1	0	0	**3**
HKD	HUM402003		Quản trị nguồn nhân lực	3	0	0	0	3	0	**3**
HKD	MAN502004		Quản trị nguồn nhân lực	3	11	1	2	0	0	**14**
HKD	3020313		Quản trị rủi ro	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	ENT402020		Quản trị rủi ro doanh nghiệp	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	MAN502013		Quản trị rủi ro doanh nghiệp	3	16	1	1	0	0	**18**
HKD	MAN502037		Quản trị sáng tạo và đổi mới	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502014		Quản trị sự thay đổi	3	9	0	0	0	0	**9**
HKD	MAN502075		Quản trị tài chính bệnh viện	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502041		Quản trị thù lao lao động	3	1	0	1	0	0	**2**
HKD	GLO402009		Quản trị toàn cầu	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	MAN502003		Quản trị điều hành	3	10	1	1	0	0	**12**
HKD	OPE402002		Quản trị điều hành	3	0	0	0	3	0	**3**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	MAN502113		Tài chính cho nhà Quản trị	3	9	0	0	0	0	**9**
HKD	MAN502054		Tài chính khởi nghiệp	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502033		Tái cấu trúc quy trình kinh doanh (BPR)	3	4	0	1	0	0	**5**
HKD	MAN502010		Thẩm định dự án	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	PRO402010		Thẩm định dự án	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	MAN502066		Thống kê và tin học trong y học	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502070		Thuật ngữ y khoa	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502062		Tiếng Anh trong y khoa P2	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502064		Tiếng Anh trong y khoa P4	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502023		Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	3	2	0	1	0	0	**3**
HKD	MAN502016		Triển khai chiến lược	3	9	0	0	0	0	**9**
HKD	MAN502039		Tuyển dụng và đào tạo	3	2	0	1	0	0	**3**
HKD	MAN502020		Tư duy kinh doanh	3	4	0	1	0	0	**5**
HKD	3020116		Đạo đức kinh doanh	2	0	1	0	0	0	**1**
HKD	BUS402022		Đạo đức kinh doanh	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	MAN502021		Đạo đức kinh doanh	3	3	0	1	0	0	**4**
HKD	MAN502073		Đạo đức trong ngành Y	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAN502024		Đàm phán trong quản trị	3	3	0	1	0	0	**4**
HKD	MAN502030		Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	MAN502040		Đánh giá thực hiện công việc	3	2	0	1	0	0	**3**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	MAN502044		Báo cáo chuyên đề - QT	2	9	0	0	0	0	**9**
HKC	MAN502069		Dịch tễ học	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN502006		Hành vi tổ chức	3	18	1	0	0	0	**19**
HKC	ORG402006		Hành vi tổ chức	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAN502028		Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	MAN502034		Hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean)	3	0	1	1	0	0	**2**
HKC	MAN502015		Hệ thống thông tin doanh nghiệp	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	MAN502036		Khởi nghiệp kinh doanh	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	EBU602004		Kinh doanh điện tử	2	0	0	0	0	4	**4**
HKC	MAN502065		Kinh tế học trong chăm sóc sức khỏe	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	QUA402023		Kỹ thuật quản trị chất lượng	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAN502026		Kỹ thuật quản trị chất lượng I	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	BUS402014		Lập kế hoạch kinh doanh	3	0	0	0	5	0	**5**
HKC	MAN502017		Lập kế hoạch kinh doanh	3	7	1	1	0	0	**9**
HKC	LEA402015		Lãnh đạo	3	0	0	0	4	0	**4**
HKC	LEA602013		Lãnh đạo	2	0	0	0	0	4	**4**
HKC	MAN502018		Lãnh đạo	3	10	1	2	0	0	**13**
HKC	MAN502088		Operation Management	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN502091		Organizational Behavior	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN502012		Phân tích định lượng trong quản trị	3	2	1	0	0	0	**3**
HKC	QUA402012		Phân tích định lượng trong quản trị	3	0	0	0	3	0	**3**
HKC	MAN502067		Pháp luật về chăm sóc sức khỏe	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN402016		Phát triển kỹ năng quản trị	3	0	0	0	4	0	**4**
HKC	MAN502019		Phát triển kỹ năng quản trị	3	9	1	1	0	0	**11**
HKC	MAN502029		Phương pháp 6 sigma	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	RES602014		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	0	0	0	0	9	**9**
HKC	RES602020		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	MAN502008		Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	3	12	1	0	0	0	**13**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	RES402008		Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	MAN502078		Phương pháp nghiên cứu trong y khoa	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN502092		Quality Management	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN502071		Quản trị bệnh án	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN502007		Quản trị chất lượng	3	1	1	0	0	0	**2**
HKC	MAN602017		Quản trị chất lượng	3	0	0	0	0	4	**4**
HKC	QUA402007		Quản trị chất lượng	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	QUA602010		Quản trị chất lượng	2	0	0	0	0	2	**2**
HKC	MAN502025		Quản trị chất lượng dịch vụ	3	2	1	1	0	0	**4**
HKC	MAN502011		Quản trị chiến lược	3	15	0	1	0	0	**16**
HKC	STR402011		Quản trị chiến lược	3	0	0	0	4	0	**4**
HKC	STR602012		Quản trị chiến lược	3	0	0	0	0	9	**9**
HKC	STR602021		Quản trị chiến lược	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	MAN502050		Quản trị chiến lược (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	SUP402017		Quản trị chuỗi cung ứng	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	COR402019		Quản trị doanh nghiệp	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	MAN502035		Quản trị doanh nghiệp nhỏ	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN502031		Quản trị dự án	3	1	1	1	0	0	**3**
HKC	MAN502079		Quản trị hành chính bệnh viện	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	INF402013		Quản trị hệ thống thông tin	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAN502080		Quản trị hệ thống thông tin bệnh viện	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN402001		Quản trị học	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAN502001		Quản trị học	3	37	1	0	0	0	**38**
HKC	ENT402021		Quản trị khởi nghiệp	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	ENT602019		Quản trị khởi nghiệp	2	0	0	0	0	4	**4**
HKC	MAN502038		Quản trị khởi nghiệp	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAR602002		Quản trị marketing	3	0	0	0	0	4	**4**
HKC	MAN502042		Quản trị mối quan hệ lao động	3	0	1	1	0	0	**2**
HKC	HUM402003		Quản trị nguồn nhân lực	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	HUM602007		Quản trị nguồn nhân lực	3	0	0	0	0	4	**4**
HKC	MAN502004		Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1	0	0	0	**3**
HKC	MAN502048		Quản trị nguồn nhân lực (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	INT602018		Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	ENT402020		Quản trị rủi ro doanh nghiệp	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAN502013		Quản trị rủi ro doanh nghiệp	3	7	2	1	0	0	**10**
HKC	MAN502081		Quản trị rủi ro trong chăm sóc sức khỏe	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	CRE602005		Quản trị sáng tạo và đổi mới	2	0	0	0	0	4	**4**
HKC	MAN502037		Quản trị sáng tạo và đổi mới	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN502014		Quản trị sự thay đổi	3	7	1	0	0	0	**8**
HKC	MAN502041		Quản trị thù lao lao động	3	0	1	1	0	0	**2**
HKC	GLO402009		Quản trị toàn cầu	3	0	0	0	5	0	**5**
HKC	MAN502003		Quản trị điều hành	3	1	1	0	0	0	**2**
HKC	OPE402002		Quản trị điều hành	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	OPE602016		Quản trị điều hành	3	0	0	0	0	8	**8**
HKC	MAN502058		Quản trị điều hành (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	MAN502074		Quản trị điều hành bệnh viện	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN502093		Research Methods in Management	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN502113		Tài chính cho nhà Quản trị	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	MAN502054		Tài chính khởi nghiệp	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN502033		Tái cấu trúc quy trình kinh doanh (BPR)	3	0	1	1	0	0	**2**
HKC	MAN502010		Thẩm định dự án	3	12	1	0	0	0	**13**
HKC	PRO402010		Thẩm định dự án	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAN502061		Tiếng Anh trong y khoa P1	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAN502063		Tiếng Anh trong y khoa P3	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	COR602009		Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2	0	0	0	0	2	**2**
HKC	MAN502023		Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	3	0	1	1	0	0	**2**
HKC	COR602001		Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	2	0	0	0	0	4	**4**
HKC	MAN502039		Tuyển dụng và đào tạo	3	0	1	1	0	0	**2**
HKC	MAN502020		Tư duy kinh doanh	3	0	1	1	0	0	**2**
HKC	MAN502076		Tư duy phân tích	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	CRI602008		Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề	3	0	0	0	0	8	**8**
HKC	ORG602003		Văn hóa tổ chức	2	0	0	0	0	4	**4**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	BUS402022		Đạo đức kinh doanh	3	0	0	0	2	0	**2**
HKC	MAN502021		Đạo đức kinh doanh	3	1	1	1	0	0	**3**
HKC	MAN502024		Đàm phán trong quản trị	3	0	1	1	0	0	**2**
HKC	MAN502040		Đánh giá thực hiện công việc	3	0	1	1	0	0	**2**

KHOA TÀI CHÍNH

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	FIN505025		Bảo hiểm nhân thọ	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	FIN505026		Bảo hiểm phi nhân thọ	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	FIN505013		Chứng khoán có thu nhập cố định	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	FIN505030		Hoạch định ngân sách vốn (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	FIN505008		Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	3	7	0	1	0	0	**8**
HKD	FIN505009		Hợp nhất, sáp nhập và cấu trúc doanh nghiệp	3	3	1	1	0	0	**5**
HKD	FIN505044		International Finance	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	FIN505004		Kinh tế lượng tài chính	3	9	0	0	0	0	**9**
HKD	FIN505066		Kinh tế lượng tài chính nâng cao (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	3050104		Mô hình tài chính	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	FIN405010		Mô hình tài chính	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	FIN505023		Nguyên lý bảo hiểm	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	FIN505022		Phân tích kỹ thuật	3	4	1	1	0	0	**6**
HKD	FIN505012		Phân tích tài chính	3	4	1	0	0	0	**5**
HKD	FIN505019		Quản lý danh mục đầu tư	3	1	1	1	0	0	**3**
HKD	FIN505027		Quản lý doanh nghiệp bảo hiểm	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	3050204		Quản trị rủi ro tài chính	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	FIN405013		Quản trị rủi ro tài chính	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	FIN505016		Quản trị rủi ro tài chính	3	2	1	0	0	0	**3**
HKD	3050112		Quản trị tài chính	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	FIN405015		Quản trị tài chính	3	0	0	0	7	0	**7**
HKD	FIN405016		Quản trị tài chính	2	0	0	0	2	0	**2**
HKD	FIN505039		Quản trị tài chính	3	6	1	1	0	0	**8**
HKD	FIN505031		Quản trị tài chính kế toán bảo hiểm	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	FIN505015		Sản phẩm phái sinh	3	7	1	0	0	0	**8**
HKD	FIN505014		Tài chính công ty đa quốc gia	3	4	1	1	0	0	**6**
HKD	FIN505037		Tài chính công ty đa quốc gia (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	FIN505001		Tài chính doanh nghiệp	3	5	1	3	0	0	**9**
HKD	FIN505003		Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	3	1	1	0	0	**5**
HKD	FIN505007		Tài chính hành vi	3	7	1	1	0	0	**9**
HKD	FIN505002		Tài chính quốc tế	3	8	2	2	0	0	**12**
HKD	FIN505040		Tài chính quốc tế (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	FIN505038		Tài chính định lượng	3	8	1	0	0	0	**9**
HKD	FIN505018		Thị trường tài chính quốc tế	3	7	1	1	0	0	**9**
HKD	FIN505020		Đầu tư bất động sản	3	2	1	1	0	0	**4**
HKD	FIN505005		Đầu tư tài chính	3	3	1	1	0	0	**5**
HKD	FIN505017		Điều hành CTCP đại chúng	3	10	1	1	0	0	**12**
HKD	FIN505006		Định giá doanh nghiệp	3	5	1	1	0	0	**7**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	FIN505046		Advanced Corporate Finance	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	FIN505043		Corporate Finance	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	FIN505049		Derivatives	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	FIN505045		Financial Econometrics	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	FIN505047		Financial Investment	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	FIN505062		Financial Management (Quản trị tài chính)	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	FIN505050		Financial Risk Management	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	FIN505009		Hợp nhất, sáp nhập và cấu trúc doanh nghiệp	3	1	1	0	0	0	**2**
HKC	MER605017		Hợp nhất, sáp nhập và cấu trúc doanh nghiệp	2	0	0	0	0	2	**2**
HKC	FIN505004		Kinh tế lượng tài chính	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	THE405001		Lý thuyết tài chính	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	THE605001		Lý thuyết tài chính	3	0	0	0	0	6	**6**
HKC	MAD605013		Mua bán, sáp nhập và thoái vốn	2	0	0	0	0	3	**3**
HKC	FIN505023		Nguyên lý bảo hiểm	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	FIN505022		Phân tích kỹ thuật	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	FIN505012		Phân tích tài chính	3	8	1	1	0	0	**10**
HKC	FIN605008		Phân tích tài chính	2	0	0	0	0	6	**6**
HKC	FIN505019		Quản lý danh mục đầu tư	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	POR605015		Quản trị danh mục đầu tư	2	0	0	0	0	3	**3**
HKC	FIN505016		Quản trị rủi ro tài chính	3	9	1	1	0	0	**11**
HKC	FIN605005		Quản trị rủi ro tài chính	3	0	0	0	0	3	**3**
HKC	FIN605016		Quản trị rủi ro tài chính	2	0	0	0	0	2	**2**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	FIN405015		Quản trị tài chính	3	0	0	0	4	0	**4**
HKC	FIN405016		Quản trị tài chính	2	0	0	0	1	0	**1**
HKC	FIN505039		Quản trị tài chính	3	8	1	1	0	0	**10**
HKC	FIN605018		Quản trị tài chính	3	0	0	0	0	8	**8**
HKC	FIN505042		Rủi ro và bảo hiểm	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	FIN505015		Sản phẩm phái sinh	3	10	1	0	0	0	**11**
HKC	FIN605004		Sản phẩm tài chính phái sinh	3	0	0	0	0	3	**3**
HKC	FIN505014		Tài chính công ty đa quốc gia	3	1	1	0	0	0	**2**
HKC	MUL605012		Tài chính công ty đa quốc gia	2	0	0	0	0	3	**3**
HKC	COR405002		Tài chính doanh nghiệp	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	COR605002		Tài chính doanh nghiệp	3	0	0	0	0	6	**6**
HKC	FIN505001		Tài chính doanh nghiệp	3	33	2	3	0	0	**38**
HKC	FIN505028		Tài chính doanh nghiệp (EN)	3	4	0	0	0	0	**4**
HKC	FIN505003		Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	7	1	0	0	0	**8**
HKC	BEH605014		Tài chính hành vi	2	0	0	0	0	3	**3**
HKC	FIN505007		Tài chính hành vi	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	FIN505002		Tài chính quốc tế	3	0	2	1	0	0	**3**
HKC	INT405003		Tài chính quốc tế	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	INT605003		Tài chính quốc tế	3	0	0	0	0	6	**6**
HKC	FIN505038		Tài chính định lượng	3	10	1	0	0	0	**11**
HKC	QUA605009		Tài chính định lượng	2	0	0	0	0	3	**3**
HKC	FIN505018		Thị trường tài chính quốc tế	3	1	1	0	0	0	**2**
HKC	INT605010		Thị trường tài chính quốc tế	2	0	0	0	0	3	**3**
HKC	FIN505020		Đầu tư bất động sản	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	FIN505005		Đầu tư tài chính	3	8	1	0	0	0	**9**
HKC	FIN605006		Đầu tư tài chính	3	0	0	0	0	6	**6**
HKC	FIN505029		Đầu tư tài chính (EN)	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	REA605011		Đầu tư và tài trợ bất động sản	2	0	0	0	0	3	**3**
HKC	FIN505017		Điều hành CTCP đại chúng	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	COR605007		Định giá doanh nghiệp	2	0	0	0	0	3	**3**
HKC	FIN505006		Định giá doanh nghiệp	3	0	1	0	0	0	**1**
HKC	FIN505024		Định phí	3	1	0	0	0	0	**1**

KHOA TÀI CHÍNH CÔNG

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	TAX504026		Hệ thống thuế VN	3	11	0	2	0	0	**13**
HKD	TAX504016		Hoạch định Thuế	3	0	1	0	0	0	**1**
HKD	TAX504005		Kế toán thuế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	FOU404001		Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	0	0	0	1	0	**1**
HKD	PUF504006		Ngân sách và tài chính Chính phủ	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	TAX504003		Nguyên lý Thuế	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	PUF504029		Nguyên lý tài chính - ngân hàng	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	CUS504031		Nhập môn phân loại thuế quan	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	PUF504010		Phân tích chính sách công	3	3	0	0	0	0	**3**
HKD	PUF504009		Phân tích lợi ích - chi phí khu vực công	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	PUF504004		Quản lý khu vực Công	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	TAX504028		Quản lý rủi ro tuân thủ thuế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	PUF504012		Quản lý tài khóa và soạn lập ngân sách	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	PUF504002		Tài chính Công	3	4	0	0	0	0	**4**
HKD	PUF504011		Tài chính chính quyền địa phương	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	PUF504013		Thẩm định và quản lý dự án Công	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	TAX404002		Thuế	2	0	0	0	1	0	**1**
HKD	TAX404003		Thuế	3	0	0	0	2	0	**2**
HKD	TAX504022		Thuế Quốc tế	3	6	1	0	0	0	**7**
HKD	TAX504023		Thuế Tài sản	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	TAX504020		Thuế thu nhập cá nhân	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	CUS504035		Thủ tục hải quan	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	TAX504021		Đạo đức Thuế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	PUF504014		Định giá và quản lý tài sản Công	3	3	0	0	0	0	**3**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	CUS504034		Chính sách quản lý và hỗ trợ thương mại	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	TAX504026		Hệ thống thuế VN	3	2	1	3	0	0	**6**
HKC	TAX504016		Hoạch định Thuế	3	7	1	1	0	0	**9**
HKC	PUF504008		Kế toán tài chính các đơn vị Công	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	TAX504015		Luật quản lý Thuế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	FOU404001		Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	TAX504003		Nguyên lý Thuế	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	CUS504033		Nguyên lý kiểm hóa	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	CUS504032		Nguyên lý quản lý hải quan	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	FIN604002		Nguyên lý tài chính - ngân hàng	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PUF504029		Nguyên lý tài chính - ngân hàng	3	15	1	0	0	0	**16**
HKC	PUB604008		Phân tích chính sách công	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PUF504010		Phân tích chính sách công	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	ANA604004		Phân tích chính sách thuế	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	FIS604007		Phi tập trung hóa và tài chính chính quyền địa phương	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	RES604001		Phương pháp nghiên cứu khoa học hướng ứng dụng	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	TAX604010		Quản lý rủi ro tuân thủ thuế	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PUF504007		Quản lý tài chính các đơn vị Công	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	FIN604009		Quản lý tài chính các đơn vị công	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	FIN604005		Quản lý tài chính ngân sách nhà nước	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PUF504012		Quản lý tài khóa và soạn lập ngân sách	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	REA604012		Quản lý đất đai và thuế tài sản	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PER604011		Quản trị thực hiện	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	PUF504002		Tài chính Công	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	TCC404007		Tài chính chính quyền địa phương	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	PUB604003		Tài chính công	3	0	0	0	0	1	**1**
HKC	TAX404002		Thuế	2	0	0	0	3	0	**3**
HKC	TAX404003		Thuế	3	0	0	0	1	0	**1**
HKC	TAX504018		Thuế Gián thu	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	TAX504022		Thuế Quốc tế	3	3	1	1	0	0	**5**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	TAX504019		Thuế Xuất - Nhập khẩu	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	BUS604014		Thuế doanh nghiệp	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	INT604013		Thuế quốc tế	2	0	0	0	0	1	**1**
HKC	TAX504020		Thuế thu nhập cá nhân	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	TAX504017		Thuế thu nhập doanh nghiệp	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	EVA604006		Đánh giá chi tiêu công (bao hàm thẩm định dự án đầu tư công)	3	0	0	0	0	1	**1**

KHOA TOÁN THỐNG KÊ

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKD	STA508029		Applied Statistics for Business and Economics	3	5	0	0	0	0	**5**
HKD	STA508022		Báo cáo ngoại khóa - TD	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAT508023		Báo cáo ngoại khóa - TF	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAT508035		Giải tích 2	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	MAT508015		Khai thác dữ liệu kinh doanh	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	MAT508004		Kinh tế lượng	3	2	1	1	0	0	**4**
HKD	MAT508017		Lý thuyết trò chơi	2	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAT508033		Lý thuyết xác suất	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	MAT508010		Phân tích dữ liệu	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	STA508021		Phân tích dữ liệu thị trường	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	STA508019		Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAT508008		Thống kê toán	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	STA508005		Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	3	44	10	0	0	0	**54**
HKD	STA508006		Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	3	2	0	0	0	0	**2**
HKD	APP408003		Thống kê ứng dụng trong kinh doanh và kinh tế	3	0	0	0	6	0	**6**
HKD	MAT408002		Toán dành cho kinh tế và quản trị	3	0	0	0	5	0	**5**
HKD	MAT508001		Toán dành cho kinh tế và quản trị	3	0	4	0	0	0	**4**
HKD	MAT508013		Toán tài chính nâng cao	3	1	0	0	0	0	**1**
HKD	MAT508016		Ứng dụng tin học trong tài chính	3	1	0	0	0	0	**1**

HK	MÃ HP	CTTT	TÊN HP	SỐ TC	ĐHCQ	VB2CQ	LT ĐHCQ	VLVH	CH	TỔNG
HKC	STA508018		Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAT508030		Econometrics	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	MAT508032		Giải tích 1	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	MAT508004		Kinh tế lượng	3	19	1	0	0	0	**20**
HKC	MAT508011		Kinh tế lượng nâng cao	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAT508028		Mathematics for Economics and Management	3	4	0	0	0	0	**4**
HKC	DAT608004		Phân tích dữ liệu	3	0	0	0	0	2	**2**
HKC	MAT508010		Phân tích dữ liệu	3	10	1	0	0	0	**11**
HKC	STA508020		Phân tích dữ liệu đa biến	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	STA508019		Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	STA508017		Phương pháp chọn mẫu	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAT508014		Quá trình ngẫu nhiên	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAT508008		Thống kê toán	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	STA508005		Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	3	14	0	0	0	0	**14**
HKC	STA508027		Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD II	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	MAT508001		Toán dành cho kinh tế và quản trị	3	61	0	0	0	0	**61**
HKC	MAT508009		Toán giải tích	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAT508012		Toán tài chính	3	3	0	0	0	0	**3**
HKC	MAT508026		Toán ứng dụng trong y khoa	3	1	0	0	0	0	**1**
HKC	MAT508003		Tối ưu hóa	3	2	0	0	0	0	**2**
HKC	MAT508031		Đại số tuyến tính	3	2	0	0	0	0	**2**

BẬC ĐẠI HỌC – HỆ CHÍNH QUY
HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2020

KHÓA 43 ĐHCQ (Học kỳ thứ 6)

Học lý thuyết:	**02/01/2020 - 17/05/2020**	**19**	**tuần**
Nghỉ Tết Âm lịch	**18/01/2020 - 02/02/2020**	**02**	**tuần**
Thi kết thúc HP cuối học kỳ	**18/05/2020 - 31/05/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ giữa kỳ	**01/06/2020 - 14/06/2020**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
AD	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
AD	Quản trị sự thay đổi	QT	3	
AD	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
AD	Triển khai chiến lược	QT	3	
AD	Marketing khởi nghiệp	KDQTM	3	Nhóm TCĐH: Khởi nghiệp; 5 môn , 9 TC – Chọn 3 học phần
AD	Quản trị doanh nghiệp nhỏ	QT	3	
AD	Quản trị khởi nghiệp	QT	3	
AD	Quản trị sáng tạo và đổi mới	QT	3	
AD	Tài chính khởi nghiệp	QT	3	
AD	Luật lao động	LUAT	3	Nhóm TCĐH: Quản trị gia NNL; 5 môn , 9 TC – Chọn 3 học phần
AD	Quản trị mối quan hệ lao động	QT	3	
AD	Quản trị thù lao lao động	QT	3	
AD	Tuyển dụng và đào tạo	QT	3	
AD	Đánh giá thực hiện công việc	QT	3	
AD	Hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean)	QT	3	Nhóm TCĐH: Quản trị gia điều hành SX/DV; 6 môn , 9 TC – Chọn 3 học phần
AD	Quản trị chất lượng dịch vụ	QT	3	
AD	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	
AD	Quản trị dự án	QT	3	
AD	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	KDQTM	3	
AD	Tái cấu trúc quy trình kinh doanh (BPR)	QT	3	
AD	Giao tiếp kinh doanh	KDQTM	3	Nhóm TCĐH: Quản trị gia; 5 môn , 9 TC – Chọn 3 học phần
AD	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	QT	3	
AD	Tư duy kinh doanh	QT	3	
AD	Đạo đức kinh doanh	QT	3	
AD	Đàm phán trong quản trị	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AE	Báo cáo ngoại khóa - AE	KT	3	
AE	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
AE	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
AE	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
AE	Chính sách thương mại và công nghiệp	KT	3	Nhóm TCĐH: Kinh tế học vi mô; 3 môn , 9 TC
AE	Kinh tế học tổ chức ngành	KT	3	
AE	Phân tích hành vi người tiêu dùng	KT	3	
AE	Chính sách kinh tế vĩ mô	KT	3	Nhóm TCĐH: Kinh tế học vĩ mô; 3 môn , 9 TC
AE	Hệ thống tài chính thể chế và thị trường	KT	3	
AE	Kinh tế vĩ mô quốc tế	KT	3	
AE	Luật dân sự 2	LUAT	3	Tự chọn 2 -Đạt 3/21 TC
AE	Ngân hàng quốc tế	NH	3	
AE	Nghiệp vụ công ty chứng khoán	NH	3	
AE	Quản trị chiến lược	QT	3	
AE	Quản trị sáng tạo và đổi mới	QT	3	
AE	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	TC	3	
AE	Truyền thông marketing	KDQTM	3	
AE	Luật chứng khoán	NH	3	Tự chọn 3 -Đạt 3/24 TC
AE	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
AE	Mô hình kinh doanh	QT	3	
AE	Phân tích tín dụng và quản trị cho vay	NH	3	
AE	Quản trị doanh nghiệp nhỏ	QT	3	
AE	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	
AE	Quản trị thương hiệu	KDQTM	3	
AE	Đầu tư tài chính	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AG	Báo cáo ngoại khóa - AG	KT	2	
AG	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
AG	Kinh tế học về kinh doanh nông sản	KT	3	
AG	Nguyên lý công nghệ nông nghiệp	KT	3	
AG	Phân tích chuỗi giá trị nông sản	KT	3	
AG	Phân tích chính sách nông nghiệp và lương thực	KT	3	
AG	Phân tích hành vi người tiêu dùng	KT	3	
AG	Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm	KT	3	
AG	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
AG	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AV	Báo cáo ngoại khóa - AV	NNKT	2	
AV	Biên dịch thương mại	NNKT	3	
AV	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
AV	Kỹ năng Nghe TATM 6	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nói TATM 6	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Viết TATM 6	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Đọc TATM 6	NNKT	2	
AV	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
AV	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
AV	Luật kinh doanh (EN)	LUAT	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
AV	Quản trị nguồn nhân lực -EN	QT	3	
AV	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch và Khách sạn	NNKT	3	Nhóm 4 -Đạt 3/15 TC
AV	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	NNKT	3	
AV	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	NNKT	3	
AV	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	NNKT	3	
AV	Tiếng Anh chuyên ngành Ngân hàng	NNKT	3	
AV	Ngoại ngữ 2 P4	NNKT	3	Nhóm TCĐH: Ngoại ngữ 2; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BD	Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	KT	2	
BD	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
BD	Phân tích thị trường bất động sản	KT	3	
BD	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
BD	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
BD	Đầu tư và tài trợ bất động sản	KT	4	
BD	Phân tích tài chính	TC	3	Nhóm TCĐH: Nhóm 1; 4 môn , 12 TC
BD	Quản trị tài sản bất động sản	KT	3	
BD	Đầu tư tài chính	TC	3	
BD	Định giá đầu tư	KT	3	
BD	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	Nhóm TCĐH: Nhóm 2; 4 môn , 12 TC
BD	Kinh tế đô thị	KT	3	
BD	Phát triển bất động sản	KT	3	
BD	Quy hoạch xây dựng	KT	3	

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BI	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
BI	Phát triển ứng dụng trên Windows	CNTTKD	3	
BI	Phát triển ứng dụng web	CNTTKD	3	
BI	Quản lý dự án công nghệ thông tin	CNTTKD	3	
BI	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
BI	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
BI	Business Intelligence	CNTTKD	3	Nhóm 4 -Đạt 3/6 TC
BI	Kiểm thử phần mềm	CNTTKD	3	
BI	Kiến trúc phần mềm hướng dịch vụ	CNTTKD	3	Nhóm 5 -Đạt 3/6 TC
BI	Phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	CNTTKD	3	
BI	Quản trị marketing	KDQTM	3	Nhóm 6 -Đạt 3/6 TC
BI	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ BẢO HIỂM

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BR	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
BR	Quản trị rủi ro tài chính	TC	3	
BR	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
BR	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
BR	Bảo hiểm nhân thọ	TC	3	Nhóm TCĐH: Bảo hiểm; 5 môn , 15 TC
BR	Bảo hiểm phi nhân thọ	TC	3	
BR	Quản lý doanh nghiệp bảo hiểm	TC	3	
BR	Quản trị tài chính kế toán bảo hiểm	TC	3	
BR	Tài chính công ty đa quốc gia	TC	3	Nhóm TCĐH: Quản trị rủi ro tài chính; 5 môn , 15 TC
BR	Tài chính định lượng	TC	3	
BR	Thị trường tài chính quốc tế	TC	3	
BR	Đầu tư bất động sản	TC	3	
BR	Điều hành CTCP đại chúng	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
CL	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
CL	Kỹ thuật quản trị chất lượng II	QT	3	
CL	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	
CL	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
CL	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
CL	Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	QT	3	
CL	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	Nhóm TCĐH: Nhóm 1; 5 môn , 9 TC
CL	Lãnh đạo	QT	3	
CL	Luật lao động	LUAT	3	
CL	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	QT	3	
CL	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	QT	3	
CL	Hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean)	QT	3	Nhóm TCĐH: Nhóm 2; 5 môn , 9 TC
CL	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	
CL	Quản trị dự án	QT	3	
CL	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	KDQTM	3	
CL	Tái cấu trúc quy trình kinh doanh (BPR)	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
DT	Báo cáo ngoại khóa - DT	KT	2	
DT	Kế hoạch và chính sách công	KT	3	
DT	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
DT	Phát triển và Marketing địa phương	KT	3	
DT	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
DT	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
DT	Đánh giá tác động các chương trình phát triển	KT	3	
DT	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
DT	Quản trị dự án	QT	3	
DT	Kinh tế lượng ứng dụng	KT	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
DT	Đầu tư tài chính	TC	3	
DT	Chiến lược và Kế hoạch kinh doanh	KT	3	Nhóm 4 -Đạt 3/6 TC
DT	Kinh tế bất động sản	KT	3	

CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
EC	Bảo mật thông tin trong thương mại điện tử	CNTTKD	3	
EC	Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử	CNTTKD	3	
EC	Hệ thống thanh toán điện tử	CNTTKD	3	
EC	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
EC	Quản trị dự án TMĐT	CNTTKD	3	
EC	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	KDQTM	3	
EC	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
EC	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
EC	Công nghệ thương mại điện tử	CNTTKD	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
EC	Phát triển ứng dụng thương mại điện tử	CNTTKD	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
EM	Báo cáo chuyên đề - EM	QT	2	
EM	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
EM	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	
EM	Mô hình kinh doanh	QT	3	
EM	Nhượng quyền kinh doanh	QT	3	
EM	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	
EM	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
EM	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
EM	Thương mại điện tử	CNTTKD	3	
EM	Tư duy kinh doanh	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
FN	Kinh tế lượng tài chính	TC	3	
FN	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
FN	Tài chính hành vi	TC	3	Nhóm TCĐH: Tài chính doanh nghiệp; 5 môn , 15 TC
FN	Định giá doanh nghiệp	TC	3	
FN	Điều hành CTCP đại chúng	TC	3	
FN	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	TC	3	
FN	Thị trường tài chính quốc tế	TC	3	
FN	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	TC	3	Nhóm TCĐH: Tài chính quốc tế; 5 môn , 15 TC
FN	Phân tích kỹ thuật	TC	3	
FN	Tài chính công ty đa quốc gia	TC	3	
FN	Thị trường tài chính quốc tế	TC	3	
FN	Điều hành CTCP đại chúng	TC	3	
FN	Hợp nhất, sáp nhập và cấu trúc doanh nghiệp	TC	3	Nhóm TCĐH: Đầu tư; 5 môn , 15 TC
FN	Quản lý danh mục đầu tư	TC	3	
FN	Đầu tư bất động sản	TC	3	
FN	Phân tích kỹ thuật	TC	3	
FN	Tài chính hành vi	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	
FT	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
FT	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	
FT	Quản trị marketing	KDQTM	3	
FT	Quản trị xuất nhập khẩu	KDQTM	3	
FT	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
FT	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
FT	Tài chính quốc tế	KDQTM	3	
FT	Marketing kỹ thuật số (IB,FT)	KDQTM	3	Nhóm 2 -Đạt 3/9 TC
FT	Thương mại điện tử	CNTTKD	3	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Báo cáo ngoại khóa NT,KD	KDQTM	2	
IB	Dự án kinh doanh quốc tế	KDQTM	3	
IB	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
IB	Mô phỏng kinh doanh quốc tế	KDQTM	4	
IB	Quản trị chuỗi cung ứng P2	KDQTM	3	
IB	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	KDQTM	3	
IB	Quản trị xuất nhập khẩu	KDQTM	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
IB	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	Nhóm 2 -Đạt 3/9 TC
IB	Marketing kỹ thuật số (IB,FT)	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KC	Báo cáo ngoại khóa	LLCT	2	
KC	Chính sách kinh tế - xã hội	LLCT	3	
KC	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
KC	Kinh tế chính trị - phần TKQĐ lên CNXH ở VN	LLCT	3	
KC	Lịch sử các học thuyết kinh tế	LLCT	3	
KC	Phân tích chính sách công	TCC	3	
KC	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
KC	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
KC	Chính trị học	LLCT	3	Nhóm 2 -Đạt 6/9 TC
KC	Logic học	LLCT	3	
KC	Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế	LLCT	3	

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KI	Kế toán quản trị II	KTO	4	
KI	Kế toán quốc tế II	KTO	3	
KI	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
KI	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	KTO	3	
KI	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	KTO	3	
KI	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
KI	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	
KI	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
KI	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
KM	Quản trị bán hàng	KDQTM	3	
KM	Quản trị bán lẻ	KDQTM	3	
KM	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	
KM	Quản trị dịch vụ	KDQTM	3	
KM	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
KM	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
KM	Thương mại quốc tế	KDQTM	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
KM	Thương mại điện tử	CNTTKD	3	
KM	Lãnh đạo	QT	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
KM	Quản trị đa văn hóa	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán quản trị II	KTO	4	
KN	Kế toán quốc tế 2	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính IV	KTO	2	
KN	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
KN	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
KN	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	4	
KN	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
KN	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
KN	Thực hành hệ thống thông tin kế toán	KTO	4	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KO	Kế toán khu vực công 3	KTO	3	
KO	Kế toán quản trị khu vực công	KTO	3	
KO	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
KO	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	KTO	3	
KO	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
KO	Phân tích báo cáo tài chính khu vực công	KTO	3	
KO	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
KO	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
KO	Kế toán quốc tế	KTO	3	Nhóm 2 -Đạt 6/12 TC
KO	Quản lý tài chính các đơn vị Công	TCC	3	
KO	Quản lý tài khóa và soạn lập ngân sách	TCC	3	
KO	Định giá và quản lý tài sản Công	TCC	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KS	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
KS	Kiến tập	DL	6	
KS	Quản trị bán dịch vụ khách sạn	DL	3	
KS	Quản trị tiền sảnh	DL	3	
KS	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
KS	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
KS	Quản trị bar	DL	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
KS	Quản trị câu lạc bộ	DL	3	
KS	An toàn và an ninh khách sạn	DL	3	Nhóm 4 -Đạt 3/9 TC
KS	Hoạch định nghề nghiệp trong ngành khách sạn	DL	3	
KS	Phân tích đầu tư khách sạn	DL	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
LA	Kiến tập	LUAT	2	
LA	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
LA	Luật cạnh tranh	LUAT	2	
LA	Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính	LUAT	3	
LA	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
LA	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
LA	Kỹ năng hành nghề luật sư	LUAT	2	Nhóm 1 -Đạt 10/16 TC
LA	Luật chứng khoán	NH	2	
LA	Luật kinh doanh bảo hiểm	LUAT	2	
LA	Luật môi trường	LUAT	2	
LA	Luật thương mại quốc tế 2	LUAT	2	
LA	Luật tố tụng hành chính	LUAT	2	
LA	Luật trọng tài thương mại	LUAT	2	
LA	Luật đầu tư	LUAT	2	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LH	Du lịch sinh thái và khám phá	DL	3	
LH	Du lịch thể thao và giải trí	DL	3	
LH	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
LH	Kiến tập	DL	6	
LH	Phát triển dịch vụ lữ hành	DL	3	
LH	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
LH	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
LH	Tâm lý du khách	DL	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
LH	Thiết kế trải nghiệm du lịch	DL	3	

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
MR	Marketing dịch vụ	KDQTM	3	
MR	Marketing kỹ thuật số	KDQTM	3	
MR	Marketing quốc tế	KDQTM	3	
MR	Mô phỏng Marketing	KDQTM	3	
MR	Nghiên cứu Marketing (ứng dụng)	KDQTM	2	
MR	Quản trị thương hiệu	KDQTM	3	
MR	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
MR	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
MR	Kế toán quản trị	KTO	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
MR	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	
MR	Quản trị bán lẻ	KDQTM	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
MR	Quản trị lực lượng bán hàng	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NH	Kế toán ngân hàng	NH	3	
NH	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
NH	Luật ngân hàng	NH	3	
NH	Phân tích tín dụng và quản trị cho vay	NH	3	
NH	Quản trị ngân hàng	NH	3	
NH	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
NH	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
NH	Chính sách tiền tệ	NH	3	Nhóm 3 -Đạt 9/15 TC
NH	Hoạch định tài chính cá nhân	NH	3	
NH	Marketing ngân hàng	NH	3	
NH	Quản trị ngân quỹ	NH	3	
NH	Sản phẩm phái sinh	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NS	Báo cáo ngoại khóa - NS	KT	2	
NS	Bảo hiểm xã hội	KT	3	
NS	Hành vi tổ chức ứng dụng và QLNNL	KT	2	
NS	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
NS	Luật lao động	LUAT	3	
NS	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	KT	2	
NS	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
NS	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
NS	Tiền lương và phúc lợi	KT	3	
NS	Kinh tế công	KT	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
NS	Kinh tế học quản lý nhân sự	KT	3	
NS	Phát triển kỹ năng lãnh đạo	KT	2	Nhóm 2 -Đạt 2/4 TC
NS	Phát triển nguồn nhân lực	KT	2	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
PF	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
PF	Phân tích chính sách công	TCC	3	
PF	Phân tích lợi ích - chi phí khu vực công	TCC	3	
PF	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
PF	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
PF	Tài chính chính quyền địa phương	TCC	3	
PF	Lãnh đạo	QT	3	Nhóm 1 -Đạt 12/18 TC
PF	Phân tích tài chính	TC	3	
PF	Quản lý tài khóa và soạn lập ngân sách	TCC	3	
PF	Quản trị rủi ro tài chính	TC	3	
PF	Thẩm định và quản lý dự án Công	TCC	3	
PF	Định giá và quản lý tài sản Công	TCC	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QB	Hệ thống chăm sóc sức khỏe Việt Nam	QT	3	
QB	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
QB	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	
QB	Quản lý chăm sóc - điều trị	QT	3	
QB	Quản trị chất lượng dịch vụ bệnh viện	QT	3	
QB	Quản trị dự án	QT	3	
QB	Quản trị hậu cần bệnh viện	QT	3	
QB	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
QB	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
QB	Đạo đức trong ngành Y	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
SK	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
SK	Kiến tập	DL	6	
SK	Quản trị bán dịch vụ sự kiện	DL	3	
SK	Quản trị dự án	DL	3	
SK	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
SK	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
SK	Xếp hàng và quản trị năng lực	DL	3	
SK	Hành vi khách hàng ngành sự kiện và giải trí	DL	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
SK	Quản trị rủi ro sự kiện	DL	3	

CHUYÊN NGÀNH THUẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TA	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
TA	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
TA	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
TA	Thuế thu nhập cá nhân	TCC	3	
TA	Đạo đức Thuế	TCC	3	
TA	Kế toán quản trị	KTO	3	Nhóm 1 -Đạt 12/18 TC
TA	Kế toán thuế	TCC	3	
TA	Phân tích tài chính	TC	3	
TA	Quản lý rủi ro tuân thủ thuế	TCC	3	
TA	Thuế Quốc tế	TCC	3	
TA	Thuế Tài sản	TCC	3	

CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TD	Báo cáo ngoại khóa - TD	TTK	2	
TD	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	
TD	Khai thác dữ liệu kinh doanh	TTK	3	
TD	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
TD	Phân tích dữ liệu thị trường	TTK	3	
TD	Phân tích định lượng trong kinh doanh	TTK	3	
TD	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
TD	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
TD	Hành vi người tiêu dùng	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/9 TC
TD	Kế toán tài chính	KTO	3	
TD	Quản trị chiến lược	QT	3	
TD	Quản trị chất lượng	QT	3	Nhóm 2 -Đạt 3/9 TC
TD	Quản trị thương hiệu	KDQTM	3	
TD	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH TOÁN TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TF	Báo cáo ngoại khóa - TF	TTK	2	
TF	Khai thác dữ liệu kinh doanh	TTK	3	
TF	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
TF	Ngân hàng thương mại	NH	3	
TF	Nguyên lý bảo hiểm	TC	3	
TF	Sản phẩm phái sinh	TC	3	
TF	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
TF	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
TF	Toán tài chính nâng cao	TTK	3	
TF	Ứng dụng tin học trong tài chính	TTK	3	

CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TG	Báo cáo ngoại khóa - TĐG	KT	2	
TG	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
TG	Quy hoạch xây dựng	KT	3	
TG	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
TG	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
TG	Thẩm định giá bất động sản	KT	3	
TG	Thẩm định giá doanh nghiệp	KT	3	
TG	Thẩm định giá máy - thiết bị	KT	3	
TG	Thẩm định giá tài sản vô hình	KT	3	

NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TQ	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
TQ	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
TQ	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
TQ	Tài chính định lượng	TC	3	
TQ	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	TC	3	Nhóm TCĐH: Nhóm 4; 8 môn , 15 TC
TQ	Phân tích kỹ thuật	TC	3	
TQ	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	TC	3	
TQ	Tài chính hành vi	TC	3	
TQ	Đầu tư bất động sản	TC	3	
TQ	Đầu tư tài chính	TC	3	
TQ	Điều hành CTCP đại chúng	TC	3	
TQ	Định giá doanh nghiệp	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TT	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
TT	Luật chứng khoán	NH	3	
TT	Nghiệp vụ công ty chứng khoán	NH	3	
TT	Quản lý quỹ đầu tư	NH	3	
TT	Quản trị rủi ro tại các định chế tài chính	NH	3	
TT	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
TT	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
TT	Các mô hình hồi quy trên thị trường tài chính	NH	3	Nhóm 2 -Đạt 9/15 TC
TT	Marketing dịch vụ tài chính	NH	3	
TT	Ngân hàng quốc tế	NH	3	
TT	Ngân hàng thương mại	NH	3	
TT	Tài chính quốc tế	TC	3	

KHÓA 43 ĐHCQ CHẤT LƯỢNG CAO (Học kỳ thứ 6)

Học lý thuyết:	**02/01/2020 - 17/05/2020**	**19**	**tuần**
Nghỉ Tết Âm lịch	**18/01/2020 - 02/02/2020**	**02**	**tuần**
Thi kết thúc HP cuối học kỳ	**18/05/2020 - 31/05/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ giữa kỳ	**01/06/2020 - 14/06/2020**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
AD	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	
AD	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
AD	Quản trị sự thay đổi	QT	3	
AD	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
AD	Triển khai chiến lược	QT	3	
AD	Giao tiếp kinh doanh	KDQTM	3	Nhóm TCĐH: Quản trị gia; 5 môn , 9 TC
AD	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	QT	3	
AD	Tư duy kinh doanh	QT	3	
AD	Đạo đức kinh doanh	QT	3	
AD	Đàm phán trong quản trị	QT	3	
AD	Hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean)	QT	3	Nhóm TCĐH: Quản trị điều hành/SX/dịch vụ; 6 môn , 9 TC
AD	Quản trị chất lượng dịch vụ	QT	3	
AD	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	
AD	Quản trị dự án	QT	3	
AD	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	KDQTM	3	
AD	Tái cấu trúc quy trình kinh doanh (BPR)	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
FN	Phân tích tài chính	TC	3	
FN	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
FN	Chứng khoán có thu nhập cố định	TC	3	Nhóm 3 -Đạt 12/18 TC
FN	Hợp nhất, sáp nhập và cấu trúc doanh nghiệp	TC	3	
FN	Tài chính hành vi	TC	3	
FN	Tài chính định lượng	TC	3	
FN	Điều hành CTCP đại chúng	TC	3	
FN	Định giá doanh nghiệp	TC	3	
FN	Kinh tế lượng tài chính nâng cao (EN)	TC	3	Nhóm 4 -Đạt 3/6 TC
FN	Tài chính công ty đa quốc gia (EN)	TC	3	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Báo cáo ngoại khóa NT,KD	KDQTM	2	
IB	Dự án kinh doanh quốc tế	KDQTM	3	
IB	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
IB	Mô phỏng kinh doanh quốc tế (EN)	KDQTM	4	
IB	Quản trị chuỗi cung ứng P2 (EN)	KDQTM	3	
IB	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	KDQTM	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
IB	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	Nhóm 2 -Đạt 3/9 TC
IB	Marketing kỹ thuật số (IB,FT)	KDQTM	3	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Business Simulation (Mô phỏng kinh doanh)	KDQTM	3	
IB	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
IB	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	
IB	Strategic Management in Global Environment	KDQTM	3	
IB	Consumer Behavior (hành vi khách hàng)	KDQTM	3	Nhóm 3 -Đạt 6/9 TC
IB	Organizational Behavior	KDQTM	3	
IB	Tourism (Quản trị du lịch)	KDQTM	3	
IB	Cross-cultural Management	KDQTM	3	Nhóm 4 -Đạt 3/6 TC
IB	Digital Marketing	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KI	Kế toán quản trị II (EN)	KTO	4	
KI	Kế toán quốc tế II	KTO	3	
KI	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
KI	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	KTO	3	
KI	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	KTO	3	
KI	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
KI	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	
KI	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
KI	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Khởi nghiệp kinh doanh	CTCT	1	
MR	Marketing dịch vụ	KDQTM	3	
MR	Marketing kỹ thuật số	KDQTM	3	
MR	Marketing quốc tế (EN)	KDQTM	3	
MR	Mô phỏng Marketing	KDQTM	3	
MR	Nghiên cứu marketing (ứng dụng) (EN)	KDQTM	2	
MR	Quản trị lực lượng bán hàng	KDQTM	3	
MR	Quản trị thương hiệu	KDQTM	3	
MR	Sinh hoạt lớp hk6.1	CTCT	0	
MR	Sinh hoạt lớp hk6.2	CTCT	0	

KHÓA 44 ĐHCQ (Học kỳ thứ 4)

Học lý thuyết:	**02/01/2020 - 17/05/2020**	**19**	**tuần**
Nghỉ Tết Âm lịch	**18/01/2020 - 02/02/2020**	**02**	**tuần**
Thi kết thúc HP cuối học kỳ	**18/05/2020 - 31/05/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ giữa kỳ	**01/06/2020 - 14/06/2020**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ VÀ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AB	Kinh tế học quản lý	KT	3	
AB	Kinh tế lượng ứng dụng	KT	3	
AB	Kinh tế nông nghiệp	KT	3	
AB	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
AB	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
AB	Phân tích lợi ích - chi phí	KT	3	
AB	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
AB	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
AB	Tiếng Anh P4	NNKT	4	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
AD	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
AD	Quản trị chất lượng	QT	3	
AD	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	
AD	Quản trị điều hành	QT	3	
AD	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
AD	Tài chính cho nhà Quản trị	QT	3	
AD	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
AD	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AE	Kinh tế lượng ứng dụng	KT	3	
AE	Kinh tế vi mô trung cấp	KT	3	
AE	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
AE	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
AE	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	KT	3	
AE	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
AE	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
AE	Tiếng Anh P4	NNKT	4	
AE	Kinh tế công	KT	3	Nhóm 1 -Đạt 3/18 TC
AE	Kinh tế môi trường	KT	3	
AE	Kinh tế nông nghiệp	KT	3	
AE	Kinh tế phát triển	KT	3	
AE	Kinh tế quốc tế	KT	3	
AE	Lịch sử tư tưởng kinh tế	KT	3	

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AV	Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa	NNKT	3	
AV	Kỹ năng Nghe TATM 4	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nói TATM 4	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Viết TATM 4	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Đọc TATM 4	NNKT	2	
AV	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
AV	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
AV	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
AV	Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh	NNKT	3	
AV	Ngữ nghĩa học	NNKT	2	Nhóm 2 -Đạt 2/4 TC
AV	Từ vựng học	NNKT	2	
AV	Ngoại ngữ 2 P2	NNKT	3	Nhóm TCĐH: Ngoại ngữ 2; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BD	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	KT	3	
BD	Kinh tế học quản lý	KT	3	
BD	Kinh tế đô thị	KT	3	
BD	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
BD	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
BD	Quy hoạch đô thị và nhà ở	KT	3	
BD	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
BD	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
BD	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
BD	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BI	Cơ sở dữ liệu	CNTTKD	3	
BI	Cơ sở lập trình	CNTTKD	3	
BI	Kiến trúc hệ thống	CNTTKD	3	
BI	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
BI	Phân tích nghiệp vụ	CNTTKD	3	
BI	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
BI	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
BI	Tiếng Anh P4	NNKT	4	
BI	Marketing căn bản	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
BI	Phân tích dữ liệu	TTK	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ BẢO HIỂM

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BR	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
BR	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
BR	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
BR	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
BR	Tài chính quốc tế	TC	3	
BR	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
BR	Quản trị bán hàng	KDQTM	3	Nhóm TCĐH: Nhóm A; 4 môn , 9 TC
BR	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	
BR	Quản trị học	QT	3	
BR	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
BR	Kiểm toán	KTO	3	Nhóm TCĐH: Nhóm B; 4 môn , 9 TC
BR	Marketing căn bản	KDQTM	3	
BR	Ngân hàng thương mại	NH	3	
BR	Thuế Quốc tế	TCC	3	
BR	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
CL	Kế toán quản trị	KTO	3	
CL	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
CL	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
CL	Quản trị chất lượng	QT	3	
CL	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	
CL	Quản trị điều hành	QT	3	
CL	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
CL	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
CL	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
CL	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
EC	Cơ sở dữ liệu	CNTTKD	3	
EC	Cơ sở lập trình	CNTTKD	3	
EC	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
EC	Marketing căn bản	KDQTM	3	
EC	Phân tích nghiệp vụ	CNTTKD	3	
EC	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
EC	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
EC	Thương mại điện tử	CNTTKD	3	
EC	Tiếng Anh P4	NNKT	4	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
EM	Hệ sinh thái khởi nghiệp	QT	3	
EM	Kế toán quản trị	KTO	3	
EM	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
EM	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
EM	Quản trị chất lượng	QT	3	
EM	Quản trị điều hành	QT	3	
EM	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
EM	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
EM	Đạo đức kinh doanh	QT	3	
EM	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
EM	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
ER	Cơ sở dữ liệu	CNTTKD	3	
ER	Giới thiệu hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	CNTTKD	3	
ER	Kế toán tài chính_1	KTO	3	
ER	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
ER	Quản trị học	QT	3	
ER	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
ER	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
ER	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
ER	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FI	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
FI	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
FI	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
FI	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
FI	Tài chính quốc tế	TC	3	
FI	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
FI	Quản trị bán hàng	KDQTM	3	Nhóm TCĐH: Nhóm A; 4 môn , 9 TC
FI	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	
FI	Quản trị học	QT	3	
FI	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
FI	Kiểm toán	KTO	3	Nhóm TCĐH: Nhóm B; 4 môn , 9 TC
FI	Marketing căn bản	KDQTM	3	
FI	Ngân hàng thương mại	NH	3	
FI	Thuế Quốc tế	TCC	3	
FI	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH TOÁN TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FM	Cơ sở lập trình	CNTTKD	3	
FM	Kinh tế lượng	TTK	3	
FM	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
FM	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
FM	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
FM	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
FM	Thống kê toán	TTK	3	
FM	Tiếng Anh P4	NNKT	4	
FM	Lý thuyết trò chơi	TTK	2	Nhóm 2 -Đạt 2/4 TC
FM	Tối ưu hóa nâng cao	TTK	2	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
FN	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
FN	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
FN	Tài chính quốc tế	TC	3	
FN	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
FN	Quản trị bán hàng	KDQTM	3	Nhóm TCĐH: Nhóm A; 4 môn , 9 TC
FN	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	
FN	Quản trị học	QT	3	
FN	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
FN	Kiểm toán	KTO	3	Nhóm TCĐH: Nhóm B; 4 môn , 9 TC
FN	Marketing căn bản	KDQTM	3	
FN	Ngân hàng thương mại	NH	3	
FN	Thuế Quốc tế	TCC	3	
FN	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Kinh doanh quốc tế 1	KDQTM	3	
FT	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
FT	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
FT	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	
FT	Quản trị chiến lược	KDQTM	3	
FT	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
FT	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
FT	Thương mại quốc tế	KDQTM	3	
FT	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
FT	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
HQ	Kế toán quản trị	KTO	3	
HQ	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
HQ	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
HQ	Nhập môn phân loại thuế quan	TCC	3	
HQ	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
HQ	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
HQ	Thông lệ trong thương mại quốc tế	KDQTM	3	
HQ	Thủ tục hải quan	TCC	3	
HQ	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
HQ	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Kinh doanh quốc tế 1	KDQTM	3	
IB	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
IB	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
IB	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	
IB	Quản trị tài chính	TC	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
IB	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
IB	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IE	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	KT	3	
IE	Kinh tế học quản lý	KT	3	
IE	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
IE	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
IE	Phân tích lợi ích - chi phí	KT	3	
IE	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
IE	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
IE	Thẩm định kinh tế các dự án đầu tư	KT	3	
IE	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
IE	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KC	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	KT	3	
KC	Kinh tế công	KT	3	
KC	Kinh tế quốc tế	KT	3	
KC	Kinh tế vi mô II	KT	3	
KC	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
KC	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
KC	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
KC	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
KC	Tiếng Anh P4	NNKT	4	
KC	Triết học - phần CN duy vật lịch sử	LLCT	3	

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KI	Hệ thống thuế VN	TCC	3	
KI	Kế toán tài chính 2C	KTO	3	
KI	Sản phẩm phái sinh	TC	3	
KI	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
KI	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
KI	Quản trị học	QT	3	Nhóm 3 -Đạt 3/9 TC
KI	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
KI	Tài chính định lượng	TC	3	
KI	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
KI	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
KM	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
KM	Marketing dịch vụ	KDQTM	3	
KM	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	
KM	Quản trị tài chính	TC	3	
KM	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
KM	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
KM	Tiếng Anh P4	NNKT	4	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Hệ thống thông tin kế toán	KTO	3	
KN	Hệ thống thuế VN	TCC	3	
KN	Kế toán công	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 2A	KTO	3	
KN	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
KN	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
KN	Quản trị học	QT	3	Nhóm 3 -Đạt 6/9 TC
KN	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
KN	Tài chính định lượng	TC	3	
KN	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
KN	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KO	Hệ thống thông tin kế toán	KTO	3	
KO	Hệ thống thuế VN	TCC	3	
KO	Kế toán khu vực công I	KTO	3	
KO	Kế toán tài chính 2B	KTO	3	
KO	Kiểm toán căn bản	KTO	3	
KO	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
KO	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
KO	Tài chính Công	TCC	3	
KO	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
KO	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KS	Hành vi khách hàng ngành khách sạn	DL	3	
KS	Hệ thống phân phối toàn cầu	DL	3	
KS	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
KS	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
KS	Quản trị sự kiện và hội nghị	DL	3	
KS	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
KS	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
KS	Vận hành khách sạn	DL	3	
KS	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
KS	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Công pháp quốc tế	LUAT	2	
LA	Luật học so sánh	LUAT	2	
LA	Luật lao động	LUAT	3	
LA	Luật thương mại	LUAT	3	
LA	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
LA	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
LA	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
LA	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
LA	Tiếng Anh P4	NNKT	4	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LH	Hệ thống phân phối toàn cầu	DL	3	
LH	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
LH	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
LH	Quản trị hiểu khách	DL	3	
LH	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
LH	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
LH	Địa lý du lịch toàn cầu	DL	3	
LH	Ứng dụng điện toán trong du lịch	DL	3	
LH	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
LH	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LQ	Công pháp quốc tế	LUAT	2	
LQ	Luật học so sánh	LUAT	2	
LQ	Luật lao động	LUAT	3	
LQ	Luật thương mại	LUAT	3	
LQ	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
LQ	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
LQ	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
LQ	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
LQ	Tiếng Anh P4	NNKT	4	

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
MR	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
MR	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	
MR	Quản trị kênh phân phối	KDQTM	3	
MR	Quản trị marketing	KDQTM	3	
MR	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
MR	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
MR	Truyền thông marketing	KDQTM	3	
MR	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
MR	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
ND	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
ND	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
ND	Ngân hàng thương mại	NH	3	
ND	Ngân hàng đầu tư	NH	3	
ND	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	
ND	Phương pháp định lượng trên thị trường tài chính	NH	3	
ND	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
ND	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
ND	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
ND	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NH	Kế toán tài chính	KTO	3	
NH	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
NH	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
NH	Ngân hàng thương mại	NH	3	
NH	Ngân hàng đầu tư	NH	3	
NH	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
NH	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
NH	Tiếng Anh P4	NNKT	4	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NS	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	KT	3	
NS	Kinh tế học quản lý	KT	3	
NS	Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực	KT	4	
NS	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
NS	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
NS	Quan hệ lao động	KT	3	
NS	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
NS	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
NS	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
NS	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
PF	Kế toán tài chính	KTO	3	
PF	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
PF	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
PF	Ngân sách và tài chính Chính phủ	TCC	3	
PF	Quản lý khu vực Công	TCC	3	
PF	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
PF	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
PF	Tài chính Công	TCC	3	
PF	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
PF	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	
PF	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
PM	Hành vi tổ chức các tổ chức công	QLNN	3	
PM	Kinh tế công	KT	3	
PM	Luật tố tụng hành chính	LUAT	2	
PM	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
PM	Quản trị chiến lược các tổ chức công	QLNN	3	
PM	Quản trị tài chính các tổ chức công	QLNN	3	
PM	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
PM	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
PM	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
PM	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QB	Kế toán quản trị	KTO	3	
QB	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
QB	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
QB	Marketing dịch vụ y tế	KDQTM	3	
QB	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	
QB	Quản trị tài chính bệnh viện	QT	3	
QB	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
QB	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
QB	Thuật ngữ y khoa	QT	3	
QB	Tiếng Anh trong y khoa P4	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
SK	Hoạch định sự kiện	DL	3	
SK	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
SK	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
SK	Nhập môn về giải trí	DL	3	
SK	Nhập môn về sự kiện	DL	3	
SK	Quản trị hiếu khách	DL	3	
SK	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
SK	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
SK	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
SK	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
ST	Cơ sở dữ liệu	CNTTKD	3	
ST	Lập trình hướng đối tượng	CNTTKD	3	
ST	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
ST	Phân tích thiết kế hệ thống	CNTTKD	3	
ST	Phát triển ứng dụng Desktop	CNTTKD	3	
ST	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
ST	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
ST	Toán cho tin học	CNTTKD	3	
ST	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
ST	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH THUẾ TRONG KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TB	Kế toán tài chính_2	KTO	3	
TB	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
TB	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
TB	Ngân hàng thương mại	NH	3	
TB	Nguyên lý Thuế	TCC	3	
TB	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
TB	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
TB	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
TB	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
TB	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TG	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	KT	3	
TG	Kế toán tài chính	KTO	3	
TG	Kinh tế vi mô cho thẩm định giá	KT	3	
TG	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
TG	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
TG	Nguyên lý thẩm định giá	KT	3	
TG	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
TG	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
TG	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
TG	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
TG	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TK	Kinh tế lượng	TTK	3	
TK	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
TK	Quản trị chiến lược	QT	3	
TK	Quản trị marketing	KDQTM	3	
TK	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
TK	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
TK	Tiếng Anh P4	NNKT	4	
TK	Tin học trong kinh doanh	CNTTKD	3	

NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TQ	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
TQ	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
TQ	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
TQ	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
TQ	Tài chính quốc tế	TC	3	
TQ	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
TQ	Quản trị bán hàng	KDQTM	3	Nhóm TCĐH: Nhóm A; 4 môn , 9 TC
TQ	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	
TQ	Quản trị học	QT	3	
TQ	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
TQ	Kiểm toán	KTO	3	Nhóm TCĐH: Nhóm B; 4 môn , 9 TC
TQ	Marketing căn bản	KDQTM	3	
TQ	Ngân hàng thương mại	NH	3	
TQ	Thuế Quốc tế	TCC	3	
TQ	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TT	Kế toán tài chính	KTO	3	
TT	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
TT	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
TT	Phương pháp định lượng trên thị trường tài chính	NH	3	
TT	Sản phẩm phái sinh	TC	3	
TT	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
TT	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
TT	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
TT	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
TT	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ THUẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TX	Kế toán tài chính_1	KTO	3	
TX	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
TX	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
TX	Ngân hàng thương mại	NH	3	
TX	Nguyên lý Thuế	TCC	3	
TX	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
TX	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
TX	Tài chính Công	TCC	3	
TX	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
TX	Tiếng Anh P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
TX	Tiếng Pháp P4	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC

KHÓA 44 ĐHCQ CHẤT LƯỢNG CAO (Học kỳ thứ 4)

Học lý thuyết:	**02/01/2020 - 17/05/2020**	**19**	**tuần**
Nghỉ Tết Âm lịch	**18/01/2020 - 02/02/2020**	**02**	**tuần**
Thi kết thúc HP cuối học kỳ	**18/05/2020 - 31/05/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ giữa kỳ	**01/06/2020 - 14/06/2020**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Kế toán quản trị	KTO	3	
AD	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
AD	Quản trị chất lượng (EN)	QT	3	
AD	Quản trị marketing	KDQTM	3	
AD	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
AD	Tài chính cho nhà Quản trị	QT	3	
AD	Tiếng Anh P4	NNKT	4	
AD	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
AD	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Hoạch định ngân sách vốn (EN)	TC	3	
FN	Kinh tế lượng tài chính	TC	3	
FN	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
FN	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
FN	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	TC	3	
FN	Tài chính quốc tế (EN)	TC	3	
FN	Tiếng Anh P4	NNKT	4	
FN	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
FN	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	English for Finance Part 4	NNKT	4	
FN	Ho Chi Minh Thought	LLCT	2	
FN	International Finance	TC	3	
FN	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
FN	Auditing	KTO	3	Nhóm 1 -Đạt 15/27 TC
FN	Commercial Banking	NH	3	
FN	Corporate Law	LUAT	3	
FN	Financial Accounting	KTO	3	
FN	Fundamental Marketing	KDQTM	3	
FN	Global Strategic Management	KDQTM	3	
FN	Management	QT	3	
FN	Sales Management	KDQTM	3	
FN	Tax Planning	TCC	3	
FN	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	English for Foreign Trade Part 4	NNKT	4	
FT	Global Strategic Management	KDQTM	3	
FT	Ho Chi Minh Thought	LLCT	2	
FT	International Business (Kinh doanh quốc tế)	KDQTM	4	
FT	International Trade	KDQTM	3	
FT	Market Research (Nghiên cứu thị trường)	KDQTM	3	
FT	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
FT	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
FT	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
FT	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
FT	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
FT	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
FT	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
FT	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Hành vi tổ chức	QT	3	
IB	Kinh doanh quốc tế I (EN)	KDQTM	3	
IB	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
IB	Thông lệ trong thương mại quốc tế	KDQTM	3	
IB	Tiếng Anh P4	NNKT	4	
IB	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
IB	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	English for International Business Part 4	NNKT	4	
IB	Ho Chi Minh Thought	LLCT	2	
IB	International Marketing (Marketing quốc tế)	KDQTM	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
IB	Soft Skills (Kỹ năng mềm)	KDQTM	2	
IB	E-commerce (thương mại điện tử)	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
IB	Market Research (Nghiên cứu thị trường)	KDQTM	3	
IB	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KI	Hệ thống thuế VN	TCC	3	
KI	Kế toán quản trị I (EN)	KTO	3	
KI	Kế toán tài chính 2C	KTO	3	
KI	Sản phẩm phái sinh	TC	3	
KI	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
KI	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
KI	Tiếng Anh P4	NNKT	4	
KI	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
KI	Marketing căn bản	KDQTM	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
KI	Ngân hàng thương mại	NH	3	
KI	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	
KM	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	
KM	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	
KM	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	
KM	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	
KM	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	
KM	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
KM	Mô phỏng kinh doanh	KDQTM	3	
KM	Quản trị chiến lược (EN)	QT	3	
KM	Quản trị kinh doanh quốc tế	KDQTM	3	
KM	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
KM	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
KM	Tiếng Anh P4	NNKT	4	
KM	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Hệ thống thuế VN	TCC	3	
KN	Kế toán quản trị I (EN)	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 2A	KTO	3	
KN	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
KN	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
KN	Tiếng Anh P4	NNKT	4	
KN	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
KN	Marketing căn bản	KDQTM	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
KN	Ngân hàng thương mại	NH	3	
KN	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
MR	Nghiên cứu marketing (EN)	KDQTM	3	
MR	Quản trị marketing	KDQTM	3	
MR	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	KDQTM	3	
MR	Sinh hoạt lớp hk4.1	CTCT	0	
MR	Sinh hoạt lớp hk4.2	CTCT	0	
MR	Tiếng Anh P4	NNKT	4	
MR	Truyền thông marketing	KDQTM	3	
MR	Tư duy sáng tạo truyền thông tiếp thị	KDQTM	3	
MR	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
MR	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

KHÓA 45 ĐHCQ (Học kỳ thứ 2)

Học lý thuyết: 02/01/2020 - 17/05/2020 19 tuần
Nghỉ Tết Âm lịch 18/01/2020 - 02/02/2020 02 tuần
Trong đó có 4 tuần học GDQP
Học GDQP Đợt 1 02/03/2020 - 28/03/2020 04 tuần
Học GDQP Đợt 2 30/03/2020 - 25/04/2020 04 tuần
Thi kết thúc HP cuối học kỳ 18/05/2020 - 31/05/2020 02 tuần
Nghỉ giữa kỳ 01/06/2020 - 14/06/2020 02 tuần

CÁC LỚP CHƯA XÉT CHUYÊN NGÀNH

NGÀNH KẾ TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AC	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
AC	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
AC	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
AC	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
AC	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
AC	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
AC	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
AC	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
AC	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
AC	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
AC	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
AC	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
AC	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
AC	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
AC	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BA	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
BA	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
BA	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
BA	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
BA	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
BA	Phân tích định lượng trong quản trị	QT	3	
BA	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
BA	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
BA	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
BA	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
BA	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
BA	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
BA	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
BA	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
BA	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
BA	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FB	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
FB	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
FB	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
FB	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
FB	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
FB	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
FB	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
FB	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
FB	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
FB	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
FB	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
FB	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
FB	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
FB	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
FB	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
HT	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
HT	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
HT	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
HT	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
HT	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
HT	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
HT	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
HT	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
HT	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
HT	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
HT	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
HT	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
HT	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
HT	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
HT	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KINH TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KE	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
KE	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
KE	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
KE	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
KE	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
KE	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
KE	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
KE	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
KE	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
KE	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KE	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KE	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KE	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KE	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KE	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
HM	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
HM	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
HM	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
HM	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
HM	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
HM	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
HM	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
HM	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
HM	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
HM	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
HM	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
HM	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
HM	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
HM	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
HM	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KQ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
KQ	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
KQ	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
KQ	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
KQ	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
KQ	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
KQ	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
KQ	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
KQ	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
KQ	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KQ	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KQ	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KQ	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KQ	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KQ	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH TOÁN KINH TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TO	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
TO	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
TO	Giải tích 2	TTK	3	
TO	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
TO	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
TO	Lý thuyết xác suất	TTK	3	
TO	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
TO	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
TO	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
TO	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
TO	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
TO	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
TO	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
TO	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
TO	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
TO	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH LUẬT

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LU	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
LU	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
LU	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
LU	Kinh tế vi mô	KT	3	
LU	Logic học pháp lý	LUAT	2	
LU	Luật dân sự 1	LUAT	3	
LU	Luật hành chính	LUAT	3	
LU	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
LU	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
LU	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
LU	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
LU	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
LU	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
LU	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
LU	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
LU	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CÁC LỚP ĐÃ XÉT CHUYÊN NGÀNH

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AV	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
AV	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
AV	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
AV	Kinh tế vi mô (EN)	KT	3	
AV	Kỹ năng Nghe TATM 2	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nói TATM 2	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Viết TATM 2	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Đọc TATM 2	NNKT	2	
AV	Quản trị học (EN)	QT	2	
AV	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
AV	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
AV	Văn hóa Anh - Mỹ	NNKT	3	
AV	Đại cương văn hóa Việt Nam	NNKT	2	
AV	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
AV	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
AV	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
AV	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
AV	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
AV	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
KM	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
KM	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
KM	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
KM	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
KM	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
KM	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
KM	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
KM	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
KM	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KM	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KM	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KM	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KM	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KM	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LH	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
LH	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
LH	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
LH	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
LH	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
LH	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
LH	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
LH	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
LH	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
LH	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
LH	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
LH	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
LH	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
LH	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
LH	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
MR	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
MR	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
MR	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
MR	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
MR	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
MR	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
MR	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
MR	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
MR	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
PM	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
PM	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
PM	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
PM	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
PM	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
PM	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
PM	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
PM	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
PM	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
PM	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
PM	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
PM	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
PM	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
PM	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
PM	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QB	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
QB	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
QB	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
QB	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
QB	Quản lý y tế	QT	3	
QB	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
QB	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
QB	Thống kê và tin học trong y học	QT	3	
QB	Tiếng Anh trong y khoa P2	QT	3	
QB	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
QB	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
QB	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
QB	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
QB	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
QB	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
ST	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
ST	Cơ sở công nghệ thông tin	CNTTKD	3	
ST	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
ST	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
ST	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
ST	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
ST	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
ST	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
ST	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
ST	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
ST	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
ST	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
ST	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
ST	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
ST	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
ST	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH THỐNG KÊ KINH TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TK	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
TK	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
TK	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
TK	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
TK	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
TK	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
TK	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
TK	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
TK	Tiếng Anh P2	NNKT	4	
TK	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
TK	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
TK	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
TK	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
TK	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
TK	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

KHÓA 45 ĐHCQ CHẤT LƯỢNG CAO (Học kỳ thứ 2)

Học lý thuyết: 02/01/2020 - 17/05/2020 19 tuần
Nghỉ Tết Âm lịch 18/01/2020 - 02/02/2020 02 tuần
Trong đó có 4 tuần học GDQP
Học GDQP 30/03/2020 - 25/04/2020 04 tuần
Thi kết thúc HP cuối học kỳ 18/05/2020 - 31/05/2020 02 tuần
Nghỉ giữa kỳ 01/06/2020 - 14/06/2020 02 tuần

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
AD	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
AD	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
AD	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
AD	Luật kinh doanh	LUAT	3	
AD	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
AD	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
AD	Tiếng Anh P2	NNKT	4	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Applied Statistics for Business and Economics	TTK	3	
AD	Business Law	LUAT	3	
AD	English for Management Part 2	NNKT	6	
AD	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
AD	Macro - Economics (Kinh tế vĩ mô)	KT	3	
AD	Marxist Leninist Political Economics	LLCT	2	
AD	Principles of Accounting	KTO	3	
AD	Scientific Socialism	LLCT	2	
AD	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
FN	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
FN	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
FN	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
FN	Luật kinh doanh	LUAT	3	
FN	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
FN	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
FN	Tiếng Anh P2	NNKT	4	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Applied Statistics for Business and Economics	TTK	3	
FN	English for Finance Part 2	NNKT	6	
FN	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
FN	Macro - Economics (Kinh tế vĩ mô)	KT	3	
FN	Marxist Leninist Political Economics	LLCT	2	
FN	Principles of Accounting	KTO	3	
FN	Scientific Socialism	LLCT	2	
FN	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
IB	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
IB	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
IB	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
IB	Luật kinh doanh	LUAT	3	
IB	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
IB	Tiếng Anh P2	NNKT	4	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Applied Statistics for Business and Economics	TTK	3	
IB	Business Law and Ethics	LUAT	3	
IB	English for International Business Part 2	NNKT	6	
IB	Fundamentals of Marketing (Marketing căn bản)	KDQTM	3	
IB	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
IB	Macro - Economics (Kinh tế vĩ mô)	KT	3	
IB	Marxist Leninist Political Economics	LLCT	2	
IB	Scientific Socialism	LLCT	2	
IB	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KI	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
KI	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
KI	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
KI	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
KI	Nguyên lý kế toán (EN)	KTO	3	
KI	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
KI	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
KI	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
KI	Tiếng Anh P2	NNKT	4	

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
KM	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
KM	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
KM	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
KM	Luật kinh doanh	LUAT	3	
KM	Marketing căn bản	KDQTM	3	
KM	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
KM	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
KM	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
KM	Tiếng Anh P2	NNKT	4	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
KN	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
KN	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
KN	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
KN	Nguyên lý kế toán (EN)	KTO	3	
KN	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
KN	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
KN	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
KN	Tiếng Anh P2	NNKT	4	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
LA	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
LA	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
LA	Kinh tế vi mô	KT	3	
LA	Logic học pháp lý	LUAT	2	
LA	Luật dân sự 1	LUAT	3	
LA	Luật hành chính	LUAT	3	
LA	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
LA	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
LA	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	NNKT	4	

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
MR	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
MR	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
MR	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
MR	Luật kinh doanh	LUAT	3	
MR	Marketing căn bản (EN)	KDQTM	3	
MR	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
MR	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
MR	Tiếng Anh P2	NNKT	4	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NH	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
NH	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
NH	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
NH	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
NH	Luật kinh doanh	LUAT	3	
NH	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
NH	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
NH	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
NH	Tiếng Anh P2	NNKT	4	

CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TG	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	
TG	Giáo dục quốc phòng - an ninh	CTCT	5	
TG	Kinh tế chính trị Mác LêNin	LLCT	2	
TG	Kinh tế vi mô -(EN)	KT	3	
TG	Nguyên lý kế toán (EN)	KTO	3	
TG	Sinh hoạt lớp hk2.1	CTCT	0	
TG	Sinh hoạt lớp hk2.2	CTCT	0	
TG	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
TG	Tiếng Anh P2	NNKT	4	

KHÓA 20B HỆ VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY (Học kỳ thứ 5)

Học lý thuyết : 02/01/2020 – 19/07/2020
Nghỉ Tết Âm Lịch : 18/01/2020 – 02/02/2020
Nghỉ giữa kỳ : 01/06/2020 – 14/06/2020
27/07/2020 – 02/08/2020
Thi KTHP cuối học kỳ : 13/07/2020 – 02/08/2020

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	2	
AD	Quản trị dự án	QT	2	
AD	Quản trị rủi ro	QT	2	
AD	Kế toán quản trị	KTO	2	Nhóm 1 -Đạt 2/4 TC
AD	Đạo đức kinh doanh	QT	2	
AD	Hệ thống quản lý không lỗi	QT	2	Nhóm 2 -Đạt 2/4 TC
AD	Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn	QT	2	
AD	Luật doanh nghiệp	LUAT	2	Nhóm 3 -Đạt 2/4 TC
AD	Thanh toán quốc tế	NH	2	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Mô hình tài chính	TC	3	
FN	Quản trị rủi ro tài chính	TC	3	
FN	Kiểm toán	KTO	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
FN	Thị trường tài chính	NH	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Hệ thống thông tin kế toán III	KTO	2	
KN	Kế toán hành chính sự nghiệp	KTO	2	
KN	Kiểm toán	KTO	4	
KN	Phân tích hoạt động kinh doanh	KTO	3	
KN	Quản trị tài chính	TC	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
KN	Thanh toán quốc tế	NH	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Luật Sở hữu trí tuệ	LUAT	2	
LA	Luật Tố tụng dân sự	LUAT	2	
LA	Luật thương mại quốc tế	LUAT	3	
LA	Tư pháp quốc tế	LUAT	2	
LA	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	LUAT	2	Nhóm 2 -Đạt 2/4 TC
LA	Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật	LUAT	2	

KHÓA 21.1 HỆ VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY (Học kỳ thứ 4)

Học lý thuyết : 02/01/2020 – 19/07/2020
Nghỉ Tết Âm Lịch : 18/01/2020 – 02/02/2020
Nghỉ giữa kỳ : 01/06/2020 – 14/06/2020
27/07/2020 – 02/08/2020
Thi KTHP cuối học kỳ : 13/07/2020 – 02/08/2020

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	QT	3	
AD	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	
AD	Quản trị chiến lược	QT	3	
AD	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
AD	Thẩm định dự án	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Quản trị rủi ro tài chính	TC	3	
FN	Tài chính định lượng	TC	3	
FN	Định giá doanh nghiệp	TC	3	Nhóm TCĐH: Nhóm A; 4 môn , 12 TC
FN	Điều hành CTCP đại chúng	TC	3	
FN	Tài chính hành vi	TC	3	
FN	Thị trường tài chính quốc tế	TC	3	
FN	Phân tích kỹ thuật	TC	3	Nhóm TCĐH: Nhóm B; 4 môn , 12 TC
FN	Tài chính công ty đa quốc gia	TC	3	
FN	Thị trường tài chính quốc tế	TC	3	
FN	Điều hành CTCP đại chúng	TC	3	
FN	Hợp nhất, sáp nhập và cấu trúc doanh nghiệp	TC	3	Nhóm TCĐH: Nhóm C; 4 môn , 12 TC
FN	Quản lý danh mục đầu tư	TC	3	
FN	Tài chính hành vi	TC	3	
FN	Đầu tư bất động sản	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Marketing quốc tế	KDQTM	3	
FT	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	
FT	Quản trị xuất nhập khẩu	KDQTM	3	
FT	Thông lệ trong thương mại quốc tế	KDQTM	3	
FT	Kế toán quản trị	KTO	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
FT	Marketing trong kinh doanh	KDQTM	3	
FT	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
FT	Marketing kỹ thuật số (IB,FT)	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán quốc tế 1	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 3A	KTO	3	
KN	Kiểm toán 2	KTO	3	
KN	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	
KN	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	KTO	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Công pháp quốc tế	LUAT	2	
LA	Luật học so sánh	LUAT	2	
LA	Luật sở hữu trí tuệ	LUAT	2	
LA	Luật tố tụng dân sự	LUAT	3	
LA	Luật tố tụng hình sự	LUAT	2	
LA	Luật đất đai	LUAT	2	
LA	Tư pháp quốc tế	LUAT	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NS	Bảo hiểm xã hội	KT	3	
NS	Tâm lý học quản lý	KT	3	
NS	Dân số và phát triển	KT	3	Nhóm 1 -Đạt 15/30 TC
NS	Kinh tế học lao động	KT	3	
NS	Luật lao động	LUAT	3	
NS	Phát triển kỹ năng lãnh đạo	KT	3	
NS	Phát triển nguồn nhân lực	KT	3	
NS	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	KT	3	
NS	Quan hệ lao động	KT	3	
NS	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	KT	3	
NS	Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức	KT	3	
NS	Định mức lao động	KT	3	

KHÓA 21.2 HỆ VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY (Học kỳ thứ 3)

Học lý thuyết : 02/01/2020 – 19/07/2020
Nghỉ Tết Âm Lịch : 18/01/2020 – 02/02/2020
Nghỉ giữa kỳ : 01/06/2020 – 14/06/2020
27/07/2020 – 02/08/2020
Thi KTHP cuối học kỳ : 13/07/2020 – 02/08/2020

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Hành vi tổ chức	QT	3	
AD	Phân tích định lượng trong quản trị	QT	3	
AD	Quản trị chất lượng	QT	3	
AD	Quản trị chiến lược	QT	3	
AD	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Phân tích tài chính	TC	3	
FN	Sản phẩm phái sinh	TC	3	
FN	Đầu tư tài chính	TC	3	
FN	Hoạch định Thuế	TCC	3	Nhóm 1 -Đạt 9/21 TC
FN	Kế toán tài chính	KTO	3	
FN	Kiểm toán	KTO	3	
FN	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
FN	Marketing căn bản	KDQTM	3	
FN	Ngân hàng thương mại	NH	3	
FN	Thuế Quốc tế	TCC	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Logistics quốc tế	KDQTM	3	
FT	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	
FT	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	
FT	Tài chính quốc tế	TC	3	
FT	Thương mại quốc tế	KDQTM	3	
FT	Dự án kinh doanh quốc tế	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
FT	Quản trị marketing	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán công	KTO	3	
KN	Kế toán quản trị 2	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 3A	KTO	3	
KN	Kiểm toán 1	KTO	3	
KN	Thực hành hệ thống thông tin kế toán	KTO	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
LA	Luật hình sự	LUAT	4	
LA	Luật lao động	LUAT	3	
LA	Luật thương mại	LUAT	3	
LA	Luật tố tụng dân sự	LUAT	3	

KHÓA 22.1 HỆ VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY (Học kỳ thứ 2)

Học lý thuyết : 02/01/2020 – 19/07/2020
Nghỉ Tết Âm Lịch : 18/01/2020 – 02/02/2020
Nghỉ giữa kỳ : 01/06/2020 – 14/06/2020
27/07/2020 – 02/08/2020
Thi KTHP cuối học kỳ : 13/07/2020 – 02/08/2020

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	
AD	Quản trị học	QT	3	
AD	Quản trị tài chính	TC	3	
AD	Quản trị điều hành	QT	3	
AD	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AV	Dẫn luận Ngôn ngữ học	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nghe TATM 4	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nói TATM 4	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Viết TATM 4	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Đọc TATM 4	NNKT	2	
AV	Ngôn ngữ học đối chiếu	NNKT	2	
AV	Tiếng Việt thực hành	NNKT	2	
AV	Tin học trong kinh doanh (EN)	CNTTKD	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Kinh tế lượng	TTK	3	
FN	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
FN	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	TC	3	
FN	Tài chính quốc tế	TC	3	
FN	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Doanh nghiệp và Kinh doanh	KDQTM	3	
FT	Khoa học quản trị	KDQTM	3	
FT	Kinh doanh quốc tế 1	KDQTM	3	
FT	Marketing căn bản	KDQTM	3	
FT	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Hệ thống thông tin kế toán	KTO	3	
KN	Kế toán quản trị 1	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 1	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 2A	KTO	3	
KN	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Các học thuyết pháp lý	LUAT	3	
LA	Logic học pháp lý	LUAT	2	
LA	Luật dân sự 1	LUAT	3	
LA	Luật dân sự 2	LUAT	3	
LA	Luật hành chính	LUAT	3	
LA	Luật hiến pháp	LUAT	2	

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Hành vi người tiêu dùng	KDQTM	3	
MR	Marketing căn bản	KDQTM	3	
MR	Quản trị chiến lược	QT	3	
MR	Quản trị kênh phân phối	KDQTM	3	
MR	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NS	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	KT	3	
NS	Kinh tế học quản lý	KT	3	
NS	Kinh tế phát triển	KT	3	
NS	Kinh tế vĩ mô ứng dụng	KT	3	
NS	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	

KHÓA 22.2 HỆ VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY (Học kỳ thứ 1)

Học lý thuyết : 02/01/2020 – 19/07/2020
Nghỉ Tết Âm Lịch : 18/01/2020 – 02/02/2020
Nghỉ giữa kỳ : 01/06/2020 – 14/06/2020
27/07/2020 – 02/08/2020
Thi KTHP cuối học kỳ : 13/07/2020 – 02/08/2020

Kế hoạch có thể điều chỉnh căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh của Phòng QLĐT – CTSV

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Kinh tế vi mô	KT	3	
AD	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
AD	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
AD	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
AD	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Kinh tế vi mô	KT	3	
FN	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
FN	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
FN	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
FN	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Kinh tế vi mô	KT	3	
FT	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
FT	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
FT	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
FT	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kinh tế vi mô	KT	3	
KN	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
KN	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
KN	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
KN	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Các học thuyết pháp lý	LUAT	3	
LA	Kinh tế vi mô	KT	3	
LA	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
LA	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
LA	Nhập môn luật học	LUAT	3	

KHÓA 23.1 HỆ LIÊN THÔNG ĐHCQ (Học kỳ 4)

Học lý thuyết : 02/01/2020 – 19/07/2020
Nghỉ Tết Âm Lịch : 18/01/2020 – 02/02/2020
Nghỉ giữa kỳ : 01/06/2020 – 14/06/2020
27/07/2020 – 02/08/2020
Thi KTHP cuối học kỳ : 13/07/2020 – 02/08/2020

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	KTO	3	

KHÓA 23.2 HỆ LIÊN THÔNG ĐHCQ (Học kỳ thứ 3)

Học lý thuyết : 02/01/2020 – 19/07/2020
Nghỉ Tết Âm Lịch : 18/01/2020 – 02/02/2020
Nghỉ giữa kỳ : 01/06/2020 – 14/06/2020
27/07/2020 – 02/08/2020
Thi KTHP cuối học kỳ : 13/07/2020 – 02/08/2020

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	
AD	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
AD	Quản trị mối quan hệ lao động	QT	3	Nhóm TCĐH: Quản trị NNL; 4 môn , 6 TC
AD	Quản trị thù lao lao động	QT	3	
AD	Tuyển dụng và đào tạo	QT	3	
AD	Đánh giá thực hiện công việc	QT	3	
AD	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	QT	3	Nhóm TCĐH: Quản trị gia; 4 môn , 6 TC
AD	Tư duy kinh doanh	QT	3	
AD	Đạo đức kinh doanh	QT	3	
AD	Đàm phán trong quản trị	QT	3	
AD	Hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean)	QT	3	Nhóm TCĐH: Quản trị điều hành sản xuất; 4 môn , 6 TC
AD	Quản trị chất lượng dịch vụ	QT	3	
AD	Quản trị dự án	QT	3	
AD	Tái cấu trúc quy trình kinh doanh (BPR)	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AV	Kỹ năng Nghe TATM 6	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nói TATM 6	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Viết TATM 6	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Đọc TATM 6	NNKT	2	
AV	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị	NNKT	3	
AV	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch và Khách sạn	NNKT	3	Nhóm 1 -Đạt 3/9 TC
AV	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	NNKT	3	
AV	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	NNKT	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Tài chính hành vi	TC	3	Nhóm TCĐH: Nhóm A; 4 môn , 12 TC
FN	Điều hành CTCP đại chúng	TC	3	
FN	Định giá doanh nghiệp	TC	3	
FN	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	TC	3	
FN	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	TC	3	Nhóm TCĐH: Nhóm B; 4 môn , 12 TC
FN	Tài chính công ty đa quốc gia	TC	3	
FN	Thị trường tài chính quốc tế	TC	3	
FN	Phân tích kỹ thuật	TC	3	
FN	Hợp nhất, sáp nhập và cấu trúc doanh nghiệp	TC	3	Nhóm TCĐH: Nhóm C; 4 môn , 12 TC
FN	Phân tích kỹ thuật	TC	3	
FN	Quản lý danh mục đầu tư	TC	3	
FN	Đầu tư bất động sản	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Dự án kinh doanh quốc tế	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
FT	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	
FT	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
FT	Tài chính quốc tế	TC	3	
FT	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
FT	Marketing kỹ thuật số	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán tài chính 4A	KTO	3	
KN	Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS	KTO	3	
KN	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	
KN	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	KTO	3	
KN	Hệ thống thuế VN	TCC	3	Nhóm 1 -Đạt 3/9 TC
KN	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
KN	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	

KHÓA 24.1 HỆ LIÊN THÔNG ĐHCQ (Học kỳ thứ 2)

Học lý thuyết : 02/01/2020 – 19/07/2020
Nghỉ Tết Âm Lịch : 18/01/2020 – 02/02/2020
Nghỉ giữa kỳ : 01/06/2020 – 14/06/2020
27/07/2020 – 02/08/2020
Thi KTHP cuối học kỳ : 13/07/2020 – 02/08/2020

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	
AD	Quản trị chất lượng	QT	3	
AD	Quản trị chiến lược	QT	3	
AD	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	
AD	Quản trị tài chính	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Logistics quốc tế	KDQTM	3	
FT	Marketing quốc tế	KDQTM	3	
FT	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	
FT	Quản trị xuất nhập khẩu	KDQTM	3	
FT	Thương mại quốc tế	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Hệ thống thông tin kế toán	KTO	3	
KN	Kế toán quản trị 2	KTO	3	
KN	Kế toán quốc tế 1	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 3A	KTO	3	
KN	Kiểm toán	KTO	3	

KHÓA 24.2 HỆ LIÊN THÔNG ĐHCQ (Học kỳ thứ 1)

Học lý thuyết : 02/01/2020 – 19/07/2020
Nghỉ Tết Âm Lịch : 18/01/2020 – 02/02/2020
Nghỉ giữa kỳ : 01/06/2020 – 14/06/2020
27/07/2020 – 02/08/2020
Thi KTHP cuối học kỳ : 13/07/2020 – 02/08/2020

Kế hoạch có thể điều chỉnh căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh của Phòng QLĐT – CTSV

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	
AD	Quản trị chất lượng	QT	3	
AD	Quản trị học	QT	3	
AD	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	
AD	Quản trị điều hành	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AV	Hình thái - Cú pháp học	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nghe TATM 4	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nói TATM 4	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Viết TATM 4	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Đọc TATM 4	NNKT	2	
AV	Ngữ Âm - Âm vị học	NNKT	2	
AV	Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh	NNKT	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Kinh tế lượng	TTK	3	
FN	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
FN	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	TC	3	
FN	Tài chính quốc tế	TC	3	
FN	Đầu tư tài chính	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Doanh nghiệp và Kinh doanh	KDQTM	3	
FT	Kinh doanh quốc tế 1	KDQTM	3	
FT	Logistics quốc tế	KDQTM	3	
FT	Marketing căn bản	KDQTM	3	
FT	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Hệ thống thông tin kế toán	KTO	3	
KN	Kế toán quản trị 1	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 1	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 2A	KTO	3	
KN	Kiểm toán	KTO	3	

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO DỰ KIẾN HỌC KỲ GIỮA NĂM 2020
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

KHÓA 43, 43 CLC (HK1,2,3,4,5)

Học lý thuyết	**: 15/06/2020 – 19/07/2020**	**05 tuần**
Thi KTHP	**: 20/07/2020 – 26/07/2020**	**01 tuần**
Nghỉ giữa kỳ	**: 27/07/2020 – 02/08/2020**	**01 tuần**

KHÓA 44, 44 CLC (HK1,2,3)

Học lý thuyết	**: 15/06/2020 – 19/07/2020**	**05 tuần**
Thi KTHP	**: 20/07/2020 – 26/07/2020**	**01 tuần**
Nghỉ giữa kỳ	**: 27/07/2020 – 02/08/2020**	**01 tuần**

KHÓA 45, 45 CLC (HK1)

Học lý thuyết	**: 15/06/2020 – 19/07/2020**	**05 tuần**
Thi KTHP	**: 20/07/2020 – 26/07/2020**	**01 tuần**
Nghỉ giữa kỳ	**: 27/07/2020 – 02/08/2020**	**01 tuần**

(Số lớp học phần dự kiến mở sẽ căn cứ vào nhu cầu đăng ký học trả nợ học phần của sinh viên)

BẬC ĐẠI HỌC – HỆ CHÍNH QUY
HỌC KỲ CUỐI NĂM 2020

KHÓA 43 ĐHCQ (Học kỳ thứ 7)

(Kế hoạch thực tập tốt nghiệp sẽ được các Khoa, Viện đào tạo và các Phòng ban liên quan thông báo sau)

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Báo cáo chuyên đề - QT	QT	2	
AD	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AE	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AG	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AV	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BD	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BI	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ BẢO HIỂM

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BR	Sinh hoạt lớp hk7.2	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
CL	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
DT	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
EC	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
EM	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KC	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KI	Kiểm toán hoạt động	KTO	2	
KI	Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS	KTO	3	
KI	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS	KTO	3	
KN	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	
KN	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	KTO	2	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KO	Kế toán công quốc tế	KTO	3	
KO	Phần mềm kế toán khu vực công	KTO	3	
KO	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KS	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LH	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NH	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NS	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
PF	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QB	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
SK	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH THUẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TA	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TD	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH TOÁN TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TF	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TG	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TQ	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TT	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

KHÓA 43 ĐHCQ CLC (Học kỳ thứ 7)

(Kế hoạch thực tập tốt nghiệp sẽ được các Khoa, Viện đào tạo và các Phòng ban liên quan thông báo sau)

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Báo cáo chuyên đề - QT	QT	2	
AD	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KI	Kiểm toán hoạt động	KTO	2	
KI	Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS	KTO	3	
KI	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Sinh hoạt lớp hk7.1	CTCT	0	

KHÓA 44 ĐHCQ (Học kỳ thứ 5)

Học lý thuyết:	**03/08/2020 - 06/12/2020**	**18**	**tuần**
Thi KTHP cuối học kỳ	**07/12/2020 - 20/12/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ cuối năm	**21/12/2020 - 03/01/2021**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ VÀ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AB	Marketing nông sản	KT	3	
AB	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	
AB	Quản lý nông trại	KT	3	
AB	Quản trị chất lượng	QT	3	
AB	Quản trị xuất nhập khẩu	KDQTM	3	
AB	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
AB	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
AB	Thông lệ trong thương mại quốc tế	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	
AD	Lãnh đạo	QT	3	
AD	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	
AD	Quản trị chiến lược	QT	3	
AD	Quản trị kinh doanh quốc tế	KDQTM	3	
AD	Quản trị marketing	KDQTM	3	
AD	Quản trị sự thay đổi	QT	3	
AD	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
AD	Thẩm định dự án	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AE	Kinh tế học quản lý nhân sự	KT	3	
AE	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	KT	3	
AE	Kinh tế vĩ mô trung cấp	KT	3	
AE	Phân tích lợi ích - chi phí	KT	3	
AE	Phương pháp thu thập và quản lý dữ liệu	KT	3	
AE	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
AE	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
AE	Khởi nghiệp kinh doanh	QT	3	Tự chọn 1 -Đạt 3/21 TC
AE	Luật dân sự 1	LUAT	3	
AE	Marketing căn bản	KDQTM	3	
AE	Ngân hàng thương mại	NH	3	
AE	Quản trị học	QT	3	
AE	Tài chính quốc tế	TC	3	
AE	Định giá và phân tích chứng khoán	NH	3	

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AV	Hình thái - Cú pháp học	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nghe TATM 5	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nói TATM 5	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Viết TATM 5	NNKT	2	
AV	Kỹ năng mềm (EN)	KDQTM	2	
AV	Kỹ năng Đọc TATM 5	NNKT	2	
AV	Marketing căn bản - EN	KDQTM	3	
AV	Quản trị kinh doanh quốc tế (EN)	KDQTM	3	
AV	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
AV	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
AV	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị	NNKT	3	
AV	Ngoại ngữ 2 P3	NNKT	3	Nhóm TCĐH: Ngoại ngữ 2; 4 môn , 16 TC

CHUYÊN NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BD	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
BD	Kinh tế bất động sản	KT	3	
BD	Kinh tế vĩ mô ứng dụng	KT	3	
BD	Phát triển bất động sản	KT	3	
BD	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	KT	3	
BD	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
BD	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
BD	Thẩm định kinh tế các dự án đầu tư	KT	3	
BD	Đầu tư và tài trợ bất động sản	KT	3	
BD	Định giá đầu tư	KT	3	

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BI	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	CNTTKD	3	
BI	Công nghệ phần mềm	CNTTKD	3	
BI	Giới thiệu hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	CNTTKD	3	
BI	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
BI	Phân tích thiết kế hệ thống	CNTTKD	3	
BI	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
BI	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
BI	Thương mại điện tử	CNTTKD	3	
BI	Cơ sở dữ liệu nâng cao	CNTTKD	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
BI	Đảm bảo và kiểm soát chất lượng phần mềm	CNTTKD	3	
BI	Kế toán quản trị	KTO	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
BI	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ BẢO HIỂM

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BR	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
BR	Kinh tế lượng tài chính	TC	3	
BR	Nguyên lý bảo hiểm	TC	3	
BR	Sản phẩm phái sinh	TC	3	
BR	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
BR	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
BR	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	TC	3	
BR	Đầu tư tài chính	TC	3	
BR	Định phí	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
CL	Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000	QT	3	
CL	Kỹ thuật quản trị chất lượng I	QT	3	
CL	Phương pháp 6 sigma	QT	3	
CL	Quản trị chất lượng dịch vụ	QT	3	
CL	Quản trị chiến lược	QT	3	
CL	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
CL	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
CL	Tài chính cho nhà Quản trị	QT	3	
CL	Thẩm định dự án	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
EC	Digital Marketing	CNTTKD	3	
EC	Dịch vụ mạng Internet	CNTTKD	3	
EC	Hành vi người tiêu dùng	KDQTM	3	
EC	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
EC	Luật thương mại điện tử	LUAT	3	
EC	Phân tích thiết kế hệ thống	CNTTKD	3	
EC	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	
EC	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
EC	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
EC	Giới thiệu hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	CNTTKD	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
EC	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
EM	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
EM	Marketing khởi nghiệp	KDQTM	3	
EM	Quản trị doanh nghiệp nhỏ	QT	3	
EM	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	
EM	Quản trị sáng tạo và đổi mới	QT	3	
EM	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
EM	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
EM	Tài chính khởi nghiệp	QT	3	
EM	Thẩm định dự án	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
ER	ERP trong quản trị tài chính	CNTTKD	3	
ER	Kế toán tài chính_2	KTO	3	
ER	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
ER	Phân tích thiết kế hệ thống	CNTTKD	3	
ER	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	
ER	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
ER	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
ER	ERP trong quản trị kho	CNTTKD	3	Nhóm 2 -Đạt 6/9 TC
ER	ERP trong quản trị nguồn nhân lực	CNTTKD	3	
ER	ERP trong quản trị quan hệ khách hàng	CNTTKD	3	

CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FI	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
FI	Kinh tế lượng tài chính	TC	3	
FI	Phân tích tài chính	TC	3	
FI	Quản trị rủi ro tài chính	TC	3	
FI	Sản phẩm phái sinh	TC	3	
FI	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
FI	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
FI	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	TC	3	
FI	Đầu tư tài chính	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FM	Kinh tế lượng nâng cao	TTK	3	
FM	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
FM	Phân tích dữ liệu	TTK	3	
FM	Quá trình ngẫu nhiên	TTK	3	
FM	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
FM	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
FM	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
FM	Toán tài chính	TTK	3	
FM	Kế toán quản trị	KTO	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
FM	Quản trị chiến lược	QT	3	
FM	Nguyên lý thẩm định giá	KT	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
FM	Thị trường tiền tệ và thị trường vốn	NH	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
FN	Phân tích tài chính	TC	3	
FN	Quản trị rủi ro tài chính	TC	3	
FN	Sản phẩm phái sinh	TC	3	
FN	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
FN	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	TC	3	
FN	Tài chính định lượng	TC	3	
FN	Đầu tư tài chính	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	ERP (SCM)	KDQTM	2	
FT	Logistics	KDQTM	3	
FT	Marketing quốc tế	KDQTM	3	
FT	Mô phỏng kinh doanh	KDQTM	3	
FT	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	KDQTM	3	
FT	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
FT	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
FT	Tư duy sáng tạo	KDQTM	3	
FT	Chủ đề về thương mại quốc tế	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
FT	Thông lệ trong thương mại quốc tế	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN VÀ NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
HQ	Chính sách quản lý và hỗ trợ thương mại	TCC	3	
HQ	Nguyên lý kiểm hóa	TCC	3	
HQ	Nhập môn định giá hải quan	TCC	3	
HQ	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	
HQ	Quản trị kinh doanh quốc tế	KDQTM	3	
HQ	Quản trị xuất nhập khẩu	KDQTM	3	
HQ	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
HQ	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
HQ	Thuế Quốc tế	TCC	3	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Kinh doanh quốc tế II	KDQTM	3	
IB	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	
IB	Quản trị chuỗi cung ứng P1	KDQTM	3	
IB	Quản trị nguồn nhân lực MNCs	KDQTM	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
IB	Thông lệ trong thương mại quốc tế	KDQTM	3	
IB	Tiếng Anh - chuyên đề soạn thảo thư thương mại	NNKT	3	
IB	Marketing quốc tế	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
IB	Marketing trong kinh doanh	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IE	Kinh tế vĩ mô ứng dụng	KT	3	
IE	Luật đầu tư	LUAT	3	
IE	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	KT	3	
IE	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
IE	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
IE	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
IE	Thực hành thẩm định dự án	KT	3	
IE	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
IE	Quản trị dự án	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KC	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
KC	Kinh tế chính trị - phần TBCN	LLCT	3	
KC	Kinh tế môi trường	KT	3	
KC	Kinh tế vĩ mô II	KT	3	
KC	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	KT	3	
KC	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
KC	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
KC	Thẩm định kinh tế các dự án đầu tư	KT	3	
KC	Các lý thuyết kinh tế phương tây hiện đại	LLCT	3	Nhóm 1 -Đạt 6/9 TC
KC	Lịch sử triết học	LLCT	3	
KC	Đường lối kinh tế của Đảng CSVN	LLCT	3	

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KI	Hệ thống thông tin kế toán	KTO	3	
KI	Kế toán công	KTO	3	
KI	Kế toán quản trị 1	KTO	3	
KI	Kế toán quốc tế 1	KTO	3	
KI	Kế toán tài chính 3C	KTO	3	
KI	Kiểm soát nội bộ	KTO	3	
KI	Kiểm toán căn bản	KTO	3	
KI	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
KI	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	ERP (SCM)	KDQTM	2	
KM	Giao tiếp kinh doanh	KDQTM	3	
KM	Hành vi người tiêu dùng	KDQTM	3	
KM	Marketing quốc tế	KDQTM	3	
KM	Mô phỏng kinh doanh	KDQTM	3	
KM	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	
KM	Quản trị kinh doanh quốc tế	KDQTM	3	
KM	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
KM	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
KM	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	KT	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
KM	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán quản trị 1	KTO	3	
KN	Kế toán quốc tế 1	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 3A	KTO	3	
KN	Kiểm toán căn bản	KTO	3	
KN	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	
KN	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
KN	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KO	Kế toán khu vực công 2	KTO	3	
KO	Kế toán quản trị 1	KTO	3	
KO	Kế toán quản trị khu vực công	KTO	3	
KO	Kiểm toán khu vực công	KTO	3	
KO	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
KO	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
KO	Hoạch định Thuế	TCC	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
KO	Phân tích chính sách công	TCC	3	
KO	Quản lý tài khóa và soạn lập ngân sách	TCC	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
KO	Định giá và quản lý tài sản Công	TCC	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KS	Hệ thống thông tin trong khách sạn	DL	3	
KS	Quản trị hiệu quả	DL	3	
KS	Quản trị nhân sự du lịch	DL	3	
KS	Quản trị nhà hàng	DL	3	
KS	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
KS	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
KS	Tiếp thị khách sạn	DL	3	
KS	Vận hành dịch vụ buồng	DL	3	
KS	Phương pháp nghiên cứu và tìm kiếm thông tin	DL	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
KS	Thuật doanh nghiệp	DL	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
LA	Kỹ năng soạn thảo văn bản	LUAT	2	
LA	Luật sở hữu trí tuệ	LUAT	2	
LA	Luật thương mại quốc tế 1	LUAT	3	
LA	Luật tố tụng dân sự	LUAT	3	
LA	Luật tố tụng hình sự	LUAT	2	
LA	Luật đất đai	LUAT	2	
LA	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
LA	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
LA	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
LA	Tư pháp quốc tế	LUAT	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LH	Hướng dẫn du lịch	DL	3	
LH	Quản trị bán sản phẩm lữ hành	DL	3	
LH	Quản trị hiệu quả	DL	3	
LH	Quản trị nhân sự du lịch	DL	3	
LH	Quản trị vận hành tour	DL	3	
LH	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
LH	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
LH	Tiếp thị du lịch và lữ hành	DL	3	
LH	Phương pháp nghiên cứu và tìm kiếm thông tin	DL	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
LH	Thuật doanh nghiệp	DL	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LQ	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
LQ	Kỹ năng soạn thảo văn bản	LUAT	2	
LQ	Luật sở hữu trí tuệ	LUAT	2	
LQ	Luật thương mại quốc tế 1	LUAT	3	
LQ	Luật tố tụng dân sự	LUAT	3	
LQ	Luật tố tụng hình sự	LUAT	2	
LQ	Luật đất đai	LUAT	2	
LQ	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
LQ	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
LQ	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Chiến lược định giá	KDQTM	3	
MR	ERP (SCM)	KDQTM	2	
MR	Marketing trong kinh doanh	KDQTM	3	
MR	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	KDQTM	3	
MR	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
MR	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
MR	Tư duy sáng tạo truyền thông tiếp thị	KDQTM	3	
MR	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
MR	Quản trị và phát triển sản phẩm mới	KDQTM	3	
MR	Quan hệ công chúng	KDQTM	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
MR	Quảng cáo	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
ND	Chiến lược kinh doanh trên thị trường nợ	NH	3	
ND	Chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực tài chính và NHĐT	NH	3	
ND	Core Banking	NH	2	
ND	Luật ngân hàng - chứng khoán	NH	3	
ND	Quản trị rủi ro tại các định chế tài chính	NH	3	
ND	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
ND	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
ND	Hệ thống thuế VN	TCC	3	Nhóm 1 -Đạt 9/21 TC
ND	Hợp nhất, sáp nhập và cấu trúc doanh nghiệp	TC	3	
ND	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
ND	Marketing căn bản	KDQTM	3	
ND	Quản trị học	QT	3	
ND	Rủi ro và bảo hiểm	TC	3	
ND	Sản phẩm phái sinh	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NH	Core Banking	NH	2	
NH	Kinh doanh ngoại hối	NH	3	
NH	Ngân hàng quốc tế	NH	3	
NH	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
NH	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
NH	Thanh toán quốc tế	NH	3	
NH	Hệ thống thuế VN	TCC	3	Nhóm 1 -Đạt 9/15 TC
NH	Quản lý quỹ đầu tư	NH	3	
NH	Quản trị học	QT	3	
NH	Quản trị xuất nhập khẩu	KDQTM	3	
NH	Đạo đức kinh doanh	QT	3	
NH	Kiểm toán	KTO	3	Nhóm 2 -Đạt 6/12 TC
NH	Nguyên lý bảo hiểm	TC	3	
NH	Phương pháp định lượng trên thị trường tài chính	NH	3	
NH	Quản trị điều hành	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NS	Kinh tế học lao động	KT	3	
NS	Kinh tế vĩ mô ứng dụng	KT	3	
NS	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	KT	3	
NS	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
NS	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
NS	Tâm lý học quản lý	KT	3	
NS	Thẩm định kinh tế các dự án đầu tư	KT	3	
NS	Định mức lao động	KT	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
PF	Kế toán tài chính các đơn vị Công	TCC	3	
PF	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
PF	Kiểm toán	KTO	3	
PF	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
PF	Ngân hàng thương mại	NH	3	
PF	Nguyên lý Thuế	TCC	3	
PF	Quản lý tài chính các đơn vị Công	TCC	3	
PF	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
PF	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
PM	Hành chính công vụ	LUAT	3	
PM	Kỹ năng lãnh đạo trong khu vực công	QLNN	3	
PM	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
PM	Luật khiếu nại tố cáo	LUAT	2	
PM	Luật đất đai	LUAT	2	
PM	Marketing trong khu vực công	QLNN	3	
PM	Quản trị nguồn nhân lực các tổ chức công	QLNN	3	
PM	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
PM	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
PM	Thẩm định dự án đầu tư công	QLNN	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QB	ERP (HRM)	CNTTKD	2	
QB	Hành vi tổ chức	QT	3	
QB	Lãnh đạo	QT	3	
QB	Quản trị bệnh án	QT	3	
QB	Quản trị hành chính bệnh viện	QT	3	
QB	Quản trị hệ thống thông tin bệnh viện	QT	3	
QB	Quản trị rủi ro trong chăm sóc sức khỏe	QT	3	
QB	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
QB	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
SK	Hệ thống phân phối toàn cầu	DL	3	
SK	Quản trị dịch vụ giải trí	DL	3	
SK	Quản trị hiệu quả	DL	3	
SK	Quản trị nhân sự du lịch	DL	3	
SK	Quản trị sự kiện đặc biệt	DL	3	
SK	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
SK	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
SK	Tiếp thị sự kiện và giải trí	DL	3	
SK	Phương pháp nghiên cứu và tìm kiếm thông tin	DL	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
SK	Thuật doanh nghiệp	DL	3	

NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
ST	An ninh thông tin	CNTTKD	3	
ST	Công nghệ phần mềm	CNTTKD	3	
ST	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
ST	Phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	CNTTKD	3	
ST	Phát triển ứng dụng web	CNTTKD	3	
ST	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
ST	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
ST	Thiết kế giao diện	CNTTKD	3	
ST	Đảm bảo và kiểm soát chất lượng phần mềm	CNTTKD	3	

CHUYÊN NGÀNH THUẾ TRONG KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TB	Hoạch định Thuế	TCC	3	
TB	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
TB	Phân tích định lượng trong kinh doanh	TTK	3	
TB	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
TB	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
TB	Thuế Gián thu	TCC	3	
TB	Thuế Xuất - Nhập khẩu	TCC	3	
TB	Thuế thu nhập cá nhân	TCC	3	
TB	Thuế thu nhập doanh nghiệp	TCC	3	

CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TG	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
TG	Kinh tế vĩ mô ứng dụng	KT	3	
TG	Luật Thẩm định giá	LUAT	3	
TG	Phân tích tín dụng và quản trị cho vay	NH	3	
TG	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	KT	3	
TG	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
TG	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
TG	Thẩm định kinh tế các dự án đầu tư	KT	3	
TG	Phân tích tài chính	TC	3	Nhóm 1 -Đạt 3/9 TC
TG	Tâm lý học quản lý	KT	3	
TG	Thị trường tiền tệ và thị trường vốn	NH	3	
TG	Phân tích lợi ích - chi phí	KT	3	Nhóm 2 -Đạt 3/9 TC
TG	Đầu tư tài chính	TC	3	
TG	Đầu tư và tài trợ bất động sản	KT	3	

CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TK	Cơ sở dữ liệu	CNTTKD	3	
TK	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	TTK	3	
TK	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
TK	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	
TK	Phân tích dữ liệu	TTK	3	
TK	Phân tích dữ liệu đa biến	TTK	3	
TK	Phương pháp chọn mẫu	TTK	3	
TK	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
TK	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
TK	Thống kê toán	TTK	3	

NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TQ	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
TQ	Kinh tế lượng tài chính	TC	3	
TQ	Phân tích tài chính	TC	3	
TQ	Quản trị rủi ro tài chính	TC	3	
TQ	Sản phẩm phái sinh	TC	3	
TQ	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
TQ	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
TQ	Tài chính công ty đa quốc gia	TC	3	
TQ	Thị trường tài chính quốc tế	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TT	Hoạch định tài chính cá nhân	NH	3	
TT	Kinh doanh ngoại hối	NH	3	
TT	Ngân hàng đầu tư	NH	3	
TT	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	
TT	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
TT	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
TT	Định giá và phân tích chứng khoán	NH	3	
TT	Hệ thống thuế VN	TCC	3	Nhóm 1 -Đạt 9/15 TC
TT	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
TT	Quản trị học	QT	3	
TT	Tài chính Công	TCC	3	
TT	Đạo đức kinh doanh	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ THUẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TX	Hoạch định Thuế	TCC	3	
TX	Kế toán tài chính_2	KTO	3	
TX	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
TX	Kiểm toán	KTO	3	
TX	Luật quản lý Thuế	TCC	3	
TX	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
TX	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
TX	Thuế Gián thu	TCC	3	
TX	Thuế Xuất - Nhập khẩu	TCC	3	
TX	Thuế thu nhập doanh nghiệp	TCC	3	

KHÓA 44 ĐHCQ CLC (Học kỳ thứ 5)

Học lý thuyết:	**03/08/2020 - 06/12/2020**	**18**	**tuần**
Thi KTHP cuối học kỳ	**07/12/2020 - 20/12/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ cuối năm	**21/12/2020 - 03/01/2021**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	ERP (HRM)	CNTTKD	2	
AD	Lãnh đạo	QT	3	
AD	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	
AD	Quản trị chiến lược (EN)	QT	3	
AD	Quản trị kinh doanh quốc tế - EN	KDQTM	3	
AD	Quản trị nguồn nhân lực (EN)	QT	3	
AD	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
AD	Thẩm định dự án	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
FN	Quản trị rủi ro tài chính	TC	3	
FN	Sản phẩm phái sinh	TC	3	
FN	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
FN	Đầu tư tài chính (EN)	TC	3	
FN	Kiểm toán	KTO	3	Nhóm 2 -Đạt 9/15 TC
FN	Quản trị bán hàng	KDQTM	3	
FN	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	
FN	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
FN	Thuế Quốc tế	TCC	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Advanced Corporate Finance	TC	3	
FN	Derivatives	TC	3	
FN	Financial Investment	TC	3	
FN	Financial Risk Management	TC	3	
FN	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
FN	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
FN	Soft Skills (Kỹ năng mềm)	KDQTM	2	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Logistics	KDQTM	3	
FT	Managerial Accounting	KTO	3	
FT	Marketing Management	KDQTM	3	
FT	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
FT	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
FT	Soft Skills (Kỹ năng mềm)	KDQTM	2	
FT	Supply Chain Management in ERP	KDQTM	2	
FT	Global and Regional Business	KDQTM	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
FT	Legal Framework in International Trade	KDQTM	3	
FT	Creative Thinking	KDQTM	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
FT	Customer Relationship Management	KDQTM	3	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Kinh doanh quốc tế II	KDQTM	3	
IB	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	
IB	Quản trị chuỗi cung ứng P1 (EN)	KDQTM	3	
IB	Quản trị nguồn nhân lực MNCs	KDQTM	3	
IB	Quản trị xuất nhập khẩu (EN)	KDQTM	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
IB	Tiếng Anh - chuyên đề soạn thảo thư thương mại	NNKT	3	
IB	Marketing doanh nghiệp (EN)	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
IB	Marketing quốc tế (EN)	KDQTM	3	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Financial Management (Quản trị tài chính)	TC	3	
IB	Import - Export Management (Quản trị XNK)	KDQTM	3	
IB	International Financial Management (QT tài chính quốc tế)	KDQTM	3	
IB	International Logistics	KDQTM	3	
IB	International Supply Chain Management (ISCM)	KDQTM	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
IB	Supply Chain Management in ERP	KDQTM	2	

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KI	Hệ thống thông tin kế toán	KTO	3	
KI	Kế toán công	KTO	3	
KI	Kế toán quản trị II (EN)	KTO	3	
KI	Kế toán quốc tế I (EN)	KTO	3	
KI	Kế toán tài chính 3C	KTO	3	
KI	Kiểm soát nội bộ	KTO	2	
KI	Kiểm toán căn bản (EN)	KTO	3	
KI	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
KI	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	ERP (SCM)	KDQTM	2	
KM	Giao tiếp kinh doanh	KDQTM	3	
KM	Hành vi người tiêu dùng	KDQTM	3	
KM	Marketing dịch vụ	KDQTM	3	
KM	Marketing quốc tế (EN)	KDQTM	3	
KM	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	
KM	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
KM	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
KM	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	KT	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
KM	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Hệ thống thông tin kế toán	KTO	3	
KN	Kế toán quản trị II (EN)	KTO	3	
KN	Kế toán quốc tế I (EN)	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 3A	KTO	3	
KN	Kiểm toán căn bản (EN)	KTO	3	
KN	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
KN	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Chiến lược định giá	KDQTM	3	
MR	ERP (SCM)	KDQTM	2	
MR	Hành vi tổ chức	QT	3	
MR	Marketing trong kinh doanh	KDQTM	3	
MR	Quản trị chiến lược	QT	3	
MR	Quản trị kênh phân phối	KDQTM	3	
MR	Sinh hoạt lớp hk5.1	CTCT	0	
MR	Sinh hoạt lớp hk5.2	CTCT	0	
MR	Quan hệ công chúng	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
MR	Quảng cáo	KDQTM	3	

KHÓA 45 ĐHCQ (Học kỳ thứ 3)

Học lý thuyết:	**03/08/2020 - 06/12/2020**	**18**	**tuần**
Thi KTHP cuối học kỳ	**07/12/2020 - 20/12/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ cuối năm	**21/12/2020 - 03/01/2021**	**02**	**tuần**

Kế hoạch có thể thay đổi căn cứ vào thực tế xét tuyển ngành, chuyên ngành

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ VÀ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AB	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
AB	Kinh tế lượng	TTK	3	
AB	Kinh tế môi trường	KT	3	
AB	Marketing căn bản	KDQTM	3	
AB	Quản trị học	QT	3	
AB	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
AB	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
AB	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
AB	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
AB	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
AB	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
AB	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
AB	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
AB	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
AB	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
AB	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	ERP (HRM)	CNTTKD	2	
AD	Hành vi tổ chức	QT	3	
AD	Kế toán quản trị	KTO	3	
AD	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	
AD	Quản trị học	QT	3	
AD	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
AD	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
AD	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
AD	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
AD	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AE	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
AE	Kinh tế lượng	TTK	3	
AE	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
AE	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
AE	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
AE	Thị trường tiền tệ và thị trường vốn	NH	3	
AE	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
AE	Tối ưu hóa	TTK	3	
AE	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
AE	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
AE	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
AE	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
AE	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
AE	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
AE	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AS	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
AS	Nguyên lý kế toán 2	KTO	3	
AS	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
AS	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
AS	Thống kê toán	TTK	3	
AS	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
AS	Toán tài chính	TTK	3	
AS	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
AS	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	Nhóm AB1 -Đạt 3/6 TC
AS	Lập trình cơ bản	CNTTKD	3	
AS	Cơ sở dữ liệu	CNTTKD	3	Nhóm AB2 -Đạt 3/6 TC
AS	Phân tích nghiệp vụ	CNTTKD	3	
AS	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
AS	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
AS	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
AS	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
AS	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
AS	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AV	Kinh tế vĩ mô (EN)	KT	3	
AV	Kỹ năng Nghe TATM 3	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nói TATM 3	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Viết TATM 3	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Đọc TATM 3	NNKT	2	
AV	Ngữ Âm - Âm vị học	NNKT	2	
AV	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
AV	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
AV	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
AV	Dẫn luận Ngôn ngữ học	NNKT	2	Nhóm 1 -Đạt 2/6 TC
AV	Ngôn ngữ học đối chiếu	NNKT	2	
AV	Tiếng Việt thực hành	NNKT	2	
AV	Ngoại ngữ 2 P1	NNKT	3	Nhóm TCĐH: Ngoại ngữ 2; 4 môn , 16 TC
AV	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
AV	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
AV	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
AV	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
AV	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
AV	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BD	Kế toán quản trị	KTO	3	
BD	Kinh tế lượng	TTK	3	
BD	Kinh tế môi trường	KT	3	
BD	Kỹ năng soạn thảo văn bản	LUAT	2	
BD	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
BD	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
BD	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
BD	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
BD	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
BD	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
BD	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
BD	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
BD	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
BD	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
BD	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BI	Cơ sở công nghệ thông tin	CNTTKD	3	
BI	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	
BI	Quản trị học	QT	3	
BI	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
BI	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
BI	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
BI	Toán cho tin học	CNTTKD	3	
BI	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
BI	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
BI	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
BI	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
BI	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
BI	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
BI	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ BẢO HIỂM

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
BR	Hoạch định Thuế	TCC	3	
BR	Kế toán tài chính	KTO	3	
BR	Kinh tế lượng	TTK	3	
BR	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
BR	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
BR	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
BR	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
BR	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
BR	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
BR	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
BR	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
BR	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
BR	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
BR	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
BR	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
BR	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
CL	ERP (SCM)	CNTTKD	2	
CL	Hành vi tổ chức	QT	3	
CL	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	
CL	Quản trị học	QT	3	
CL	Quản trị marketing	KDQTM	3	
CL	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
CL	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
CL	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
CL	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
CL	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
CL	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
CL	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
CL	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
CL	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
CL	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
CL	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
EC	Cơ sở công nghệ thông tin	CNTTKD	3	
EC	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	
EC	Quản trị học	QT	3	
EC	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
EC	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
EC	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
EC	Toán cho tin học	CNTTKD	3	
EC	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
EC	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
EC	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
EC	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
EC	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
EC	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
EC	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
EM	Hành vi tổ chức	QT	3	
EM	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	
EM	Quản trị học	QT	3	
EM	Quản trị khởi nghiệp	QT	3	
EM	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
EM	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
EM	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
EM	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
EM	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
EM	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
EM	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
EM	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
EM	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
EM	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
EM	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
ER	Cơ sở lập trình	CNTTKD	3	
ER	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	
ER	Hệ thống thuế VN	TCC	3	
ER	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
ER	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
ER	Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức	KT	3	
ER	Tư duy hệ thống	CNTTKD	3	
ER	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
ER	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
ER	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
ER	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
ER	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
ER	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
ER	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
ER	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
ER	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FI	Hoạch định Thuế	TCC	3	
FI	Kế toán tài chính	KTO	3	
FI	Kinh tế lượng	TTK	3	
FI	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
FI	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
FI	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
FI	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
FI	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
FI	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
FI	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
FI	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
FI	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
FI	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
FI	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
FI	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
FI	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH TOÁN TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FM	Cơ sở lập trình	CNTTKD	3	
FM	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
FM	Marketing căn bản	KDQTM	3	
FM	Quản trị học	QT	3	
FM	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
FM	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
FM	Thống kê toán	TTK	3	
FM	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
FM	Toán giải tích	TTK	3	
FM	Toán tài chính	TTK	3	
FM	Tối ưu hóa	TTK	3	
FM	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
FM	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
FM	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
FM	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
FM	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
FM	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
FM	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
FM	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
FM	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
FM	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
FM	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Hoạch định Thuế	TCC	3	
FN	Kế toán tài chính	KTO	3	
FN	Kinh tế lượng	TTK	3	
FN	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
FN	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
FN	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
FN	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
FN	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
FN	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
FN	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Doanh nghiệp và Kinh doanh	KDQTM	3	
FT	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	KT	3	
FT	Khoa học quản trị	KDQTM	3	
FT	Marketing căn bản	KDQTM	3	
FT	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
FT	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
FT	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
FT	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
FT	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
FT	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
FT	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
FT	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
FT	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
FT	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
FT	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN VÀ NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
HQ	ERP (SCM SALE CRM)	CNTTKD	2	
HQ	Luật thương mại quốc tế	LUAT	3	
HQ	Nguyên lý quản lý hải quan	TCC	3	
HQ	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
HQ	Quản trị chiến lược	QT	3	
HQ	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
HQ	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
HQ	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
HQ	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
HQ	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
HQ	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
HQ	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
HQ	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
HQ	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
HQ	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
HQ	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Doanh nghiệp và Kinh doanh	KDQTM	3	
IB	Hành vi tổ chức	QT	3	
IB	Khoa học quản trị	KDQTM	3	
IB	Marketing căn bản	KDQTM	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
IB	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
IB	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
IB	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
IB	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IE	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
IE	Kinh tế lượng ứng dụng	KT	3	
IE	Kinh tế phát triển	KT	3	
IE	Marketing căn bản	KDQTM	3	
IE	Quản trị học	QT	3	
IE	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
IE	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
IE	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
IE	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
IE	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
IE	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
IE	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
IE	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
IE	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
IE	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
IE	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KC	Kinh tế lượng	TTK	3	
KC	Kinh tế phát triển	KT	3	
KC	Quản trị học	QT	3	
KC	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
KC	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
KC	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
KC	Triết học - phần CN duy vật biện chứng	LLCT	3	
KC	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
KC	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KC	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KC	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KC	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KC	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KC	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KI	Kế toán tài chính 1	KTO	3	
KI	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
KI	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
KI	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
KI	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
KI	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
KI	Marketing căn bản	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
KI	Ngân hàng thương mại	NH	3	
KI	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
KI	Phân tích dữ liệu	TTK	3	
KI	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
KI	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
KI	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	Kinh tế quốc tế	KT	3	
KM	Marketing căn bản	KDQTM	3	
KM	Quản trị chiến lược	QT	3	
KM	Quản trị học	QT	3	
KM	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
KM	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
KM	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
KM	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
KM	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KM	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KM	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KM	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KM	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KM	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán tài chính 1	KTO	3	
KN	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
KN	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
KN	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
KN	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
KN	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
KN	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
KN	Phân tích dữ liệu	TTK	3	
KN	Marketing căn bản	KDQTM	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
KN	Ngân hàng thương mại	NH	3	
KN	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
KN	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
KN	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KO	Cơ chế tài chính - kế toán trong khu vực công	KTO	3	
KO	Kế toán tài chính 1	KTO	3	
KO	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
KO	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
KO	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
KO	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
KO	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
KO	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
KO	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
KO	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KO	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KO	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KO	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KO	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KO	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KS	Khoa học quản trị	DL	3	
KS	Quản trị du lịch	DL	3	
KS	Quản trị quan hệ khách hàng	DL	3	
KS	Quản trị đám đông	DL	3	
KS	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
KS	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
KS	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
KS	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
KS	Quản trị tài chính	TC	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
KS	Thanh toán quốc tế	NH	3	
KS	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KS	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KS	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KS	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KS	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KS	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Các học thuyết pháp lý	LUAT	3	
LA	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
LA	Luật dân sự 2	LUAT	3	
LA	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
LA	Luật hình sự	LUAT	4	
LA	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
LA	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
LA	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
LA	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
LA	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
LA	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
LA	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
LA	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
LA	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
LA	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
LA	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
LA	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LH	Khoa học quản trị	DL	3	
LH	Quản trị du lịch	DL	3	
LH	Quản trị quan hệ khách hàng	DL	3	
LH	Quản trị đám đông	DL	3	
LH	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
LH	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
LH	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
LH	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
LH	Quản trị tài chính	TC	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
LH	Thanh toán quốc tế	NH	3	
LH	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
LH	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
LH	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
LH	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
LH	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
LH	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
LH	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
LH	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LQ	Các học thuyết pháp lý	LUAT	3	
LQ	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
LQ	Luật dân sự 2	LUAT	3	
LQ	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
LQ	Luật hình sự	LUAT	4	
LQ	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
LQ	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
LQ	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
LQ	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
LQ	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
LQ	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
LQ	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
LQ	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
LQ	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
LQ	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Hành vi người tiêu dùng	KDQTM	3	
MR	Marketing căn bản	KDQTM	3	
MR	Quản trị chiến lược	QT	3	
MR	Quản trị học	QT	3	
MR	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
MR	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
MR	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
MR	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
MR	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
ND	Kế toán tài chính	KTO	3	
ND	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
ND	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
ND	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
ND	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
ND	Thị trường tiền tệ và thị trường vốn	NH	3	
ND	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
ND	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
ND	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
ND	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
ND	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
ND	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
ND	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
ND	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
ND	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NH	Marketing căn bản	KDQTM	3	
NH	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
NH	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
NH	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
NH	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
NH	Thị trường tiền tệ và thị trường vốn	NH	3	
NH	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
NH	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
NH	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
NH	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
NH	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
NH	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
NH	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
NH	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NS	Dân số và phát triển	KT	2	
NS	ERP (HRM)	CNTTKD	2	
NS	Kinh tế lượng	TTK	3	
NS	Quản trị học	QT	3	
NS	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
NS	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
NS	Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức	KT	3	
NS	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
NS	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
NS	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
NS	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
NS	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
NS	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
NS	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
NS	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
NS	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
PF	Kinh tế lượng	TTK	3	
PF	Luật hành chính	LUAT	3	
PF	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
PF	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
PF	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
PF	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
PF	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
PF	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 3 môn , 16 TC
PF	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
PF	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
PF	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
PF	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
PF	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
PF	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
PM	Kế toán công	KTO	3	
PM	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
PM	Luật và chính sách công	LUAT	3	
PM	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
PM	Quản trị các tổ chức công	QLNN	3	
PM	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
PM	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
PM	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
PM	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
PM	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
PM	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
PM	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
PM	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
PM	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
PM	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QB	Dịch tễ học	QT	3	
QB	Phương pháp nghiên cứu trong y khoa	QT	3	
QB	Quản trị học	QT	3	
QB	Quản trị điều hành bệnh viện	QT	3	
QB	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
QB	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
QB	Tiếng Anh trong y khoa P3	QT	3	
QB	Tư duy phân tích	QT	3	
QB	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
QB	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
QB	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
QB	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
QB	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
QB	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
QB	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
SK	Khoa học quản trị	DL	3	
SK	Quản trị du lịch	DL	3	
SK	Quản trị quan hệ khách hàng	DL	3	
SK	Quản trị đám đông	DL	3	
SK	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
SK	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
SK	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
SK	Quản trị tài chính	TC	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
SK	Thanh toán quốc tế	NH	3	
SK	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
SK	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
SK	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
SK	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
SK	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
SK	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
SK	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
SK	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
ST	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	CNTTKD	3	
ST	Cơ sở lập trình	CNTTKD	3	
ST	Mạng máy tính	CNTTKD	3	
ST	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
ST	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
ST	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
ST	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
ST	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
ST	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
ST	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
ST	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
ST	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
ST	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH THUẾ TRONG KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TB	Kế toán tài chính_1	KTO	3	
TB	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
TB	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
TB	Quản trị chiến lược	QT	3	
TB	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
TB	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
TB	Tài chính Công	TCC	3	
TB	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
TB	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
TB	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
TB	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
TB	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
TB	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
TB	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
TB	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
TB	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TG	Kinh tế lượng	TTK	3	
TG	Marketing căn bản	KDQTM	3	
TG	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
TG	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
TG	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
TG	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
TG	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
TG	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
TG	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
TG	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
TG	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
TG	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
TG	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
TG	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TK	Kinh tế phát triển	KT	3	
TK	Marketing căn bản	KDQTM	3	
TK	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
TK	Quản trị học	QT	3	
TK	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
TK	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
TK	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD II	TTK	3	
TK	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
TK	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
TK	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
TK	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
TK	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
TK	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
TK	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
TK	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TQ	Hoạch định Thuế	TCC	3	
TQ	Kế toán tài chính	KTO	3	
TQ	Kinh tế lượng	TTK	3	
TQ	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
TQ	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
TQ	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
TQ	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
TQ	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
TQ	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
TQ	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
TQ	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
TQ	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
TQ	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
TQ	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
TQ	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
TQ	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TT	Khoa học dữ liệu	CNTTKD	2	
TT	Marketing căn bản	KDQTM	3	
TT	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
TT	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
TT	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
TT	Thị trường tiền tệ và thị trường vốn	NH	3	
TT	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
TT	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
TT	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
TT	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
TT	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
TT	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
TT	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
TT	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
TT	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ THUẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TX	Kinh tế lượng	TTK	3	
TX	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
TX	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
TX	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
TX	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
TX	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
TX	Tiếng Anh P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Anh van; 4 môn , 16 TC
TX	Tiếng Pháp P3	NNKT	4	Nhóm TCĐH: Phap van; 4 môn , 16 TC
TX	GDTC2 - Bóng bàn NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
TX	GDTC2 - Bóng chuyền NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
TX	GDTC2 - Bóng đá NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
TX	GDTC2 - Bóng rổ NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
TX	GDTC2 - Cầu lông NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
TX	GDTC2 - Võ thuật NC	GDTC	2	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

KHÓA 45 ĐHCQ CLC (Học kỳ thứ 3)

Học lý thuyết:	**03/08/2020 - 06/12/2020**	**18**	**tuần**
Thi KTHP cuối học kỳ	**07/12/2020 - 20/12/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ cuối năm	**21/12/2020 - 03/01/2021**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Hành vi tổ chức	QT	3	
AD	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
AD	Phân tích định lượng trong quản trị	QT	3	
AD	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	
AD	Quản trị điều hành (EN)	QT	3	
AD	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
AD	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
AD	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
AD	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	English for Management Part 3	NNKT	6	
AD	History of Communist Party of Vietnam	LLCT	2	
AD	Operation Management	QT	3	
AD	Organizational Behavior	QT	3	
AD	Quality Management	QT	3	
AD	Research Methods in Management	QT	3	
AD	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
AD	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
AD	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Kinh tế lượng	TTK	3	
FN	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
FN	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
FN	Tài chính doanh nghiệp (EN)	TC	3	
FN	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
FN	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
FN	Kế toán tài chính	KTO	3	Nhóm 1 -Đạt 9/15 TC
FN	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
FN	Ngân hàng quốc tế	NH	3	
FN	Ngân hàng thương mại	NH	3	
FN	Ngân hàng đầu tư	NH	3	
FN	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Corporate Finance	TC	3	
FN	Econometrics	TTK	3	
FN	English for Finance Part 3	NNKT	6	
FN	Financial Econometrics	TC	3	
FN	History of Communist Party of Vietnam	LLCT	2	
FN	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
FN	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
FN	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Doanh nghiệp và Kinh doanh	KDQTM	3	
IB	Khoa học quản trị (EN)	KDQTM	3	
IB	Kỹ năng mềm	KDQTM	2	
IB	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
IB	Quản trị tài chính	TC	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
IB	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
IB	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
IB	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	English for International Business Part 3	NNKT	6	
IB	History of Communist Party of Vietnam	LLCT	2	
IB	Information System Management	CNTTKD	3	
IB	International Business (Kinh doanh quốc tế)	KDQTM	4	
IB	International Human Resource Management (QTNS quốc tế)	KDQTM	3	
IB	Introduction to Management Science (Khoa học quản trị)	KDQTM	3	
IB	Managerial Accounting	KTO	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
IB	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
IB	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KI	Kế toán tài chính 1 (EN)	KTO	3	
KI	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
KI	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
KI	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
KI	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
KI	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
KI	Quản trị học	QT	3	Nhóm 1 -Đạt 6/9 TC
KI	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
KI	Tài chính định lượng	TC	3	
KI	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
KI	Phân tích dữ liệu	TTK	3	
KI	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KI	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	
KM	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	
KM	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	
KM	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	
KM	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	
KM	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	
KM	Kinh tế quốc tế	KT	3	
KM	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
KM	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	
KM	Quản trị tài chính	TC	3	
KM	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
KM	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
KM	Thống kê ứng dụng trong Kté và KD	TTK	3	
KM	Tiếng Anh P3	NNKT	4	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán tài chính 1 (EN)	KTO	3	
KN	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
KN	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
KN	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
KN	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
KN	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
KN	Quản trị học	QT	3	Nhóm 1 -Đạt 6/9 TC
KN	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
KN	Tài chính định lượng	TC	3	
KN	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
KN	Phân tích dữ liệu	TTK	3	
KN	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
KN	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Các học thuyết pháp lý	LUAT	3	
LA	Kinh tế vĩ mô	KT	3	
LA	Luật dân sự 2	LUAT	3	
LA	Luật doanh nghiệp (EN)	LUAT	3	
LA	Luật hình sự	LUAT	3	
LA	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
LA	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
LA	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	NNKT	4	
LA	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
LA	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
LA	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
LA	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
LA	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
LA	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
LA	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Hành vi người tiêu dùng (EN)	KDQTM	3	
MR	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT	2	
MR	Nguyên lý kế toán	KTO	3	
MR	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
MR	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
MR	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
MR	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
MR	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
MR	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NH	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
NH	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
NH	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
NH	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
NH	Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD	TTK	3	
NH	Thị trường tiền tệ và thị trường vốn (EN)	NH	3	
NH	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
NH	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
NH	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
NH	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
NH	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
NH	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
NH	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
NH	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TG	Kinh tế lượng	TTK	3	
TG	Kinh tế vĩ mô -(EN)	KT	3	
TG	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
TG	Sinh hoạt lớp hk3.1	CTCT	0	
TG	Sinh hoạt lớp hk3.2	CTCT	0	
TG	Tiếng Anh P3	NNKT	4	
TG	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	
TG	GDTC1 - Bóng bàn CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 1; 2 môn , 3 TC
TG	GDTC1 - Bóng chuyền CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 2; 2 môn , 3 TC
TG	GDTC1 - Bóng đá CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 3; 2 môn , 3 TC
TG	GDTC1 - Bóng rổ CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 4; 2 môn , 3 TC
TG	GDTC1 - Cầu lông CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 5; 2 môn , 3 TC
TG	GDTC1 - Võ thuật CB	GDTC	1	Nhóm TCĐH: Thể dục 6; 2 môn , 3 TC

KHÓA 46 ĐHCQ (Học kỳ thứ 1)

(Kế hoạch đào tạo sẽ điều chỉnh căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh của UEH)

CÁC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH HỌC CHUNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
DC	Kinh tế vi mô	KT	3	
DC	Luật kinh doanh	LUAT	3	
DC	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
DC	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
DC	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
DC	Tiếng Anh sơ cấp tăng cường	NNQTH	6	
DC	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	
DC	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AV	Kỹ năng Nghe TATM 1	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nói TATM 1	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Viết TATM 1	NNKT	2	
AV	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Đọc TATM 1	NNKT	2	
AV	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
AV	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
AV	Tin học trong kinh doanh	CNTTKD	2	
AV	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

NGÀNH LUẬT

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LU	Luật hiến pháp	LUAT	2	
LU	Nhập môn luật học	LUAT	3	
LU	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
LU	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
LU	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
LU	Tiếng Anh sơ cấp tăng cường	NNQTH	6	
LU	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	
LU	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
PM	Kinh tế vi mô	KT	3	
PM	Luật hành chính	LUAT	3	
PM	Marketing căn bản	KDQTM	3	
PM	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
PM	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
PM	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
PM	Tiếng Anh sơ cấp tăng cường	NNQTH	6	
PM	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QB	Kinh tế học trong chăm sóc sức khỏe	QT	3	
QB	Pháp luật về chăm sóc sức khỏe	QT	3	
QB	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
QB	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
QB	Tiếng Anh sơ cấp tăng cường	NNQTH	6	
QB	Tiếng Anh trong y khoa P1	QT	3	
QB	Toán ứng dụng trong y khoa	TTK	3	
QB	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

NGÀNH TOÁN KINH TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TO	Giải tích 1	TTK	3	
TO	Kinh tế vi mô	KT	3	
TO	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
TO	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
TO	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
TO	Tiếng Anh sơ cấp tăng cường	NNQTH	6	
TO	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	
TO	Đại số tuyến tính	TTK	3	

KHÓA 45 ĐHCQ CLC (Học kỳ thứ 1)

(Kế hoạch đào tạo sẽ điều chỉnh căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh của UEH)

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Kinh tế vi mô	KT	3	
AD	Quản trị học	QT	3	
AD	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
AD	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
AD	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	
AD	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	English for Management Part 1	NNKT	6	
AD	Management	QT	3	
AD	Marxist Leninist Philosophy	LLCT	3	
AD	Mathematics for Economics and Management	TTK	3	
AD	Micro - Economics (Kinh tế vi mô)	KT	3	
AD	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
AD	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Kinh tế vi mô	KT	3	
FN	Quản trị học	QT	3	
FN	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
FN	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
FN	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	
FN	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Business Law	LUAT	3	
FN	English for Finance Part 1	NNKT	6	
FN	Marxist Leninist Philosophy	LLCT	3	
FN	Mathematics for Economics and Management	TTK	3	
FN	Micro - Economics (Kinh tế vi mô)	KT	3	
FN	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
FN	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Kinh tế vi mô	KT	3	
IB	Marketing căn bản (EN)	KDQTM	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
IB	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
IB	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	
IB	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ (TA)

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Business and Enterprise (Doanh nghiệp và Kinh doanh)	KDQTM	3	
IB	English for International Business Part 1	NNKT	6	
IB	Marxist Leninist Philosophy	LLCT	3	
IB	Mathematics for Economics and Management	TTK	3	
IB	Micro - Economics (Kinh tế vi mô)	KT	3	
IB	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
IB	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KI	Kinh tế vi mô	KT	3	
KI	Luật kinh doanh	LUAT	3	
KI	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
KI	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
KI	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
KI	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	
KI	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	Kinh tế vi mô	KT	3	
KM	Quản trị học	QT	3	
KM	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
KM	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
KM	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
KM	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	
KM	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kinh tế vi mô	KT	3	
KN	Luật kinh doanh	LUAT	3	
KN	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
KN	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
KN	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
KN	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	
KN	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Luật hiến pháp	LUAT	2	
LA	Nhập môn luật học	LUAT	3	
LA	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
LA	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
LA	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	NNKT	4	
LA	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	
LA	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Kinh tế vi mô	KT	3	
MR	Quản trị học	QT	3	
MR	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
MR	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
MR	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
MR	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	
MR	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NH	Kinh tế vi mô	KT	3	
NH	Marketing căn bản	KDQTM	3	
NH	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
NH	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
NH	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
NH	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	
NH	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TG	Luật kinh doanh	LUAT	3	
TG	Marketing căn bản	KDQTM	3	
TG	Sinh hoạt lớp hk1.1	CTCT	0	
TG	Sinh hoạt lớp hk1.2	CTCT	0	
TG	Tiếng Anh P1	NNKT	4	
TG	Toán dành cho kinh tế và quản trị	TTK	3	
TG	Triết học Mác LêNin	LLCT	3	

KHÓA 21.1 VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY (Học kỳ thứ 5)

Học lý thuyết:	**03/08/2020 - 06/12/2020**	**18**	**tuần**
Thi KTHP cuối học kỳ	**07/12/2020 - 20/12/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ cuối năm	**21/12/2020 - 03/01/2021**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	
AD	Lãnh đạo	QT	3	
AD	Quản trị sự thay đổi	QT	3	
AD	Quản trị mối quan hệ lao động	QT	3	Nhóm TCĐH: QTNNL; 4 môn , 6 TC
AD	Quản trị thù lao lao động	QT	3	
AD	Tuyển dụng và đào tạo	QT	3	
AD	Đánh giá thực hiện công việc	QT	3	
AD	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	QT	3	Nhóm TCĐH: Quản trị gia; 4 môn , 6 TC
AD	Tư duy kinh doanh	QT	3	
AD	Đạo đức kinh doanh	QT	3	
AD	Đàm phán trong quản trị	QT	3	
AD	Hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean)	QT	3	Nhóm TCĐH: Điều hành, sản xuất; 4 môn , 6 TC
AD	Quản trị chất lượng dịch vụ	QT	3	
AD	Quản trị dự án	QT	3	
AD	Tái cấu trúc quy trình kinh doanh (BPR)	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán quốc tế 2	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 4A	KTO	3	
KN	Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS	KTO	3	
KN	Hệ thống thuế VN	TCC	3	Nhóm 1 -Đạt 9/21 TC
KN	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
KN	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
KN	Phân tích dữ liệu	TTK	3	
KN	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
KN	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
KN	Thanh toán quốc tế	NH	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Kỹ năng soạn thảo văn bản	LUAT	2	
LA	Luật cạnh tranh	LUAT	2	
LA	Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính	LUAT	3	
LA	Luật thương mại quốc tế 1	LUAT	3	
LA	Kỹ năng hành nghề luật sư	LUAT	2	Nhóm 1 -Đạt 4/10 TC
LA	Luật môi trường	LUAT	2	
LA	Luật thương mại quốc tế 2	LUAT	2	
LA	Luật trọng tài thương mại	LUAT	2	
LA	Luật đầu tư	LUAT	2	

KHÓA 21.2 VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY (Học kỳ thứ 4)

Học lý thuyết:	**03/08/2020 - 06/12/2020**	**18**	**tuần**
Thi KTHP cuối học kỳ	**07/12/2020 - 20/12/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ cuối năm	**21/12/2020 - 03/01/2021**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	QT	3	
AD	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	
AD	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
AD	Thẩm định dự án	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Quản trị rủi ro tài chính	TC	3	
FN	Tài chính định lượng	TC	3	
FN	Định giá doanh nghiệp	TC	3	Nhóm TCĐH: Nhóm A; 4 môn , 12 TC
FN	Điều hành CTCP đại chúng	TC	3	
FN	Tài chính hành vi	TC	3	
FN	Thị trường tài chính quốc tế	TC	3	
FN	Phân tích kỹ thuật	TC	3	Nhóm TCĐH: Nhóm B; 4 môn , 12 TC
FN	Tài chính công ty đa quốc gia	TC	3	
FN	Thị trường tài chính quốc tế	TC	3	
FN	Điều hành CTCP đại chúng	TC	3	
FN	Hợp nhất, sáp nhập và cấu trúc doanh nghiệp	TC	3	Nhóm TCĐH: Nhóm C; 4 môn , 12 TC
FN	Quản lý danh mục đầu tư	TC	3	
FN	Tài chính hành vi	TC	3	
FN	Đầu tư bất động sản	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Marketing quốc tế	KDQTM	3	
FT	Quản trị xuất nhập khẩu	KDQTM	3	
FT	Thông lệ trong thương mại quốc tế	KDQTM	3	
FT	Kế toán quản trị	KTO	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
FT	Marketing trong kinh doanh	KDQTM	3	
FT	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
FT	Marketing kỹ thuật số (IB,FT)	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán quốc tế 1	KTO	3	
KN	Kiểm toán 2	KTO	3	
KN	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	
KN	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	KTO	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Công pháp quốc tế	LUAT	2	
LA	Luật học so sánh	LUAT	2	
LA	Luật sở hữu trí tuệ	LUAT	2	
LA	Luật tố tụng hình sự	LUAT	2	
LA	Luật đất đai	LUAT	2	
LA	Tư pháp quốc tế	LUAT	3	

KHÓA 22.1 VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY (Học kỳ thứ 3)

Học lý thuyết:	**03/08/2020 - 06/12/2020**	**18**	**tuần**
Thi KTHP cuối học kỳ	**07/12/2020 - 20/12/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ cuối năm	**21/12/2020 - 03/01/2021**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Hành vi tổ chức	QT	3	
AD	Phân tích định lượng trong quản trị	QT	3	
AD	Quản trị chất lượng	QT	3	
AD	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AV	Kỹ năng Nghe TATM 5	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nói TATM 5	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Viết TATM 5	NNKT	2	
AV	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Đọc TATM 5	NNKT	2	
AV	Văn hóa Anh - Mỹ	NNKT	2	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Phân tích tài chính	TC	3	
FN	Sản phẩm phái sinh	TC	3	
FN	Đầu tư tài chính	TC	3	
FN	Hoạch định Thuế	TCC	3	Nhóm 1 -Đạt 9/21 TC
FN	Kế toán tài chính	KTO	3	
FN	Kiểm toán	KTO	3	
FN	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
FN	Marketing căn bản	KDQTM	3	
FN	Ngân hàng thương mại	NH	3	
FN	Thuế Quốc tế	TCC	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Logistics quốc tế	KDQTM	3	
FT	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	
FT	Tài chính quốc tế	TC	3	
FT	Thương mại quốc tế	KDQTM	3	
FT	Dự án kinh doanh quốc tế	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
FT	Quản trị marketing	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán công	KTO	3	
KN	Kế toán quản trị 2	KTO	3	
KN	Kiểm toán 1	KTO	3	
KN	Thực hành hệ thống thông tin kế toán	KTO	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
LA	Luật hình sự	LUAT	4	
LA	Luật lao động	LUAT	3	
LA	Luật thương mại	LUAT	3	

CHUYÊN NGÀNH MARKETING

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MR	Marketing dịch vụ	KDQTM	3	
MR	Marketing trong kinh doanh	KDQTM	3	
MR	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	
MR	Quản trị thương hiệu	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NS	Hành vi tổ chức ứng dụng và QLNNL	KT	3	
NS	Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực	KT	3	
NS	Thẩm định kinh tế các dự án đầu tư	KT	3	
NS	Tiền lương và phúc lợi	KT	3	

KHÓA 22.2 VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY (Học kỳ thứ 2)

Học lý thuyết:	**03/08/2020 - 06/12/2020**	**18**	**tuần**
Thi KTHP cuối học kỳ	**07/12/2020 - 20/12/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ cuối năm	**21/12/2020 - 03/01/2021**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	
AD	Quản trị học	QT	3	
AD	Quản trị tài chính	TC	3	
AD	Quản trị điều hành	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Kinh tế lượng	TTK	3	
FN	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
FN	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	TC	3	
FN	Tài chính quốc tế	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Doanh nghiệp và Kinh doanh	KDQTM	3	
FT	Khoa học quản trị	KDQTM	3	
FT	Kinh doanh quốc tế 1	KDQTM	3	
FT	Marketing căn bản	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Hệ thống thông tin kế toán	KTO	3	
KN	Kế toán quản trị 1	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 1	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 2A	KTO	3	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Logic học pháp lý	LUAT	2	
LA	Luật dân sự 1	LUAT	3	
LA	Luật dân sự 2	LUAT	3	
LA	Luật hành chính	LUAT	3	
LA	Luật hiến pháp	LUAT	2	

KHÓA 24.1 HỆ LIÊN THÔNG ĐHCQ (Học kỳ 3)

Học lý thuyết:	**03/08/2020 - 06/12/2020**	**18**	**tuần**
Thi KTHP cuối học kỳ	**07/12/2020 - 20/12/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ cuối năm	**21/12/2020 - 03/01/2021**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	
AD	Lãnh đạo	QT	3	
AD	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	
AD	Quản trị mối quan hệ lao động	QT	3	Nhóm TCĐH: Quản trị NNL; 4 môn , 6 TC
AD	Quản trị thù lao lao động	QT	3	
AD	Tuyển dụng và đào tạo	QT	3	
AD	Đánh giá thực hiện công việc	QT	3	
AD	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	QT	3	Nhóm TCĐH: Quản trị gia; 4 môn , 6 TC
AD	Tư duy kinh doanh	QT	3	
AD	Đạo đức kinh doanh	QT	3	
AD	Đàm phán trong quản trị	QT	3	
AD	Hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean)	QT	3	Nhóm TCĐH: Quản trị điều hành sản xuất; 4 môn , 6 TC
AD	Quản trị chất lượng dịch vụ	QT	3	
AD	Quản trị dự án	QT	3	
AD	Tái cấu trúc quy trình kinh doanh (BPR)	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Thông lệ trong thương mại quốc tế	KDQTM	3	
FT	Dự án kinh doanh quốc tế	KDQTM	3	Nhóm 1 -Đạt 3/6 TC
FT	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	
FT	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	Nhóm 2 -Đạt 3/6 TC
FT	Tài chính quốc tế	TC	3	
FT	Hệ thống thông tin quản lý	CNTTKD	3	Nhóm 3 -Đạt 3/6 TC
FT	Marketing kỹ thuật số	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán công	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 4A	KTO	3	
KN	Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS	KTO	3	
KN	Phân tích báo cáo tài chính	KTO	3	
KN	Hệ thống thuế VN	TCC	3	Nhóm 1 -Đạt 3/9 TC
KN	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
KN	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	

KHÓA 24.2 HỆ LIÊN THÔNG ĐHCQ (Học kỳ 2)

Học lý thuyết:	**03/08/2020 - 06/12/2020**	**18**	**tuần**
Thi KTHP cuối học kỳ	**07/12/2020 - 20/12/2020**	**02**	**tuần**
Nghỉ cuối năm	**21/12/2020 - 03/01/2021**	**02**	**tuần**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Lãnh đạo	QT	3	
AD	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	
AD	Quản trị chiến lược	QT	3	
AD	Quản trị tài chính	TC	3	

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AV	Kỹ năng Nghe TATM 5	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Nói TATM 5	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Viết TATM 5	NNKT	2	
AV	Kỹ năng Đọc TATM 5	NNKT	2	
AV	Ngữ nghĩa học	NNKT	2	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Phân tích tài chính	TC	3	
FN	Quản trị rủi ro tài chính	TC	3	
FN	Hoạch định Thuế	TCC	3	Nhóm 1 -Đạt 6/21 TC
FN	Kế toán tài chính	KTO	3	
FN	Kiểm toán	KTO	3	
FN	Luật doanh nghiệp	LUAT	3	
FN	Marketing căn bản	KDQTM	3	
FN	Ngân hàng thương mại	NH	3	
FN	Thuế Quốc tế	TCC	3	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FT	Marketing quốc tế	KDQTM	3	
FT	Quản trị xuất nhập khẩu	KDQTM	3	
FT	Thông lệ trong thương mại quốc tế	KDQTM	3	
FT	Thương mại quốc tế	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH C.NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán công	KTO	3	
KN	Kế toán quản trị 2	KTO	3	
KN	Kế toán quốc tế 1	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính 3A	KTO	3	

BẬC ĐẠI HỌC – HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2020

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KDQT	Dự án kinh doanh	KDQTM	3	K2017 TP3 [KDQT]
KDQT	Giao tiếp kinh doanh	KDQTM	3	K2017 TP3 [KDQT]
KDQT	Hành vi người tiêu dùng	KDQTM	3	K2017 TP3 [KDQT]
KDQT	Quản trị nhân sự MNC's	KDQTM	3	K2017 TP3 [KDQT]
KDQT	Quản trị tài chính đa quốc gia	KDQTM	3	K2017 TP3 [KDQT]
KDQT	Quản trị marketing	KDQTM	3	K2017 TP3 [KDQT], K2018 TP1 [Quản trị 2], K2019 VB2/TP4 [Quản trị]
KDQT	Kế toán quản trị	KTO	3	K2018 TP2 [KDQT], K2018 TP4 [KDQT], K2019 TP1 [KDQT], K2019 VB2/TP2 [KDQT]
KDQT	Khoa học quản trị	KDQTM	3	K2018 TP2 [KDQT], K2018 TP4 [KDQT], K2019 TP1 [KDQT]
KDQT	Quản trị chuỗi cung ứng 1	KDQTM	3	K2018 TP2 [KDQT], K2018 TP4 [KDQT], K2019 TP1 [KDQT], K2019 VB2/TP2 [KDQT]
KDQT	Quản trị chuỗi cung ứng 2	KDQTM	3	K2018 TP2 [KDQT], K2018 TP4 [KDQT], K2019 TP1 [KDQT], K2019 VB2/TP2 [KDQT]
KDQT	Quản trị tài chính đa quốc gia	KDQTM	3	K2018 TP2 [KDQT], K2018 TP4 [KDQT], K2019 TP1 [KDQT], K2019 VB2/TP2 [KDQT]
KDQT	Doanh nghiệp và kinh doanh	KDQTM	3	K2019 TP2 [KDQT], K2019 TP3 [KDQT], K2019 VB2/TP4 [KDQT]
KDQT	Kinh doanh quốc tế 1	KDQTM	3	K2019 TP2 [KDQT], K2019 TP3 [KDQT], K2019 VB2/TP4 [KDQT]
KDQT	Kinh doanh quốc tế 2	KDQTM	3	K2019 TP2 [KDQT], K2019 TP3 [KDQT], K2019 VB2/TP4 [KDQT]
KDQT	Marketing căn bản	KDQTM	3	K2019 TP1 [KDQT], K2019 TP2 [KTDN], K2019 TP2 [KDQT], K2019 TP3 [KTDN], K2019 TP3 [KDQT], K2019 VB2
KDQT	Kinh tế vi mô	KTPT	3	K2019 LTTC/TP4 [KDQT], K2019 TP4 [KDQT]
KDQT	Kinh tế vĩ mô	KTPT	3	K2019 LTTC/TP4 [KDQT], K2019 TP4 [KDQT]
KDQT	Luật kinh doanh	LUAT	3	K2019 LTTC/TP4 [KDQT], K2019 TP4 [KDQT]
KDQT	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh và kinh tế	KTTK	3	K2019 LTTC/TP4 [KDQT], K2019 TP4 [KDQT]
KDQT	Toán dành cho kinh tế và quản trị	KTTK	3	K2019 LTTC/TP4 [KDQT], K2019 TP4 [KDQT]
KDQT	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	LLCT	3	K2019 LTTC/TP4 [KDQT], K2019 TP4 [KDQT]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 2)	KTO	3	K2017 TP1 [Kế toán DN], K2017 TP2 [KTDN], K2018 VB2/TP2 [KTDN]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 3)	KTO	3	K2017 TP1 [Kế toán DN], K2017 TP2 [KTDN]
KTDN	Kế toán Mỹ	KTO	3	K2017 TP3 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Kế toán quốc tế	KTO	3	K2017 TP3 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Kế toán quốc tế	KTO	3	K2017 Đồng Tháp 3 [KTDN]
KTDN	Kiểm toán	KTO	3	K2017 TP3 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	NH	3	K2017 TP3 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	NH	3	K2017 Đồng Tháp 3 [KTDN]
KTDN	Phân tích hoạt động kinh doanh	KTO	3	K2017 TP3 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Phân tích hoạt động kinh doanh	KTO	3	K2017 Đồng Tháp 3 [KTDN]
KTDN	Quản trị doanh nghiệp	QT	3	K2017 Đồng Tháp 3 [KTDN]
KTDN	Quản trị tài chính	TC	3	K2017 Đồng Tháp 3 [KTDN]
KTDN	Thanh toán quốc tế	NH	3	K2017 Đồng Tháp 3 [KTDN]
KTDN	Thuế	TCC	3	K2017 TP3 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Thuế	TCC	3	K2017 Đồng Tháp 3 [KTDN]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 2)	KTO	3	K2018 LTTC/TP1 [KTDN], K2018 LTTC/TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 3)	KTO	2	K2018 LTTC/TP1 [KTDN], K2018 LTTC/TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 3)	KTO	2	K2018 LTTC/Vĩnh Long 1 [KTDN]
KTDN	Marketing căn bản	KDQTM	2	K2018 LTTC/TP1 [KTDN], K2018 LTTC/TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	NH	2	K2018 LTTC/TP1 [KTDN], K2018 LTTC/TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	NH	2	K2018 LTTC/Vĩnh Long 1 [KTDN]
KTDN	Phân tích hoạt động kinh doanh	KTO	2	K2018 LTTC/Vĩnh Long 1 [KTDN]
KTDN	Quản trị tài chính	TC	2	K2018 LTTC/TP1 [KTDN], K2018 LTTC/TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Quản trị tài chính	TC	2	K2018 LTTC/Vĩnh Long 1 [KTDN]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 1)	KTO	3	K2018 LTTC/TP2 [KTDN], K2018 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 2)	KTO	3	K2018 LTTC/TP2 [KTDN], K2018 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 3)	KTO	2	K2018 LTTC/TP2 [KTDN], K2018 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Kế toán Mỹ	KTO	2	K2018 LTTC/TP2 [KTDN], K2018 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Kế toán hành chính sự nghiệp	KTO	3	K2018 LTTC/TP2 [KTDN], K2018 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Kiểm toán	KTO	3	K2018 LTTC/TP2 [KTDN], K2018 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 3)	KTO	3	K2018 Vĩnh Long 1 [KTDN]
KTDN	Kế toán quốc tế	KTO	3	K2018 Vĩnh Long 1 [KTDN]
KTDN	Phân tích hoạt động kinh doanh	KTO	3	K2018 Vĩnh Long 1 [KTDN]
KTDN	Quản trị doanh nghiệp	QT	3	K2018 Vĩnh Long 1 [KTDN]
KTDN	Quản trị tài chính	TC	3	K2018 Vĩnh Long 1 [KTDN]
KTDN	Thanh toán quốc tế	NH	3	K2018 Vĩnh Long 1 [KTDN]
KTDN	Kế toán Mỹ	KTO	3	K2018 TP2 [KTDN], K2018 TP4 [KTDN], K2019 TP1 [KTDN]
KTDN	Kế toán chi phí	KTO	3	K2018 TP2 [KTDN], K2018 TP4 [KTDN], K2019 TP1 [KTDN]
KTDN	Kế toán hành chính sự nghiệp	KTO	3	K2018 TP2 [KTDN], K2018 TP4 [KTDN], K2019 TP1 [KTDN]
KTDN	Kế toán quản trị	KTO	4	K2018 TP2 [KTDN], K2018 TP4 [KTDN], K2019 TP1 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính III	KTO	3	K2018 TP2 [KTDN], K2018 TP4 [KTDN], K2019 TP1 [KTDN]
KTDN	Kế toán hành chính sự nghiệp	KTO	2	K2019 LTCĐ/TP2 [KTDN], K2019 LTCĐ/TP3 [KTDN]
KTDN	Kiểm toán	KTO	3	K2019 LTCĐ/TP2 [KTDN], K2019 LTCĐ/TP3 [KTDN]
KTDN	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	NH	2	K2019 LTCĐ/TP2 [KTDN], K2019 LTCĐ/TP3 [KTDN]
KTDN	Thuế	TCC	2	K2019 LTCĐ/TP2 [KTDN], K2019 LTCĐ/TP3 [KTDN]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán	KTO	3	K2019 LTCĐ/TP4 [KTDN]
KTDN	Kế toán chi phí	KTO	3	K2019 LTCĐ/TP4 [KTDN]
KTDN	Kế toán hành chính sự nghiệp	KTO	2	K2019 LTCĐ/TP4 [KTDN]
KTDN	Kế toán quản trị	KTO	3	K2019 LTCĐ/TP4 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính I	KTO	3	K2019 LTCĐ/TP4 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính II	KTO	3	K2019 LTCĐ/TP4 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính I	KTO	3	K2019 LTTC/TP2 [KTDN], K2019 LTTC/TP3 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính II	KTO	3	K2019 LTTC/TP2 [KTDN], K2019 LTTC/TP3 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính III	KTO	3	K2019 LTTC/TP2 [KTDN], K2019 LTTC/TP3 [KTDN]
KTDN	Luật kinh doanh	LUAT	3	K2019 LTTC/TP2 [KTDN], K2019 LTTC/TP3 [KTDN]
KTDN	Marketing căn bản	KDQTM	2	K2019 LTTC/TP2 [KTDN], K2019 LTTC/TP3 [KTDN]
KTDN	Nguyên lý kế toán	KTO	3	K2019 LTTC/TP2 [KTDN], K2019 LTTC/TP3 [KTDN]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 1)	KTO	3	K2019 VB2/TP2 [KTDN]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 2)	KTO	3	K2019 VB2/TP2 [KTDN]
KTDN	Kế toán hành chính sự nghiệp	KTO	2	K2019 VB2/TP2 [KTDN]
KTDN	Kế toán quản trị	KTO	4	K2019 VB2/TP2 [KTDN]
KTDN	Kiểm toán	KTO	4	K2019 VB2/TP2 [KTDN]
KTDN	Thanh toán quốc tế	NH	2	K2018 VB2/TP2 [KTDN], K2019 VB2/TP2 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính I	KTO	4	K2019 TP2 [KTDN], K2019 TP3 [KTDN]
KTDN	Luật kinh doanh	LUAT	3	K2019 TP2 [KTDN], K2019 TP2 [KDQT], K2019 TP3 [KTDN], K2019 TP3 [KDQT], K2019 VB2/TP4 [KDQT]
KTDN	Lý thuyết tài chính tiền tệ	TCC	3	K2019 TP2 [KTDN], K2019 TP3 [KTDN]
KTDN	Nguyên lý kế toán	KTO	3	K2019 TP2 [KTDN], K2019 TP2 [KDQT], K2019 TP3 [KTDN], K2019 TP3 [KDQT], K2019 VB2/TP4 [KDQT]
KTDN	Quản trị học	QT	3	K2019 TP2 [KTDN], K2019 TP3 [KTDN]
KTDN	Kinh tế vi mô	KTPT	3	K2019 LTTC/TP4 [KTDN], K2019 TP4 [KTDN]
KTDN	Kinh tế vĩ mô	KTPT	3	K2019 LTTC/TP4 [KTDN], K2019 TP4 [KTDN]
KTDN	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh và kinh tế	KTTK	3	K2019 LTTC/TP4 [KTDN], K2019 TP4 [KTDN]
KTDN	Toán dành cho kinh tế và quản trị	KTTK	3	K2019 LTTC/TP4 [KTDN], K2019 TP4 [KTDN]
KTDN	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	LLCT	3	K2019 LTTC/TP4 [KTDN], K2019 TP4 [KTDN]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LDP	Công pháp quốc tế	LUAT	3	K2016 HVCB3 [Luật và Quản trị địa phương]
LDP	Luật học so sánh	LUAT	3	K2016 HVCB3 [Luật và Quản trị địa phương]
LDP	Luật tố tụng dân sự	LUAT	3	K2016 HVCB3 [Luật và Quản trị địa phương]
LDP	Luật tố tụng hình sự	LUAT	3	K2016 HVCB3 [Luật và Quản trị địa phương]
LDP	Luật đất đai	LUAT	3	K2016 HVCB3 [Luật và Quản trị địa phương]
LDP	Tư pháp quốc tế	LUAT	3	K2016 HVCB3 [Luật và Quản trị địa phương]
LDP	Luật công ty	LUAT	3	K2017 VB2/HVCBTP3 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Luật công ty	LUAT	3	K2017 VB2/TTBDCTQ93 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Luật hành chính	LUAT	3	K2017 VB2/HVCBTP3 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Luật hành chính	LUAT	3	K2017 VB2/TTBDCTQ93 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Luật hình sự I	LUAT	3	K2017 VB2/HVCBTP3 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Luật hình sự I	LUAT	3	K2017 VB2/TTBDCTQ93 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Luật lao động	LUAT	3	K2017 VB2/HVCBTP3 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Luật lao động	LUAT	3	K2017 VB2/TTBDCTQ93 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Luật tố tụng hình sự	LUAT	3	K2017 VB2/HVCBTP3 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Luật tố tụng hình sự	LUAT	3	K2017 VB2/TTBDCTQ93 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Luật đất đai	LUAT	3	K2017 VB2/HVCBTP3 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Luật đất đai	LUAT	3	K2017 VB2/TTBDCTQ93 [Luật và quản trị địa phương]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LKD	Luật cạnh tranh	LUAT	3	K2018 TP1 [LKD], K2018 TP1 [Luật kinh doanh_BS], K2018 TP4 [LKD], K2018 VB2/TP2 [LKD], K2019 VB2/T
LKD	Luật hợp đồng thương mại	LUAT	3	K2018 TP1 [LKD], K2018 TP1 [Luật kinh doanh_BS], K2018 TP4 [LKD], K2018 VB2/TP2 [LKD], K2019 VB2/T
LKD	Luật học so sánh	LUAT	3	K2018 TP1 [LKD], K2018 TP1 [Luật kinh doanh_BS], K2018 TP4 [LKD], K2019 VB2/TP1 [LKD]
LKD	Luật sở hữu trí tuệ	LUAT	3	K2018 TP1 [LKD], K2018 TP1 [Luật kinh doanh_BS], K2018 TP4 [LKD], K2019 VB2/TP1 [LKD]
LKD	Luật tố tụng dân sự	LUAT	3	K2018 TP1 [LKD], K2018 TP1 [Luật kinh doanh_BS], K2018 TP4 [LKD], K2019 VB2/TP1 [LKD]
LKD	Luật đất đai	LUAT	3	K2018 TP1 [LKD], K2018 TP1 [Luật kinh doanh_BS], K2018 TP4 [LKD], K2019 VB2/TP1 [LKD]
LKD	Công pháp quốc tế	LUAT	3	K2018 TCCĐ4 [LKD]
LKD	Logic học pháp lý	LUAT	2	K2018 TCCĐ4 [LKD]
LKD	Luật công ty	LUAT	3	K2018 TCCĐ4 [LKD]
LKD	Luật dân sự I	LUAT	3	K2018 TCCĐ4 [LKD]
LKD	Luật dân sự II	LUAT	3	K2018 TCCĐ4 [LKD]
LKD	Luật hình sự	LUAT	4	K2018 TCCĐ4 [LKD]
LKD	Luật công ty	LUAT	3	K2019 VB2/VT3 [LKD]
LKD	Luật học so sánh	LUAT	3	K2019 VB2/VT3 [LKD]
LKD	Luật lao động	LUAT	3	K2019 VB2/VT3 [LKD]
LKD	Luật tố tụng dân sự	LUAT	3	K2019 VB2/VT3 [LKD]
LKD	Luật tố tụng hình sự	LUAT	3	K2019 VB2/VT3 [LKD]
LKD	Luật đất đai	LUAT	3	K2019 VB2/VT3 [LKD]
LKD	Logic học pháp lý	LUAT	2	K2019 VB2/TP4 [LKD]
LKD	Luật công ty	LUAT	3	K2019 VB2/TP4 [LKD]
LKD	Luật dân sự I	LUAT	3	K2019 VB2/TP4 [LKD]
LKD	Luật dân sự II	LUAT	3	K2019 VB2/TP4 [LKD]
LKD	Luật hành chính	LUAT	3	K2019 VB2/TP4 [LKD]
LKD	Luật hình sự	LUAT	4	K2019 VB2/TP4 [LKD]
LKD	Kinh tế vi mô	KTPT	3	K2019 TP4 [LKD], K2019 TP4 [Marketing], K2019 TP4 [QLNNL], K2019 TP4 [Tài chính]
LKD	Kinh tế vĩ mô	KTPT	3	K2019 TP4 [LKD], K2019 TP4 [Marketing], K2019 TP4 [QLNNL], K2019 TP4 [Tài chính]
LKD	Kinh tế vĩ mô	KTPT	3	K2019 Vũng Tàu 4 [LKD]
LKD	Luật kinh doanh	LUAT	3	K2019 TP4 [LKD], K2019 TP4 [Marketing], K2019 TP4 [QLNNL], K2019 TP4 [Tài chính]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LKD	Nguyên lý kế toán	KTO	3	K2019 Vũng Tàu 4 [LKD]
LKD	Những nguyên lý cơ bản của CN MLN (P1)	LLCT	2	K2019 Vũng Tàu 4 [LKD]
LKD	Những nguyên lý cơ bản của CN MLN (P2)	LLCT	3	K2019 Vũng Tàu 4 [LKD]
LKD	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh và kinh tế	KTTK	3	K2019 TP4 [LKD], K2019 TP4 [Marketing], K2019 TP4 [QLNNL], K2019 TP4 [Tài chính]
LKD	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh và kinh tế	KTTK	3	K2019 Vũng Tàu 4 [LKD]
LKD	Toán dành cho kinh tế và quản trị	KTTK	3	K2019 TP4 [LKD], K2019 TP4 [Marketing], K2019 TP4 [QLNNL], K2019 TP4 [Tài chính]
LKD	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	LLCT	3	K2018 TP4 [LKD], K2019 TP4 [Quản trị]
LKD	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	LLCT	3	K2019 TP4 [LKD], K2019 TP4 [Marketing], K2019 TP4 [QLNNL], K2019 TP4 [Tài chính]
LKD	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	LLCT	3	K2019 Vũng Tàu 4 [LKD]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NT	Marketing quốc tế	KDQTM	3	K2019 LTCĐ/TP2 [Ngoại thương], K2019 LTCĐ/TP3 [Ngoại thương]
NT	Thương mại quốc tế	KDQTM	3	K2019 LTCĐ/TP2 [Ngoại thương], K2019 LTCĐ/TP3 [Ngoại thương]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QLKT	Kinh tế Việt Nam trong hội nhập toàn cầu	KTPT	3	K2017 Đắk Lắk 3 [Quản lý kinh tế]
QLKT	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	KTPT	3	K2017 Đắk Lắk 3 [Quản lý kinh tế]
QLKT	Phương pháp nghiên cứu quản lý kinh tế	KTPT	3	K2017 Đắk Lắk 3 [Quản lý kinh tế]
QLKT	Thực hành phân tích một vấn đề kinh tế xã hội	KTPT	3	K2017 Đắk Lắk 3 [Quản lý kinh tế]
QLKT	Đánh giá tác động chương trình phát triển kinh tế xã hội	KTPT	3	K2017 Đắk Lắk 3 [Quản lý kinh tế]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QLNNL	Kinh tế học tổ chức nhân sự	KTPT	3	K2017 TP1 [QLNNL], K2017 TP2 [QLNNL], K2018 VB2/TP4 [QLNNL]
QLNNL	Phát triển nguồn nhân lực	KTPT	2	K2017 TP1 [QLNNL], K2017 TP2 [QLNNL], K2018 VB2/TP4 [QLNNL]
QLNNL	Thẩm định dự án đầu tư kinh tế	KTPT	3	K2017 TP1 [QLNNL], K2017 TP2 [QLNNL], K2018 TP4 [QLNNL], K2019 TP1 [QLNNL], K2019 TP2 [QLNNL]
QLNNL	Kinh tế học lao động	KTPT	3	K2018 VB2/TP4 [QLNNL]
QLNNL	Luật lao động	LUAT	3	K2018 TP4 [QLNNL], K2018 VB2/TP4 [QLNNL], K2019 TP1 [QLNNL]
QLNNL	Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức	KTPT	2	K2018 VB2/TP4 [QLNNL]
QLNNL	Kinh tế phát triển	KTPT	3	K2018 TP4 [QLNNL], K2019 TP1 [QLNNL], K2019 TP2 [QLNNL]
QLNNL	Kinh tế quốc tế	KTPT	3	K2018 TP4 [QLNNL], K2019 TP1 [QLNNL]
QLNNL	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	KTPT	3	K2018 TP4 [QLNNL], K2019 TP1 [QLNNL], K2019 TP2 [QLNNL]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QT	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	K2017 TP1 [Quản trị], K2017 TP2 [QT], K2019 VB2/TP1 [Quản trị]
QT	Quản trị khởi nghiệp	QT	3	K2017 TP1 [Quản trị], K2017 TP2 [QT]
QT	Kỹ thuật quản trị chất lượng	QT	3	K2017 LĐLĐTP 3 [Quản trị]
QT	Kỹ thuật quản trị chất lượng	QT	3	K2017 TP3 [Quản trị]
QT	Phân tích định lượng trong quản trị	QT	3	K2017 TP3 [Quản trị], K2018 LTTC/TP4 [Quản trị]
QT	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	K2017 TP3 [Quản trị]
QT	Quản trị chuỗi cung ứng	QT	3	K2017 LĐLĐTP 3 [Quản trị]
QT	Quản trị chuỗi cung ứng	QT	3	K2017 TP3 [Quản trị]
QT	Quản trị hệ thống thông tin	QT	3	K2017 LĐLĐTP 3 [Quản trị]
QT	Quản trị khởi nghiệp	QT	3	K2017 LĐLĐTP 3 [Quản trị]
QT	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	K2017 LĐLĐTP 3 [Quản trị]
QT	Quản trị toàn cầu	QT	3	K2017 LĐLĐTP 3 [Quản trị]
QT	Quản trị toàn cầu	QT	3	K2017 TP3 [Quản trị]
QT	Đạo đức kinh doanh	QT	3	K2017 TP3 [Quản trị]
QT	Hành vi tổ chức	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 2], K2019 VB2/TP4 [Quản trị]
QT	Lãnh đạo	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 1]
QT	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 1], K2019 VB2/TP1 [Quản trị]
QT	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 2], K2019 VB2/TP4 [Quản trị]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QT	Quản trị chất lượng	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 2], K2019 VB2/TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị chuỗi cung ứng	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 1], K2019 VB2/TP1 [Quản trị]
QT	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 1]
QT	Quản trị tài chính	TC	3	K2018 TP1 [Quản trị 2], K2019 VB2/TP4 [Quản trị]
QT	Thẩm định dự án	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 2], K2019 VB2/TP4 [Quản trị]
QT	Đạo đức kinh doanh	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 1]
QT	Hành vi tổ chức	QT	3	K2018 TP2 [Quản trị]
QT	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	K2018 TP2 [Quản trị], K2019 VB2/TP3 [Quản trị]
QT	Quản trị chất lượng	QT	3	K2018 TP2 [Quản trị], K2019 VB2/TP3 [Quản trị]
QT	Quản trị chiến lược	QT	3	K2018 TP2 [Quản trị], K2019 VB2/TP3 [Quản trị]
QT	Thẩm định dự án	QT	3	K2018 TP2 [Quản trị], K2019 VB2/TP3 [Quản trị]
QT	Hành vi tổ chức	QT	3	K2018 TP4 [Quản trị]
QT	Kế toán quản trị	KTO	3	K2018 TP4 [Quản trị]
QT	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	K2018 TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị chất lượng	QT	3	K2018 TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị marketing	KDQTM	3	K2018 TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị tài chính	TC	3	K2018 TP4 [Quản trị]
QT	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	K2018 LTTC/TP4 [Quản trị], K2019 LTCĐ/TP2 [Quản trị], K2019 LTCĐ/TP3 [Quản trị]
QT	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	K2019 LTCĐ/TP2 [Quản trị], K2019 LTCĐ/TP3 [Quản trị]
QT	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	K2019 LTCĐ/Sonadezi 4 [Quản trị]
QT	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	K2018 LTTC/TP4 [Quản trị], K2019 LTCĐ/TP4 [Quản trị]
QT	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	K2019 LTCĐ/Sonadezi 4 [Quản trị]
QT	Quản trị chất lượng	QT	3	K2018 LTTC/TP4 [Quản trị], K2019 LTCĐ/TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị chất lượng	QT	3	K2019 LTCĐ/Sonadezi 4 [Quản trị]
QT	Quản trị chiến lược	QT	3	K2018 LTTC/TP4 [Quản trị], K2019 LTCĐ/TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	K2019 LTCĐ/Sonadezi 4 [Quản trị]
QT	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	K2019 LTCĐ/TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị tài chính	TC	3	K2018 LTTC/TP4 [Quản trị], K2019 LTCĐ/TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị tài chính	TC	3	K2019 LTCĐ/Sonadezi 4 [Quản trị]
QT	Quản trị điều hành	QT	3	K2019 LTCĐ/Sonadezi 4 [Quản trị]
QT	Quản trị điều hành	QT	3	K2019 LTCĐ/TP4 [Quản trị]
QT	Hành vi tổ chức	QT	3	K2019 TP1 [Quản trị], K2019 VB2/TP1 [Quản trị]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QT	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	K2019 TP1 [Quản trị]
QT	Quản trị chất lượng	QT	3	K2019 TP1 [Quản trị]
QT	Quản trị marketing	KDQTM	3	K2019 TP1 [Quản trị], K2019 VB2/TP1 [Quản trị]
QT	Quản trị tài chính	TC	3	K2019 TP1 [Quản trị], K2019 VB2/TP3 [Quản trị]
QT	Kế toán quản trị	KTO	3	K2019 TP2 [Quản trị]
QT	Luật kinh doanh	LUAT	3	K2019 TP2 [Quản trị]
QT	Nguyên lý kế toán	KTO	3	K2019 TP2 [Quản trị]
QT	Quản trị học	QT	3	K2019 TP2 [Quản trị]
QT	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	K2019 TP2 [Quản trị]
QT	Quản trị điều hành	QT	3	K2019 TP2 [Quản trị]
QT	Luật kinh doanh	LUAT	3	K2019 LTTC/TP3 [Quản trị], K2019 TP3 [Quản trị]
QT	Nguyên lý kế toán	KTO	3	K2019 LTTC/TP3 [Quản trị], K2019 TP3 [Quản trị]
QT	Quản trị học	QT	3	K2019 LTTC/TP3 [Quản trị], K2019 TP3 [Quản trị]
QT	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh và kinh tế	KTTK	3	K2019 LTTC/TP3 [Quản trị], K2019 TP3 [Quản trị]
QT	Toán dành cho kinh tế và quản trị	KTTK	3	K2019 LTTC/TP3 [Quản trị], K2019 TP3 [Quản trị]
QT	Kinh tế vi mô	KTPT	3	K2019 TP4 [Quản trị]
QT	Kinh tế vĩ mô	KTPT	3	K2019 TP4 [Quản trị]
QT	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh và kinh tế	KTTK	3	K2019 TP4 [Quản trị]
QT	Toán dành cho kinh tế và quản trị	KTTK	3	K2019 TP4 [Quản trị]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TATM	Dẫn luận ngôn ngữ học	NNKT	2	K2019 VB2/TP4 [Tiếng Anh thương mại]
TATM	Kỹ năng nghe 3	NNKT	2	K2019 VB2/TP4 [Tiếng Anh thương mại]
TATM	Kỹ năng nói 3	NNKT	2	K2019 VB2/TP4 [Tiếng Anh thương mại]
TATM	Kỹ năng viết 3	NNKT	2	K2019 VB2/TP4 [Tiếng Anh thương mại]
TATM	Kỹ năng đọc 3	NNKT	2	K2019 VB2/TP4 [Tiếng Anh thương mại]
TATM	Marketing căn bản (EN)	KDQTM	3	K2019 VB2/TP4 [Tiếng Anh thương mại]
TATM	Đại cương văn hóa Việt Nam	NNKT	2	K2019 VB2/TP4 [Tiếng Anh thương mại]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TC	Mô hình tài chính	TC	3	K2019 LTCĐ/TP2 [Tài chính], K2019 LTCĐ/TP3 [Tài chính]
TC	Quản trị rủi ro tài chính	TC	3	K2019 LTCĐ/TP2 [Tài chính], K2019 LTCĐ/TP3 [Tài chính]

BẬC ĐẠI HỌC – HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
HỌC KỲ CUỐI NĂM 2020

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KDQT	Marketing quốc tế	KDQTM	3	K2017 TP3 [KDQT], K2019 VB2/TP4 [KDQT]
KDQT	Quản trị xuất nhập khẩu	KDQTM	3	K2017 TP3 [KDQT], K2019 VB2/TP4 [KDQT]
KDQT	Thị trường vốn và tiền tệ	NH	3	K2017 TP3 [KDQT]
KDQT	Hành vi người tiêu dùng	KDQTM	3	K2018 TP2 [KDQT], K2018 TP4 [KDQT], K2019 TP1 [KDQT]
KDQT	Marketing quốc tế	KDQTM	3	K2018 TP2 [KDQT], K2018 TP4 [KDQT], K2019 TP1 [KDQT], K2019 VB2/TP2 [KDQT]
KDQT	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	K2018 TP2 [KDQT], K2018 TP4 [KDQT], K2019 TP1 [KDQT], K2019 VB2/TP2 [KDQT]
KDQT	Quản trị xuất nhập khẩu	KDQTM	3	K2018 TP2 [KDQT], K2018 TP4 [KDQT], K2019 TP1 [KDQT], K2019 VB2/TP2 [KDQT]
KDQT	Thông lệ trong thương mại quốc tế	KDQTM	3	K2018 TP2 [KDQT], K2018 TP4 [KDQT], K2019 TP1 [KDQT], K2019 VB2/TP2 [KDQT], K2019 VB2/TP4 [KDQT]
KDQT	Giao tiếp kinh doanh	KDQTM	2	K2019 VB2/TP2 [KDQT], K2019 VB2/TP4 [KDQT]
KDQT	Giao tiếp kinh doanh	KDQTM	3	K2019 LTTC/TP4 [KDQT], K2019 TP2 [KDQT], K2019 TP3 [KDQT]
KDQT	Nghiên cứu marketing	KDQTM	3	K2019 TP2 [KDQT], K2019 TP3 [KDQT], K2019 VB2/TP4 [KDQT]
KDQT	Quản trị công ty đa quốc gia	KDQTM	3	K2019 TP2 [KDQT], K2019 TP3 [KDQT]
KDQT	Quản trị tài chính	TC	3	K2019 TP2 [KDQT], K2019 TP2 [Quản trị], K2019 TP3 [KDQT]
KDQT	Quản trị marketing	KDQTM	3	K2018 TP2 [KDQT], K2018 TP4 [KDQT], K2019 TP1 [KDQT], K2019 TP3 [Quản trị]
KDQT	Doanh nghiệp và kinh doanh	KDQTM	3	K2019 LTTC/TP4 [KDQT], K2019 TP4 [KDQT]
KDQT	Hành vi người tiêu dùng	KDQTM	3	K2019 TP2 [KDQT], K2019 TP3 [KDQT], K2019 TP4 [Marketing]
KDQT	Kinh doanh quốc tế 1	KDQTM	3	K2019 LTTC/TP4 [KDQT], K2019 TP4 [KDQT]
KDQT	Kinh doanh quốc tế 2	KDQTM	3	K2019 LTTC/TP4 [KDQT], K2019 TP4 [KDQT]
KDQT	Marketing căn bản	KDQTM	3	K2019 TP4 [KDQT], K2019 TP4 [Marketing]
KDQT	Nguyên lý kế toán	KTO	3	K2019 LTTC/TP4 [KDQT], K2019 TP4 [KDQT]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KTDN	Quản trị doanh nghiệp	QT	3	K2017 TP3 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Quản trị tài chính	TC	3	K2017 TP3 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Thanh toán quốc tế	NH	3	K2017 TP3 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN], K2018 TP1 [KTDN_BS]
KTDN	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	NH	2	K2018 LTTC/TP2 [KTDN], K2018 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Phân tích hoạt động kinh doanh	KTO	2	K2018 LTTC/TP2 [KTDN], K2018 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Quản trị tài chính	TC	2	K2018 LTTC/TP2 [KTDN], K2018 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Thuế	TCC	2	K2018 LTTC/TP2 [KTDN], K2018 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	NH	3	K2018 Vĩnh Long 1 [KTDN]
KTDN	Thuế	TCC	3	K2018 Vĩnh Long 1 [KTDN]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 1)	KTO	3	K2018 TP2 [KTDN], K2018 TP4 [KTDN], K2019 TP1 [KTDN]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 2)	KTO	3	K2018 TP2 [KTDN], K2018 TP4 [KTDN], K2019 TP1 [KTDN]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 3)	KTO	3	K2018 TP2 [KTDN], K2018 TP4 [KTDN], K2019 TP1 [KTDN]
KTDN	Kiểm toán	KTO	3	K2018 TP2 [KTDN], K2018 TP4 [KTDN], K2019 TP1 [KTDN]
KTDN	Phân tích hoạt động kinh doanh	KTO	3	K2018 TP2 [KTDN], K2018 TP4 [KTDN], K2019 TP1 [KTDN]
KTDN	Kiểm toán	KTO	3	K2019 LTCĐ/TP4 [KTDN]
KTDN	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	NH	2	K2019 LTCĐ/TP4 [KTDN]
KTDN	Phân tích hoạt động kinh doanh	KTO	2	K2019 LTCĐ/TP4 [KTDN]
KTDN	Thuế	TCC	2	K2019 LTCĐ/TP4 [KTDN]
KTDN	Hệ thống thông tin kế toán (Phần 1)	KTO	3	K2019 LTTC/TP2 [KTDN], K2019 LTTC/TP3 [KTDN]
KTDN	Kế toán Mỹ	KTO	2	K2019 LTTC/TP2 [KTDN], K2019 LTTC/TP3 [KTDN]
KTDN	Kế toán chi phí	KTO	3	K2019 LTTC/TP2 [KTDN], K2019 LTTC/TP3 [KTDN]
KTDN	Kế toán hành chính sự nghiệp	KTO	3	K2019 LTTC/TP2 [KTDN], K2019 LTTC/TP3 [KTDN]
KTDN	Kế toán quản trị	KTO	4	K2019 LTTC/TP2 [KTDN], K2019 LTTC/TP3 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính I	KTO	3	K2019 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính II	KTO	3	K2019 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính III	KTO	3	K2019 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Marketing căn bản	KDQTM	2	K2019 LTTC/TP4 [KTDN]
KTDN	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	NH	2	K2019 VB2/TP2 [KTDN]
KTDN	Phân tích hoạt động kinh doanh	KTO	3	K2019 VB2/TP2 [KTDN]
KTDN	Quản trị tài chính	TC	3	K2019 VB2/TP2 [KTDN]
KTDN	Thuế	TCC	2	K2019 VB2/TP2 [KTDN]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KTDN	Kế toán chi phí	KTO	3	K2019 TP2 [KTDN], K2019 TP3 [KTDN]
KTDN	Kế toán quản trị	KTO	4	K2019 TP2 [KTDN], K2019 TP3 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính II	KTO	4	K2019 TP2 [KTDN], K2019 TP3 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính III	KTO	3	K2019 TP2 [KTDN], K2019 TP3 [KTDN]
KTDN	Kế toán tài chính I	KTO	4	K2019 TP4 [KTDN]
KTDN	Luật kinh doanh	LUAT	3	K2019 LTTC/TP4 [KTDN], K2019 TP4 [KTDN]
KTDN	Lý thuyết tài chính tiền tệ	TCC	3	K2019 TP4 [KTDN]
KTDN	Marketing căn bản	KDQTM	3	K2019 TP4 [KTDN]
KTDN	Nguyên lý kế toán	KTO	3	K2019 LTTC/TP4 [KTDN], K2019 TP4 [KTDN]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LDP	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	LUAT	2	K2016 HVCB3 [Luật và Quản trị địa phương]
LDP	Luật khiếu nại tố cáo	LUAT	2	K2016 HVCB3 [Luật và Quản trị địa phương]
LDP	Luật môi trường	LUAT	2	K2016 HVCB3 [Luật và Quản trị địa phương]
LDP	Luật tố tụng dân sự	LUAT	3	K2017 VB2/HVCBTP3 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Luật tố tụng dân sự	LUAT	3	K2017 VB2/TTBDCTQ93 [Luật và quản trị địa phương]
LDP	Quản lý nguồn nhân lực	KTPT	3	K2019 VB2/HVCB2 [Luật và Quản trị địa phương]
LDP	Tài chính chính quyền địa phương	TCC	3	K2019 VB2/HVCB2 [Luật và Quản trị địa phương]
LDP	Thẩm định dự án công	QLNN	3	K2019 VB2/HVCB2 [Luật và Quản trị địa phương]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LKD	Luật môi trường	LUAT	2	K2018 TP1 [LKD], K2018 TP1 [Luật kinh doanh_BS], K2018 TP4 [LKD]
LKD	Luật tài chính	LUAT	2	K2018 TP1 [LKD], K2018 TP1 [Luật kinh doanh_BS], K2018 TP4 [LKD]
LKD	Luật thương mại quốc tế	LUAT	3	K2018 TP1 [LKD], K2018 TP1 [Luật kinh doanh_BS], K2018 TP4 [LKD]
LKD	Luật tố tụng hình sự	LUAT	3	K2018 TP1 [LKD], K2018 TP1 [Luật kinh doanh_BS], K2018 TP4 [LKD], K2019 VB2/TP1 [LKD]
LKD	Tư pháp quốc tế	LUAT	3	K2018 TP1 [LKD], K2018 TP1 [Luật kinh doanh_BS], K2018 TP4 [LKD]
LKD	Luật hành chính	LUAT	3	K2018 TCCĐ4 [LKD]
LKD	Luật học so sánh	LUAT	3	K2018 TCCĐ4 [LKD]
LKD	Luật lao động	LUAT	3	K2018 TCCĐ4 [LKD]
LKD	Luật đất đai	LUAT	3	K2018 TCCĐ4 [LKD]
LKD	Tư pháp quốc tế	LUAT	3	K2018 TCCĐ4 [LKD]
LKD	Logic học pháp lý	LUAT	2	K2019 VB2/VT3 [LKD]
LKD	Luật cạnh tranh	LUAT	3	K2019 VB2/VT3 [LKD]
LKD	Luật hợp đồng thương mại	LUAT	3	K2019 VB2/VT3 [LKD]
LKD	Luật sở hữu trí tuệ	LUAT	3	K2019 VB2/VT3 [LKD]
LKD	Luật thương mại quốc tế	LUAT	3	K2019 VB2/VT3 [LKD]
LKD	Luật học so sánh	LUAT	3	K2019 VB2/TP4 [LKD]
LKD	Luật lao động	LUAT	3	K2019 VB2/TP4 [LKD]
LKD	Luật tố tụng dân sự	LUAT	3	K2019 VB2/TP4 [LKD]
LKD	Luật đất đai	LUAT	3	K2019 VB2/TP4 [LKD]
LKD	Các học thuyết pháp lý	LUAT	3	K2019 Vũng Tàu 4 [LKD]
LKD	Logic học pháp lý	LUAT	2	K2019 Vũng Tàu 4 [LKD]
LKD	Luật công ty	LUAT	3	K2019 TP4 [LKD]
LKD	Luật dân sự I	LUAT	3	K2019 TP4 [LKD]
LKD	Luật dân sự I	LUAT	3	K2019 Vũng Tàu 4 [LKD]
LKD	Luật hành chính	LUAT	3	K2019 TP4 [LKD]
LKD	Luật hành chính	LUAT	3	K2019 Vũng Tàu 4 [LKD]
LKD	Luật hiến pháp	LUAT	3	K2019 Vũng Tàu 4 [LKD]
LKD	Luật hình sự	LUAT	4	K2019 Vũng Tàu 4 [LKD]
LKD	Nguyên lý kế toán	KTO	3	K2019 TP4 [LKD], K2019 TP4 [Marketing], K2019 TP4 [QLNNL], K2019 TP4 [Tài chính]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
MAR	Quản trị chiến lược	KDQTM	3	K2019 TP4 [Marketing]
MAR	Quản trị học	QT	3	K2019 TP4 [Marketing]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QLNNL	Dân số và phát triển	KTPT	2	K2018 TP4 [QLNNL], K2019 TP1 [QLNNL]
QLNNL	Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực	KTPT	4	K2018 TP4 [QLNNL], K2019 TP1 [QLNNL]
QLNNL	Quan hệ lao động	KTPT	2	K2018 TP4 [QLNNL], K2019 TP1 [QLNNL]
QLNNL	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	KTPT	2	K2018 TP4 [QLNNL], K2019 TP1 [QLNNL]
QLNNL	Tâm lý học quản lý	KTPT	3	K2018 TP4 [QLNNL], K2019 TP1 [QLNNL]
QLNNL	Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức	KTPT	3	K2018 TP4 [QLNNL], K2019 TP1 [QLNNL]
QLNNL	Dự báo kinh doanh và phân tích dữ liệu	KTPT	3	K2019 TP4 [QLNNL]
QLNNL	Kinh tế học lao động	KTPT	3	K2019 TP4 [QLNNL]
QLNNL	Kinh tế vi mô 2	KTPT	3	K2019 TP4 [QLNNL]
QLNNL	Kinh tế vĩ mô 2	KTPT	3	K2019 TP4 [QLNNL]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QT	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	K2017 LĐLĐTP 3 [Quản trị]
QT	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	K2017 TP3 [Quản trị], K2019 VB2/TP4 [Quản trị]
QT	Lãnh đạo	QT	3	K2017 LĐLĐTP 3 [Quản trị]
QT	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	K2017 LĐLĐTP 3 [Quản trị]
QT	Quản trị hệ thống thông tin	QT	3	K2017 TP3 [Quản trị], K2019 VB2/TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị khởi nghiệp	QT	3	K2017 TP3 [Quản trị]
QT	Đạo đức kinh doanh	QT	3	K2017 LĐLĐTP 3 [Quản trị]
QT	Kỹ thuật quản trị chất lượng	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 1]
QT	Kỹ thuật quản trị chất lượng	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 2]
QT	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 1]
QT	Lãnh đạo	QT	3	K2018 LTTC/TP4 [Quản trị], K2018 TP1 [Quản trị 2]
QT	Quản trị chiến lược	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 2], K2019 VB2/TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị chuỗi cung ứng	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 2], K2019 VB2/TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị hệ thống thông tin	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 1]
QT	Quản trị khởi nghiệp	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 1]
QT	Quản trị toàn cầu	QT	3	K2018 LTTC/TP4 [Quản trị], K2018 TP1 [Quản trị 2]
QT	Quản trị toàn cầu	QT	3	K2018 TP1 [Quản trị 1], K2019 VB2/TP1 [Quản trị]
QT	Lãnh đạo	QT	3	K2018 TP2 [Quản trị], K2019 VB2/TP3 [Quản trị]
QT	Phân tích định lượng trong quản trị	QT	3	K2018 TP2 [Quản trị], K2019 VB2/TP3 [Quản trị]
QT	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	K2018 TP2 [Quản trị], K2019 LTTC/TP3 [Quản trị], K2019 VB2/TP3 [Quản trị]
QT	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	K2018 TP2 [Quản trị]
QT	Quản trị toàn cầu	QT	3	K2018 TP2 [Quản trị], K2019 VB2/TP3 [Quản trị]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QT	Đạo đức kinh doanh	QT	3	K2018 TP2 [Quản trị]
QT	Phân tích định lượng trong quản trị	QT	3	K2018 TP4 [Quản trị]
QT	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	K2018 LTTC/TP4 [Quản trị], K2018 TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị chiến lược	QT	3	K2018 TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị toàn cầu	QT	3	K2018 TP4 [Quản trị], K2019 VB2/TP4 [Quản trị]
QT	Thẩm định dự án	QT	3	K2018 LTTC/TP4 [Quản trị], K2018 TP4 [Quản trị]
QT	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	K2019 LTCĐ/Sonadezi 4 [Quản trị]
QT	Lập kế hoạch kinh doanh	QT	3	K2019 LTCĐ/TP4 [Quản trị]
QT	Phát triển kỹ năng quản trị	QT	3	K2019 LTCĐ/TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị chiến lược	QT	3	K2019 LTCĐ/Sonadezi 4 [Quản trị]
QT	Lãnh đạo	QT	3	K2019 LTTC/TP3 [Quản trị], K2019 TP1 [Quản trị]
QT	Phân tích định lượng trong quản trị	QT	3	K2019 LTTC/TP3 [Quản trị], K2019 TP1 [Quản trị]
QT	Quản trị chiến lược	QT	3	K2019 TP1 [Quản trị]
QT	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	QT	3	K2019 TP1 [Quản trị]
QT	Quản trị toàn cầu	QT	3	K2019 TP1 [Quản trị]
QT	Thẩm định dự án	QT	3	K2019 TP1 [Quản trị]
QT	Hành vi tổ chức	QT	3	K2019 TP2 [Quản trị]
QT	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	QT	3	K2019 TP2 [Quản trị]
QT	Quản trị chất lượng	QT	3	K2019 TP2 [Quản trị]
QT	Quản trị marketing	KDQTM	3	K2019 TP2 [Quản trị]
QT	Hành vi tổ chức	QT	3	K2019 TP3 [Quản trị]
QT	Kế toán quản trị	KTO	3	K2019 TP3 [Quản trị]
QT	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	K2019 LTTC/TP3 [Quản trị], K2019 TP3 [Quản trị]
QT	Quản trị tài chính	TC	3	K2019 LTTC/TP3 [Quản trị], K2019 TP3 [Quản trị]
QT	Quản trị điều hành	QT	3	K2019 LTTC/TP3 [Quản trị], K2019 TP3 [Quản trị]
QT	Kế toán quản trị	KTO	3	K2019 TP4 [Quản trị]
QT	Luật kinh doanh	LUAT	3	K2019 TP4 [Quản trị]
QT	Nguyên lý kế toán	KTO	3	K2019 TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị học	QT	3	K2019 TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	K2019 TP4 [Quản trị]
QT	Quản trị điều hành	QT	3	K2019 TP4 [Quản trị]

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TC	Kế toán tài chính	KTO	3	K2019 TP4 [Tài chính]
TC	Lý thuyết tài chính	TC	3	K2019 TP4 [Tài chính]
TC	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	K2019 TP4 [Tài chính]
TC	Tài chính quốc tế	TC	3	K2019 TP4 [Tài chính]

BẬC CAO HỌC
HỌC KỲ CUỐI NĂM 2020

KHÓA 29 CAO HỌC

Học lý thuyết: **15/06/2020 - 20/12/2020**

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Kế toán quản trị	KTO	3	
AD	Quản trị chất lượng	QT	3	
AD	Quản trị marketing	QT	3	
AD	Quản trị nguồn nhân lực	QT	3	
AD	Kinh doanh điện tử	QT	2	ChuyenNganh -Đạt 6/15 TC
AD	Lãnh đạo	QT	2	
AD	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	
AD	Quản trị khởi nghiệp	QT	2	
AD	Quản trị sáng tạo và đổi mới	QT	2	
AD	Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	QT	2	
AD	Văn hóa tổ chức	QT	2	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Phương pháp nghiên cứu khoa học	KT	2	
FN	Quản trị rủi ro tài chính	TC	3	
FN	Sản phẩm tài chính phái sinh	TC	3	
FN	Law and Financial Regulation	LUAT	3	ChuyenNganh -Đạt 10/21 TC
FN	Mua bán, sáp nhập và thoái vốn	TC	2	
FN	Quản trị danh mục đầu tư	TC	2	
FN	Tài chính công ty đa quốc gia	TC	2	
FN	Tài chính hành vi	TC	2	
FN	Tài chính định lượng	TC	2	
FN	Thị trường tài chính quốc tế	TC	2	
FN	Đầu tư và tài trợ bất động sản	TC	2	
FN	Định giá doanh nghiệp	TC	2	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Kinh tế quốc tế	KT	3	ChuyenNganh -Đạt 15/36 TC
IB	Logistics quốc tế	KDQTM	3	
IB	Luật thương mại quốc tế	LUAT	3	
IB	Marketing kỹ thuật số	KDQTM	3	
IB	Marketing quốc tế	KDQTM	3	
IB	Quan hệ ngoại thương toàn cầu	KDQTM	3	
IB	Quản trị bán hàng	KDQTM	3	
IB	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	KDQTM	3	
IB	Quản trị dịch vụ	KDQTM	3	
IB	Quản trị thương hiệu	KDQTM	3	
IB	Quản trị xuất nhập khẩu	KDQTM	3	
IB	Thương mại quốc tế và chính sách	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KC	Chính sách kinh tế - xã hội	LLCT	3	
KC	Kinh tế chính trị TBCN	LLCT	3	
KC	Kinh tế chính trị nâng cao	LLCT	4	
KC	Kinh tế phát triển	KT	3	
KC	Kinh tế quốc tế	KT	3	
KC	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao	LLCT	3	
KC	Phương pháp nghiên cứu khoa học	QT	3	

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	Kế toán quản trị	KTO	3	
KM	Quản trị bán lẻ	KDQTM	3	
KM	Quản trị dịch vụ	KDQTM	3	
KM	Hành vi người tiêu dùng	KDQTM	3	ChuyenNganh -Đạt 15/30 TC
KM	Marketing kỹ thuật số	KDQTM	3	
KM	Marketing toàn cầu	KDQTM	3	
KM	Quản trị bán hàng	KDQTM	3	
KM	Quản trị chuỗi cung ứng	KDQTM	3	
KM	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	QT	3	
KM	Quản trị thương hiệu	KDQTM	3	
KM	Thương mại quốc tế và chính sách	KDQTM	3	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Hệ thống thông tin kế toán cao cấp	KTO	3	
KN	Kế toán công nâng cao	KTO	2	
KN	Kiểm toán cao cấp	KTO	3	
KN	Quản trị chiến lược	QT	3	
KN	Công cụ phái sinh và quản trị rủi ro	NH	2	ChuyenNganh -Đạt 8/21 TC
KN	Hợp nhất, sáp nhập và cấu trúc doanh nghiệp	TC	2	
KN	Kế toán quốc tế	KTO	2	
KN	Lý thuyết kế toán	KTO	2	
KN	Quản trị chất lượng	QT	2	
KN	Quản trị rủi ro tài chính	TC	2	
KN	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	KT	2	
KN	Thuế doanh nghiệp	TCC	3	
KN	Thị trường và các định chế tài chính	NH	2	
KN	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	QT	2	

NGÀNH LUẬT

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Luật thương mại quốc tế (II)	LUAT	4	
LA	Giải quyết tranh chấp kinh doanh	LUAT	4	ChuyenNganh -Đạt 20/40 TC
LA	Luật cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu	LUAT	4	
LA	Luật lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	LUAT	4	
LA	Luật phá sản trong bối cảnh toàn cầu	LUAT	4	
LA	Luật sở hữu trí tuệ (II)	LUAT	4	
LA	Luật tài sản	LUAT	4	
LA	Luật đầu tư và kinh doanh bất động sản	LUAT	4	
LA	Quản trị công ty	LUAT	4	
LA	Sáp nhập và mua bán công ty	LUAT	4	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NH	Lập kế hoạch và quản trị tài chính cá nhân	NH	3	
NH	Quản trị định chế tài chính	NH	4	
NH	Công cụ phái sinh và quản lý rủi ro	NH	3	ChuyenNganh -Đạt 9/27 TC
NH	Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng	NH	3	
NH	Ethics in Banking and Finance	NH	3	
NH	Ngân hàng đầu tư	NH	3	
NH	Nguyên lý tiền tệ và ngân hàng	NH	3	
NH	Phương pháp định lượng trong lĩnh vực ngân hàng - tài chính	NH	3	
NH	Quản trị rủi ro theo hiệp ước Basel	NH	3	
NH	Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay	NH	3	
NH	Tài trợ dự án	NH	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
PF	Applied Development Economics	KT	3	
PF	Quản lý tài chính ngân sách nhà nước	TCC	3	
PF	Quản lý rủi ro tuân thủ thuế	TCC	2	ChuyenNganh(2TC) -Đạt 2/6 TC
PF	Quản lý đất đai và thuế tài sản	TCC	2	
PF	Thuế quốc tế	TCC	2	
PF	Phân tích chính sách công	TCC	3	ChuyenNganh(3TC) -Đạt 12/15 TC
PF	Phi tập trung hóa và tài chính chính quyền địa phương	TCC	3	
PF	Quản lý tài chính các đơn vị công	TCC	3	
PF	Quản trị thực hiện	TCC	3	
PF	Đánh giá chi tiêu công (bao hàm thẩm định dự án đầu tư công)	TCC	3	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QC	Phương pháp nghiên cứu cho quản lý công	QLNN	2	
QC	Triết học	LLCT	4	
QC	Kinh tế công	KT	2	ChuyenNganh -Đạt 14/26 TC
QC	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	KT	2	
QC	Phân tích và đánh giá chương trình	QLNN	2	
QC	Phát triển vùng và địa phương	QLNN	2	
QC	Quản lý dự án	QLNN	2	
QC	Quản lý đô thị	QLNN	2	
QC	Quản trị nhà nước	LUAT	2	
QC	Quản trị thay đổi trong khu vực công	QLNN	2	
QC	Thẩm định dự án đầu tư công	QLNN	2	
QC	Thương lượng và truyền thông	QLNN	2	
QC	Đạo đức trong khu vực công	QLNN	2	

CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TTTT	Phân tích dữ liệu mạng xã hội	CNTTKD	3	
TTTT	Biểu diễn trực quan dữ liệu	CNTTKD	3	ChuyenNganh -Đạt 12/18 TC
TTTT	Big data và ứng dụng	CNTTKD	3	
TTTT	Máy học và kinh tế lượng	CNTTKD	3	
TTTT	Phân tích marketing số	CNTTKD	3	
TTTT	Quản trị chiến lược	QT	3	
TTTT	Quản trị thương hiệu	KDQTM	3	

KHÓA 30 CAO HỌC (Tuyển sinh 2 đợt trong năm)

Đợt 1: bắt đầu học từ 04/05/2020
Đợt 2: bắt đầu học từ 17/10/2020

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
AD	Phương pháp nghiên cứu khoa học	QT	3	
AD	Quản trị chiến lược	QT	3	
AD	Quản trị tài chính	TC	3	
AD	Quản trị điều hành	QT	3	
AD	Triết học	LLCT	4	
AD	Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề	QT	3	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
FN	Lý thuyết tài chính	TC	3	
FN	Tài chính doanh nghiệp	TC	3	
FN	Tài chính quốc tế	TC	3	
FN	Triết học	LLCT	4	
FN	Đầu tư tài chính	TC	3	
FN	Phân tích tài chính	TC	2	ChuyenNganh -Đạt 10/21 TC

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
IB	Phân tích dữ liệu	TTK	3	
IB	Phân tích kinh doanh	KDQTM	3	
IB	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	
IB	Quản trị kinh doanh toàn cầu	KDQTM	3	
IB	Quản trị tài chính đa quốc gia	KDQTM	3	
IB	Triết học	LLCT	4	

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KM	Phân tích dữ liệu	TTK	3	
KM	Quản trị chiến lược toàn cầu	KDQTM	3	
KM	Quản trị kinh doanh toàn cầu	KDQTM	3	
KM	Triết học	LLCT	4	
KM	Phân tích kinh doanh	KDQTM	3	ChuyenNganh -Đạt 15/30 TC
KM	Quản trị tài chính đa quốc gia	KDQTM	3	ChuyenNganh -Đạt 15/30 TC

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
KN	Kế toán quản trị cao cấp	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính cao cấp 1	KTO	3	
KN	Kế toán tài chính cao cấp 2	KTO	3	
KN	Nghiên cứu ứng dụng trong kế toán	KTO	3	
KN	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán	KTO	2	
KN	Triết học	LLCT	4	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
LA	Luật công ty (II)	LUAT	4	
LA	Luật và phát triển	LUAT	4	
LA	Phương pháp nghiên cứu luật học	LUAT	4	
LA	Triết học	LLCT	4	
LA	Luật so sánh (II)	LUAT	4	ChuyenNganh -Đạt 20/40 TC

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
NH	Chính sách tiền tệ	NH	3	
NH	Ngân hàng quốc tế nâng cao	NH	3	
NH	Ngân hàng thương mại hiện đại	NH	3	
NH	Phương pháp nghiên cứu khoa học	QT	2	
NH	Thị trường và các định chế tài chính	NH	3	
NH	Triết học	LLCT	4	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
PF	Kinh tế học	KT	2	
PF	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	TCC	3	
PF	Phân tích chính sách thuế	TCC	3	
PF	Phương pháp nghiên cứu khoa học hướng ứng dụng	TCC	2	
PF	Tài chính công	TCC	3	
PF	Triết học	LLCT	4	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
QC	Kinh tế vi mô dành cho khu vực công	QLNN	2	
QC	Kinh tế vĩ mô dành cho khu vực công	QLNN	2	
QC	Marketing khu vực công	QLNN	2	
QC	Quản trị các tổ chức công	QLNN	2	
QC	Quản trị chiến lược các tổ chức công	QLNN	2	
QC	Quản trị nguồn nhân lực các tổ chức công	QLNN	2	
QC	Quản trị tài chính các tổ chức công	QLNN	2	
QC	Lãnh đạo trong khu vực công	QLNN	2	ChuyenNganh -Đạt 14/26 TC
QC	Luật và chính sách công	LUAT	2	ChuyenNganh -Đạt 14/26 TC

CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

NGÀNH	TÊN HỌC PHẦN	KHOA QL	SỐ TC	GHI CHÚ
TTTT	Khai phá dữ liệu nâng cao	CNTTKD	3	
TTTT	Phân tích dữ liệu	CNTTKD	3	
TTTT	Thiết kế thông tin và chiến lược nội dung	CNTTKD	3	
TTTT	Thống kê máy học	CNTTKD	3	
TTTT	Triết học	LLCT	4	
TTTT	Truyền thông marketing	KDQTM	3	